



FIGURES & EVENTS REVIEW
OF THE GSO (MPI)

Con số SỰ KIỆN

ISSN 2734-9136

TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 60 - KỲ II - 5/2021



DIỄN VĂN KỶ NIỆM 75 NĂM
NGÀY THÀNH LẬP NGÀNH THỐNG KÊ VIỆT NAM



PHƯƠNG PHÁP TÍNH CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG
CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ PHẢN ÁNH
SÁT VỚI BIẾN ĐỘNG GIÁ TIÊU DÙNG TRÊN THỊ TRƯỜNG



LAN TỎA TINH THẦN
SỬ DỤNG ĐIỆN TIẾT KIỆM, HIỆU QUẢ
TỪ CHÍNH SÁCH ĐẾN THỰC TIỄN



THỊ TRƯỜNG DẦU MỎ
ĐANG TRỞ LẠI THỜI HOÀNG KIM?

HUYỆN TỬA CHÙA: CHĂM LO PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC

Những năm qua, thực hiện chủ trương rà soát, sắp xếp lại mạng lưới trường, lớp học, ngành giáo dục huyện Tủa Chùa đã tham mưu để Huyện thực hiện sáp nhập các trường, các điểm trường lẻ nhằm tinh gọn bộ máy, tinh giảm đội ngũ, đồng thời tập trung nguồn lực đầu tư cho các điểm trường trung tâm. Đến năm học 2019 - 2020, Tủa Chùa còn lại 37 trường với 651 lớp và hơn 18 nghìn học sinh.

Song song, Phòng Giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) Tủa Chùa đã phối hợp với các phòng, ban rà soát hiện trạng của tất cả các trường từ đó tham mưu, đề xuất các phương án sửa chữa, cải tạo khuôn viên, cơ sở vật chất đã bị xuống cấp hư hỏng, đầu tư xây dựng bổ sung các phòng học mới, kiên cố, mua sắm trang thiết bị dạy học. Tuy nhiên, do điều kiện khó khăn của huyện nghèo nên đến hết năm học 2019 - 2020, Tủa Chùa vẫn còn phòng tam, phòng mượn (chiếm khoảng 2,4%) và còn thiếu 18 phòng học (cục bộ ở một số cơ sở), 146 phòng học bộ môn và 55 phòng ở nội trú.

Vượt lên những thiếu thốn trước mắt, các hoạt động giáo dục được triển khai và đạt được kết quả tốt, tiêu biểu là công tác phổ cập - xóa mù chữ. Cụ thể, đến năm 2020, toàn bộ 12/12 xã, thị trấn được công nhận phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi, 12/12 xã được công nhận phổ cập TH đạt từ mức độ 2 (trong đó có 6 xã đạt mức độ 3), 12/12 xã, thị trấn được công nhận phổ cập THCS từ mức độ 2 (trong đó có 3 xã đạt mức độ 3), 12/12 duy trì chuẩn xóa mù chữ cấp độ 2.

Để nâng cao chất lượng giáo dục, Phòng đã chủ động điều chỉnh kế hoạch năm học ở từng cấp học phù hợp với điều kiện thực tế và trình độ nhận thức của từng đối tượng học sinh. Bên cạnh đó, Phòng chỉ đạo các trường đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý giáo dục, đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá với những giải pháp cụ thể, phù hợp với điều kiện của các đơn vị. Ở bậc học mầm non, các trường đã tổ chức chăm sóc, giáo dục trẻ theo hướng lựa chọn những



Học sinh tiểu học của Tủa Chùa tham gia thi Trạng nguyên tiếng Việt trên Internet

Tủa Chùa là huyện miền núi vùng cao của tỉnh Điện Biên có địa hình chia cắt phức tạp, nhiều sông suối, hạ tầng giao thông còn chưa đồng bộ, đời sống người dân còn khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao... Vượt lên những trở ngại đó, bằng lòng yêu nghề, mến trẻ, các thầy cô giáo ở Tủa Chùa vẫn bám trường, bám bản, miệt mài gieo chữ, mang ánh sáng tri thức đến với con em các dân tộc nơi đây. Nhờ vậy, chất lượng giáo dục ở Tủa Chùa cũng đổi thay từng ngày.

nội dung giáo dục cần thiết, phù hợp với thời gian và khả năng nhận biết của trẻ. Ở cấp tiểu học và trung học cơ sở, Phòng chỉ đạo các trường không cắt xén hay dồn ép chương trình, tăng cường tổ chức dạy 2 buổi/ ngày, tập trung phụ đạo học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh giỏi.

Nhằm nâng cao năng lực và kỹ năng cho cán bộ giáo viên, nhân viên, Phòng chỉ đạo các trường thực hiện tốt công tác bồi dưỡng thường xuyên và nâng cao ý thức tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên; đổi mới, nâng cao hiệu quả sinh hoạt chuyên môn, tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề theo tổ, khối,

cụm trường... Ngoài ra, Phòng đã tham mưu để Huyện xây dựng kế hoạch tập huấn cập nhật kiến thức, đặc biệt là cho các cán bộ, giáo viên tất cả các trường học trên địa bàn về chương trình SGK mới.

Dưới sự chỉ bảo tận tình, tâm huyết của các thầy cô giáo cùng những nỗ lực của học sinh, chất lượng giáo dục toàn diện của Tủa Chùa được giữ vững, các chỉ tiêu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Nổi bật, trong năm học 2019 - 2020, chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ mầm non được nâng lên, 100% trẻ học 2 buổi/ngày, 99,2% trẻ được ăn bán trú tại trường, các trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất, tinh thần; tỷ lệ học sinh tiểu học thực hiện tốt các yêu cầu học tập của môn học và hoạt động giáo dục tăng (tỷ lệ chưa hoàn thành chỉ từ 1,4 - 1,6%), 98,1% học sinh tiểu học hoàn thành chương trình lớp học; tỷ lệ học sinh THCS đạt hạnh kiểm khá và tốt là 96,4%, học lực khá và giỏi là 42,5%, 100% học sinh tốt nghiệp THCS; số học sinh giỏi lớp 9 đạt giải các môn văn hóa cấp tỉnh là 10 em (trong đó 02 giải Ba; 01 sản phẩm đạt giải Ba cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh 02 học sinh đạt giải Khuyến khích cuộc thi Giải toán trên máy tính cầm tay cấp tỉnh); số trường đạt chuẩn quốc gia của Tủa Chùa là 14 trường (trong đó có 4 trường mầm non, 4 trường TH và 6 trường THCS).

Trịnh Long



PHÁT BIỂU CỦA ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG PHÓ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ LÊ MINH KHÁI TẠI LỄ KỶ NIỆM 75 NĂM NGÀY THÀNH LẬP NGÀNH THỐNG KÊ

LTS: Ngày 06/5/2021, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê đã long trọng tổ chức Lễ kỷ niệm 75 năm ngày thành lập ngành Thống kê Việt Nam (06/5/1946-06/5/2021). Tại buổi lễ, ngành Thống kê đã vinh dự được đón tiếp đồng chí Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khải. Dưới đây Tạp chí Con số và Sự kiện xin trân trọng giới thiệu toàn văn bài phát biểu của Đồng chí tại buổi Lễ.

Thưa các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo Tổng cục Thống kê và toàn thể công chức, viên chức, người lao động ngành Thống kê qua các thời kỳ,

Thưa các vị khách quốc tế, quý vị đại biểu và toàn thể các đồng chí,

Hôm nay, trong không khí toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đang ra sức nỗ lực triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, tích cực chuẩn bị cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, tôi rất vui mừng đến dự Lễ Kỷ niệm 75 năm ngày thành lập ngành Thống kê (06/5/1946 - 06/5/2021) và chúc mừng ngành Thống kê đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất. Thay mặt lãnh đạo Chính phủ, tôi thân ái gửi tới các quý vị đại biểu và các thể hệ lãnh đạo, công chức, viên chức, người lao động ngành Thống kê qua các thời kỳ lời thăm hỏi thân thiết và lời chúc mừng tốt đẹp nhất.

Thưa các đồng chí, cách đây đúng 75 năm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 61/SL quy định bộ máy tổ chức của Bộ Quốc dân Kinh tế gồm các phòng, ban, nha trực thuộc, trong đó có Nha Thống kê Việt Nam, nay là Tổng cục Thống kê - một ngành có vị trí, vai trò rất quan trọng. Qua những thước phim tư liệu và bài diễn văn của đồng chí Tổng cục trưởng



Tổng cục Thống kê, chúng ta phần nào thấy được truyền thống lịch sử vẻ vang của ngành Thống kê và những đóng góp to lớn của Ngành đối với sự nghiệp đấu tranh, bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước. Trải qua chặng đường lịch sử 75 năm xây dựng và trưởng thành, các thể hệ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ngành Thống kê đã không ngừng nỗ lực phấn đấu với tinh thần chủ động, tận tâm, tận tụy, đổi mới sáng tạo; không ngừng vươn lên, nêu cao trách nhiệm và lòng yêu nghề, vượt qua khó khăn, thử thách hoàn thành tốt các chức trách, nhiệm vụ được giao.

Thưa các đồng chí và quý vị đại biểu,

Tại buổi lễ long trọng này, chúng ta nhớ đến Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, Người sáng lập ra ngành Thống kê Việt Nam. Ngay từ những

ngày đầu mới thành lập, Nha Thống kê Việt Nam đã được Người dành nhiều sự quan tâm và tình cảm đặc biệt. Nhân dịp 75 năm kỷ niệm ngày thành lập ngành Thống kê, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng gửi thư chúc mừng, trong đó ghi nhận "ngành Thống kê đã nỗ lực phấn đấu, thực hiện tập trung, thống nhất và độc lập về chuyên môn nghiệp vụ, cung cấp số liệu xác thực" và "góp phần quan trọng vào sự nghiệp đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước nhanh và bền vững, được Đảng, Nhà nước và Nhân dân ghi nhận, đánh giá cao". Cũng nhân dịp này, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cũng gửi thư chúc mừng và có đánh giá ngành Thống kê đã "thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao".

Thưa các đồng chí và quý vị đại biểu,

Sau 75 năm phát triển, trưởng thành, ngày nay tổ chức thống kê

đã thực sự lớn mạnh với đội ngũ hơn 5.200 công chức, viên chức và người lao động ở tất cả các bộ, ngành, địa phương trên cả nước; được đào tạo bài bản, có phẩm chất tốt, năng lực chuyên môn sâu, năng động, sáng tạo, nhiệt huyết, trách nhiệm với nghề.

Trong mỗi giai đoạn lịch sử, ngành Thống kê đều có những đóng góp quan trọng, đậm dấu ấn vào sự phát triển và những thành tựu to lớn của đất nước thông qua việc thu thập, biên soạn, phổ biến thông tin thống kê kinh tế - xã hội trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời từ Trung ương đến địa phương phục vụ kịp thời sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Đảng và Nhà nước, các ngành, các cấp; đồng thời đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sử dụng thông tin thống kê ngày càng tăng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế, góp phần quan trọng vào sự thành công chung của đất nước.

Với quan điểm đổi mới, vừa phục vụ tốt sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của Đảng, Quốc hội và Chính phủ, vừa *"Hướng về người dùng tin"* của ngành Thống kê trong những năm qua, các đổi tượng sử dụng thông tin thống kê đã được tiếp cận một cách rộng rãi, lượng thông tin cung cấp không ngừng tăng lên, hình thức phổ biến thông tin ngày càng đa dạng. Qua báo cáo của các đồng chí, tôi đánh giá cao sự nỗ lực, phấn đấu không ngừng của các thể hệ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của toàn ngành Thống kê ở khắp mọi miền đất nước. Có thể khái quát những thành tích nổi bật của ngành Thống kê như sau:

Thứ nhất, ngành Thống kê đã thực hiện tốt nhiệm vụ bảo đảm thông tin thống kê, thể hiện rõ *"con số biết nói"* thông qua phân tích, giải thích, trình bày và tổ chức

dữ liệu thống kê để phục vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành, chính quyền địa phương các cấp trong công tác chỉ đạo, điều hành. Thực hiện thành công nhiều cuộc điều tra thống kê quy mô lớn, tạo nguồn dữ liệu đầu vào quan trọng cho việc xây dựng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và đề ra các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội. Nhiều ấn phẩm, chuyên đề thống kê được biên soạn ngày càng chất lượng, nội dung ngày càng đa dạng, đáp ứng ngày càng tốt nhiều đối tượng dùng tin khác nhau, trong đó nổi bật có thể kể đến như: Niên giám thống kê, Sách trắng doanh nghiệp, báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng, quý, năm, số liệu GDP và GRDP... Xây dựng và cập nhật kịch bản tăng trưởng kinh tế hàng quý và cả năm; làm rõ thêm các vấn đề trọng tâm cũng như đề xuất các giải pháp cụ thể báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Thường xuyên tổ chức họp báo hàng quý ở cả cấp Trung ương và địa phương, có giải trình, đảm bảo tính trung thực, khách quan số liệu thống kê, nhận được sự đồng tình cao của xã hội và người dân. Đặc biệt, tôi ghi nhận và biểu dương việc các đồng chí đã chủ động, công phu biên soạn và cập nhật số liệu để phục vụ công tác của Tiểu ban Kinh tế - Xã hội trong việc tổng kết Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020; xây dựng Chiến lược 10 năm 2021 - 2030 và Kế hoạch 5 năm 2021 - 2025.

Thứ hai, tập trung hoàn thiện môi trường pháp lý, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động thống kê và thúc đẩy hội nhập. Sự ra đời của Pháp lệnh Kế toán và Thống kê năm 1988, Luật Thống kê năm 2003, Luật Thống kê sửa đổi năm 2015, cùng theo đó là sự ra đời của các Nghị định,

Thông tư là những bước tiến dài trong việc củng cố môi trường pháp lý cho hoạt động thống kê chuyên nghiệp hơn, hiệu quả hơn. Cùng với hệ thống văn bản pháp lý, Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; và sắp tới đây, Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 sau khi được Chính phủ phê duyệt là những căn cứ quan trọng, tầm nhìn chiến lược, định hướng lâu dài cho Thống kê Việt Nam tiếp bước vững chắc trong bối cảnh yêu cầu về thông tin thống kê ngày càng nâng cao cả về chất lượng và số lượng.

Thứ ba, chuyên môn, nghiệp vụ thống kê từng bước được nâng lên, đi vào chuyên sâu trên mọi mặt, đáp ứng ngày càng toàn diện yêu cầu đánh giá và dự báo tình hình trong nước và so sánh quốc tế. Một số đổi mới căn bản về phương pháp luận mà ngành Thống kê đã thực hiện tốt như: Áp dụng hệ thống tài khoản quốc gia (SNA), biên soạn các chỉ tiêu thống kê GDP, GNP, đổi mới quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (GRDP).... đã cung cấp những thông tin quan trọng phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cấp từ Trung ương đến địa phương. Theo Ngân hàng thế giới, chỉ số năng lực thống kê Việt Nam có sự cải thiện rõ rệt, từ 64,44 điểm năm 2010 tăng lên 74,44 điểm năm 2020, tăng 2 bậc và hiện xếp thứ 5 trong khu vực Đông Nam Á. Trong đó, chỉ số phương pháp luận thống kê năm 2020 đạt 50 điểm, tăng 20 điểm so với năm 2010.

Thứ tư, ngành Thống kê là một trong những ngành tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số. Năm 2019, Tổng cục Thống kê được trao giải thưởng *"Cơ quan*



nhà nước chuyển đổi số xuất sắc". Ngành Thống kê đã xây dựng, vận hành hệ thống hợp trực tuyến từ Tổng cục Thống kê đến toàn bộ 63 Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đang trong quá trình mở rộng đến cấp Chi cục Thống kê, giúp nâng cao sự tương tác giữa Trung ương với địa phương cả về số lượng, thành phần tham dự và chất lượng truyền tải thông tin. Hướng tới chuyển đổi số toàn diện, ngành Thống kê đang triển khai phần mềm quản lý công việc (Taskgov) đối với toàn bộ công chức, viên chức và người lao động trong quản lý, điều hành, tương tác công việc; cập nhật tình hình thực hiện, tiến độ và đánh giá khối lượng công việc đã thực hiện.

Thứ năm, quan hệ hợp tác giữa Thống kê Việt Nam và thống kê các nước, vùng lãnh thổ, các tổ chức quốc tế ngày càng mở rộng, qua đó góp phần nâng cao vị thế của Thống kê Việt Nam nói riêng và của Việt Nam nói chung trên các diễn đàn quốc tế. Tổng cục Thống kê đã tham gia tích cực vào các hoạt động thống kê của các tổ chức quốc tế như: Thống kê Liên hợp quốc, thống kê ASEAN; chủ động tích cực, tham gia thường xuyên và có những đóng góp quan trọng để thúc đẩy hoạt động thống kê khu vực ASEAN, ESCAP, Đông Nam Á... Thống kê Việt Nam cũng triển khai hợp tác song phương hiệu quả với thống kê nhiều nước trong khu vực và trên thế giới.

Với công lao và thành tích xuất sắc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngành Thống kê và nhiều tập thể, cá nhân vinh dự được Đảng, Nhà nước trao tặng danh hiệu cao quý như Anh hùng Lao động, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập, Huân chương Lao động và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Nhân Lễ kỷ niệm 75 năm ngày thành lập Ngành, các đồng chí vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất. Thay mặt lãnh đạo Đảng và Nhà nước, tôi biểu dương, chia vui và chúc mừng những thành tích to lớn, sự trưởng thành vượt bậc và truyền thống vẻ vang mà các thế hệ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngành Thống kê đã nỗ lực phấn đấu đạt được trong suốt 75 năm qua.

Thưa các đồng chí,

Đất nước ta đang bước vào giai đoạn mới của quá trình phát triển với những thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen. Trong bối cảnh khoa học công nghệ, công nghệ thông tin phát triển bùng nổ và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra một cách mạnh mẽ, thì vai trò của ngành Thống kê sẽ ngày càng quan trọng hơn nữa trong phát triển kinh tế của đất nước trong thời gian tới.

Hiện nay, chúng ta đang tổ chức xây dựng Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó *"Hiện đại hóa Thống kê Việt Nam theo hướng đổi mới sáng tạo, phát triển nhanh và vững chắc với hệ thống tổ chức phù hợp; nguồn nhân lực chất lượng cao và chuyên nghiệp; công nghệ hiện đại; sản xuất, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế; hình thành hệ thống thông tin thống kê quốc gia tập trung, thống nhất, thông suốt, chất lượng và hiệu quả; đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin thống kê ngày càng tăng. Phấn đấu đến năm 2030, Thống kê Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực ASEAN và đến năm 2045 trở thành hệ thống thống kê hiện đại trên thế giới".* Để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác thống kê, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội

và thúc đẩy phát triển bền vững, tôi đề nghị ngành Thống kê trong thời gian tới cần lưu ý thực hiện một số nhiệm vụ sau:

Một là, tiếp tục nâng cao chất lượng thông tin thống kê, đặc biệt công tác phân tích, dự báo về tình hình kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế; phân tích kịp thời và dự báo những biến động lớn của từng ngành, lĩnh vực; hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu dự báo, cảnh báo kinh tế - xã hội, ngành, lĩnh vực, phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin thống kê của các đối tượng sử dụng trong và ngoài nước. Đẩy mạnh công tác phân tích xây dựng các "kịch bản" phát triển kinh tế - xã hội chính xác, đầy đủ, kịp thời, chuyên sâu báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong điều hành kinh tế vĩ mô. Tiếp tục tập trung thực hiện tốt tất cả các cuộc điều tra, trong đó, đặc biệt là Tổng điều tra kinh tế năm 2021. Thông tin Tổng điều tra kinh tế đóng vai trò rất quan trọng trong việc hoạch định chiến lược, chính sách, do vậy, nếu chất lượng thông tin đầu vào không tốt, không phản ánh chính xác tình hình kinh tế - xã hội, sẽ ảnh hưởng rất lớn đến công tác hoạch định chính sách của Chính phủ, bộ, ngành và địa phương.

Hai là, tập trung xây dựng Chương trình hành động và kế hoạch chi tiết để triển khai có hiệu quả Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đây là nền tảng nhằm hướng tới xây dựng hệ thống thống kê Việt Nam hiện đại theo hướng đổi mới, sáng tạo, phát triển và bền vững.

Ba là, tiếp tục đổi mới công tác phương pháp chế độ thống kê, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thống kê.

HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

Để thực hiện nhiệm vụ này, Tổng cục Thống kê cần hoàn thiện, sớm ban hành các phương án điều tra, chế độ báo cáo thống kê, áp dụng một số phương pháp thống kê mới; Khẩn trương triển khai việc kết nối chia sẻ dữ liệu hành chính giữa các cơ quan quản lý nhà nước để hình thành hệ thống thông tin thống kê quốc gia tập trung, thống nhất, thông suốt, chất lượng và hiệu quả, phục vụ quản lý, điều hành các cấp.

Bốn là, nâng cao trình độ chuyên môn với chất lượng đội ngũ ngày càng cao, tập trung đào tạo, đào tạo lại nhằm trau dồi nghiệp vụ chuyên môn, nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm phục vụ tốt hơn sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và quản lý của Đảng, Nhà nước và các đối tượng sử dụng thông tin khác, nâng cao vị thế Thống kê Việt Nam trong khu vực và quốc tế theo đúng tinh thần Thống kê thế giới “Dữ liệu tốt hơn, cuộc sống tốt hơn”. Đội ngũ lãnh đạo cốt cán của Ngành từ Trung ương đến địa phương cần có tinh thần đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm, nêu cao tinh thần nêu gương.

Năm là, tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thống kê, đẩy mạnh cung cấp và phổ biến thông tin thống kê theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Đây là xu hướng tất yếu khi Việt Nam đã tham gia các tổ chức quốc tế, các hiệp định thương mại. Việc hội nhập là cơ hội rất tốt để ngành Thống kê có thể tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của các tổ chức thống kê, các nước có trình độ thống kê tiên tiến trên thế giới. Phấn đấu đến năm 2030, Thống kê Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực ASEAN và đến năm 2045 trở thành hệ thống thống kê hiện đại trên thế giới.

Nhân buổi Lễ kỷ niệm hôm nay, tôi đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành và địa phương tạo điều kiện thuận lợi nhất về cơ chế, chính sách; giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc để ngành Thống kê ngày càng phát triển và hoạt động hiệu quả hơn nữa; chỉ đạo Tổng cục Thống kê sớm hoàn thiện và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Thưa các đồng chí và quý vị đại biểu,

Với tinh thần trách nhiệm, sự đoàn kết nhất trí, nhiệt huyết đổi mới, khát vọng vươn lên và sự năng động sáng tạo, tôi mong muốn và tin tưởng rằng tập thể lãnh đạo, công chức, viên chức, người lao động ngành Thống kê tiếp tục phát huy truyền thống vẻ vang và những thành tựu to lớn trong 75 năm qua, vượt qua khó khăn thách thức, nỗ lực phấn đấu hơn nữa, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao, ngày càng trưởng thành, vững mạnh trên mọi mặt, xứng đáng với các thế hệ đi trước và niềm tin của Đảng, Nhà nước và Nhân dân, đóng góp nhiều hơn nữa cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chúc quý vị đại biểu và các đồng chí mạnh khỏe, hạnh phúc, thành công.

Xin cảm ơn!

Kính thưa: Đồng chí Lê Minh Khái, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ;

Kính thưa: Đồng chí Nguyễn Chí Dũng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Kính thưa: Đồng chí đại diện Lãnh đạo Văn phòng Chính phủ; Các đồng chí đại diện Lãnh đạo các Bộ, ngành;

Kính thưa: Các đồng chí Lãnh đạo và nguyên lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Lãnh đạo và nguyên lãnh đạo Tổng cục Thống kê;

Kính thưa toàn thể các đồng chí và các vị khách quý tham dự hội nghị trực tiếp và trực tuyến tại các điểm cầu ở Trung ương và địa phương.

Hôm nay, ngành Thống kê Việt Nam vui mừng tổ chức Lễ kỷ niệm 75 năm ngày thành lập Ngành, chào mừng ngày Thống kê Việt Nam và đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất, phần thưởng cao quý của Nhà nước trao tặng, ghi nhận những đóng góp quan trọng của ngành Thống kê vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Toàn thể công chức, viên chức và người lao động ngành Thống kê xin nhiệt liệt chào mừng và trân trọng cảm ơn đồng chí Lê Minh Khái, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ; đồng chí Nguyễn Chí Dũng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; nguyên Bộ trưởng Võ Hồng Phúc, nguyên Bộ trưởng Bùi Quang Vinh, Ban Cán sự Đảng; các đồng chí Lãnh đạo Bộ và các đồng chí nguyên lãnh đạo Tổng cục Thống kê về sự quan tâm, chỉ đạo hiệu quả đối với hoạt động thống kê trong thời gian qua; nhiệt liệt chào mừng và trân trọng cảm ơn đại diện Văn phòng Chính phủ, các Bộ, ban, ngành và địa phương cùng toàn thể các vị khách quý đã quan tâm, hỗ trợ ngành Thống kê và đến dự Lễ kỷ niệm ngày hôm nay.

Kính thưa các đồng chí và các vị khách quý,

Cách đây tròn 75 năm, ngày 06 tháng 5 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 61/SL thành lập Nha Thống kê Việt Nam thuộc Bộ Quốc dân Kinh tế - tổ chức tiền thân của ngành Thống kê nước ta. Việc thành lập Nha Thống kê Việt Nam ngay từ những ngày đầu dựng nước đã thể hiện tầm nhìn chiến lược và việc thấm nhuần tư tưởng của Lê-nin, đó là “Thống kê kinh tế - xã hội là một trong



DIỄN VĂN KỶ NIỆM 75 NĂM NGÀY THÀNH LẬP NGÀNH THỐNG KÊ VIỆT NAM

LTS: Ngày 06/5/2021, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê đã long trọng tổ chức Lễ kỷ niệm 75 năm ngày thành lập ngành Thống kê Việt Nam (06/5/1946-06/5/2021). Dưới đây Tạp chí Con số và Sự kiện xin trân trọng giới thiệu toàn văn diễn văn Lễ kỷ niệm do Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê Nguyễn Thị Hương trình bày tại buổi Lễ.

những công cụ mạnh mẽ nhất để nhận thức xã hội”.

Trải qua 75 năm hình thành và phát triển, ngành Thống kê Việt Nam đã không ngừng lớn mạnh, đã khẳng định được vai trò, vị trí, uy tín đối với Đảng, Nhà nước, cơ quan quản lý các cấp, người dùng tin trong nước và quốc tế. Quá trình hình thành và phát triển của ngành Thống kê gắn liền với các giai đoạn lịch sử của đất nước đã được thể hiện những nét chính trong Phim tài liệu các đồng chí và các vị khách quý vừa xem. Sau đây, thay mặt Lãnh đạo ngành Thống kê, tôi xin điểm qua những dấu mốc quan trọng và đóng góp của ngành Thống kê đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Những ngày đầu khi mới thành lập, mặc dù cơ cấu tổ chức còn rất đơn giản, số lượng cán bộ ít và trình độ nghiệp vụ chuyên môn còn nhiều hạn chế nhưng Nhà Thống kê Việt Nam đã vượt qua muôn vàn khó khăn, vừa tự đào tạo, vừa triển khai các hoạt động thu thập, tổng hợp thông tin phục vụ Đảng, Chính phủ và các Liên khu chỉ đạo công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và kiến quốc của dân tộc.

Năm 1956, Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ số 695/TTg về tổ chức Cục Thống kê Trung ương (thuộc Ủy ban Kế hoạch Nhà nước), các cơ quan Thống kê địa phương và các tổ chức thống kê ở các Bộ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đến cuối năm 1957,



hầu hết các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương của miền Bắc đã có cơ quan thống kê địa phương.

Năm 1961, Chính phủ ban hành Nghị định số 131/CP quy định nhiệm vụ, quyền hạn và bộ máy Tổng cục Thống kê. Theo đó, Tổng cục Thống kê là cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ.

Năm 1974, Hội đồng Chính phủ ban hành Nghị định số 72/CP, trong đó quy định Tổng cục Thống kê là cơ quan thuộc Chính phủ, có các vụ trực thuộc, các Chi cục thống kê cấp tỉnh, phòng thống kê cấp huyện. Đây là giai đoạn đánh dấu ngành Thống kê được tổ chức theo hệ thống "ngành dọc" thống nhất từ Trung ương đến cấp huyện.

Năm 1988, Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 81/HĐBT quy định lại chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của ngành Thống kê các cấp. Theo Quyết định này, bộ máy thống kê địa phương được chuyển giao từ Tổng cục Thống kê quản lý sang Ủy ban nhân dân

tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý.

Năm 1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 23/CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Tổng cục Thống kê thay thế Quyết định số 81/HĐBT năm 1988. Theo Nghị định này, Tổng cục Thống kê trở lại quản lý theo ngành dọc. Đây là sự kiện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển và trưởng thành của ngành Thống kê, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thống kê trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Luật Thống kê 2003, và Luật thống kê 2015 tiếp tục quy định hệ thống tổ chức thống kê tập trung được tổ chức theo ngành dọc gồm cơ quan thống kê trung ương và cơ quan thống kê địa phương.

Việc Tổng cục Thống kê thực hiện quản lý theo ngành dọc từ năm 1994 đến nay là điều kiện thuận lợi để Tổng cục Thống kê triển khai nghiệp vụ một cách



thống nhất, đồng bộ, giữ vững được tính độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ.

Kính thưa các đồng chí và các vị khách quý,

Nhìn lại chặng đường 75 năm qua, trong mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ, với các tên gọi khác nhau, dù chức năng, nhiệm vụ có thay đổi nhưng nhiệm vụ quan trọng và xuyên suốt trong 75 năm qua của ngành Thống kê đó là biên soạn và cung cấp thông tin kinh tế - xã hội, những bằng chứng xác thực giúp Đảng, Nhà nước xây dựng, giám sát, đánh giá và chỉ đạo thực hiện Chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của các bộ, ngành và địa phương.

Với những thành quả đạt được trong 75 năm xây dựng và phát triển, ngành Thống kê đã được Đảng, Nhà nước ghi nhận và xã hội đánh giá cao. Nhiều đơn vị và công chức, viên chức, người lao động thống kê đã được tặng thưởng Huân chương các loại, được Chính phủ tặng cờ luân lưu và bằng khen, được các Bộ, ngành và địa phương tặng nhiều bằng khen, huy chương, kỷ niệm chương và nhiều phần thưởng cao quý khác. Toàn ngành Thống kê đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh năm 2006, Huân chương Độc lập hạng Nhất lần thứ nhất năm 1996, lần thứ hai năm 2011, Huân chương Độc lập hạng Ba năm 2016. Hôm nay, trong ngày kỷ niệm trọng thể này, ngành Thống kê có vinh dự được đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận ngày 06/5 hàng năm là "Ngày Thống kê Việt Nam" vinh danh những đóng góp của toàn ngành Thống kê đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thành tựu của ngành Thống kê đạt được trong 75 năm qua là nhờ sự quan tâm sâu sắc của Lãnh đạo

Đảng và Nhà nước; sự quan tâm, chỉ đạo của Bộ trưởng, Ban Cán sự Đảng và lãnh đạo Bộ; sự phối hợp chặt chẽ của các Bộ, ngành, địa phương; sự hợp tác, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, thống kê các nước, các chuyên gia thống kê trong và ngoài nước; sự hợp tác cung cấp thông tin của cơ quan, tổ chức, cộng đồng doanh nghiệp và người dân và đặc biệt là lòng yêu ngành, yêu nghề, sự phấn đấu không mệt mỏi, vượt qua bao khó khăn, vất vả trong cuộc sống, trong công việc của lớp lớp công chức, viên chức và người lao động ngành Thống kê. Nhân dịp này, cho phép tôi thay mặt công chức, viên chức và người lao động toàn ngành Thống kê bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với sự quan tâm, giúp đỡ và những đóng góp quý báu đó.

Kính thưa các đồng chí và các vị khách quý,

Kế thừa và phát huy những thành tựu và kết quả đạt được trong 75 năm qua, trong thời gian tới ngành Thống kê sẽ tiếp tục đổi mới sáng tạo, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ để phát triển nhanh và vững chắc. Để làm được điều đó, toàn ngành Thống kê sẽ tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp sau: (1) Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tổ chức, phát triển nguồn nhân lực; (2) Xây dựng, hoàn thiện, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, mô hình thống kê; (3) Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu; (4) Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu, phân tích, dự báo, biên soạn và phổ biến thông tin thống kê; (5) Đẩy nhanh tư liệu hóa, chuyển đổi số trong công tác thống kê; (6) Mở rộng, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế, thống kê nước ngoài; (7) Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo; (8) Tăng cường kiểm tra,

giám sát, thanh tra chuyên ngành thống kê; (9) Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ công tác thống kê.

Nhiệm vụ của ngành Thống kê trong thời gian tới còn rất nặng nề nhưng tôi tin rằng với sự quan tâm của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Bộ trưởng và Ban Cán sự Đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, sự hợp tác chặt chẽ của các Bộ, ngành và địa phương, sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, của các chuyên gia thống kê trong và ngoài nước và sự nỗ lực của công chức, viên chức và người lao động trong toàn Ngành, nhất định ngành chúng ta sẽ phát huy được truyền thống tốt đẹp và thành tích đã đạt được trong 75 năm qua để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần đưa Thống kê Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực ASEAN vào năm 2030 và trở thành hệ thống thống kê hiện đại trên thế giới vào năm 2045.

Một lần nữa thay mặt các thể hệ công chức, viên chức và người lao động toàn ngành Thống kê tôi xin bày tỏ lòng biết ơn đối với Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, lãnh đạo và nguyên lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã dành cho ngành Thống kê sự quan tâm sâu sắc, ghi nhận những cống hiến của ngành Thống kê trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Kính chúc đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ; đồng chí Bộ trưởng và nguyên Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các đồng chí Lãnh đạo Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành; Lãnh đạo và nguyên Lãnh đạo Tổng cục Thống kê; các vị khách quý và các đồng chí tham dự Lễ kỷ niệm sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Chúc sự nghiệp Thống kê ngày càng phát triển!

Xin trân trọng cảm ơn!

LỄ KỶ NIỆM 75 NĂM NGÀY THÀNH LẬP NGÀNH THỐNG KÊ VIỆT NAM

Sáng ngày 06/5/2021, tại Hà Nội, TCTK long trọng tổ chức Lễ kỷ niệm 75 năm ngày thành lập Ngành, chào mừng ngày Thống kê Việt Nam và đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất.

Ngành Thống kê vinh dự được đón tiếp đồng chí Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái; Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng; Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư Trần Quốc Phương cùng các đồng chí nguyên Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Võ Hồng Phúc, Bùi Quang Vinh; Nguyên Thứ trưởng, kiêm Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Đức Hòa; các đồng chí nguyên Tổng cục trưởng TCTK: Đỗ Thúc, Nguyễn Bích Lâm. Tham dự buổi Lễ có Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương; đại diện lãnh đạo một số Bộ, ngành Trung ương, một số đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các đồng chí Phó Tổng cục trưởng và nguyên Phó Tổng cục trưởng TCTK qua các thời kỳ; các tổ chức quốc tế tại Hà Nội; lãnh đạo, công chức, viên chức và người lao động các đơn vị thuộc TCTK qua các thời kỳ.

Tại Lễ Kỷ niệm, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê (TCTK) Nguyễn Trung Tiến đọc thư chúc mừng ngành Thống kê của Tổng bí thư nước CHXHCN Việt Nam Nguyễn Phú Trọng; Thủ tướng Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam Phạm Minh Chính; Ban Thư ký ASEAN; công bố Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về ngày Thống kê Việt Nam.



Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái (ngoài cùng bên phải) trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất cho ngành Thống kê

Phát biểu chào mừng Lễ Kỷ niệm 75 năm thành lập ngành Thống kê Việt Nam, Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương nhiệt liệt chào mừng và gửi lời cảm ơn sâu sắc tới các đồng chí Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội; lãnh đạo các Bộ, ngành Trung ương và địa phương, các tổ chức quốc tế và các vị khách quý đã quan tâm, ủng hộ sự phát triển của ngành Thống kê và đến dự Lễ kỷ niệm.

Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương nhấn mạnh, trải qua 75 năm hình thành và phát triển, ngành Thống kê Việt Nam đã không ngừng lớn mạnh, đã khẳng định được vai trò, vị trí, uy tín đối với Đảng, Nhà nước, cơ quan quản lý các cấp, người dùng tin trong nước và quốc tế. Quá trình hình thành và phát triển của ngành Thống kê gắn liền với các giai đoạn lịch sử của đất nước.

Nhìn lại chặng đường 75 năm qua, trong mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ, với các tên gọi khác nhau, dù chức năng, nhiệm vụ có thay đổi nhưng nhiệm vụ quan trọng và xuyên suốt trong 75 năm qua của ngành Thống kê đó là biên soạn và cung cấp thông tin kinh tế - xã hội, những bằng chứng xác thực giúp Đảng, Nhà nước xây dựng, giám sát và đánh giá thực hiện Chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của các bộ, ngành và địa phương.

Thành tựu của ngành Thống kê trong 75 năm qua bắt nguồn từ sự quan tâm sâu sắc của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước, sự ủng hộ, quan tâm chỉ đạo của Bộ trưởng, Ban Cán sự Đảng và lãnh đạo Bộ, sự phối hợp chặt chẽ của các Bộ, ngành, địa phương, sự hợp tác, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, thống kê các nước, các chuyên gia

thống kê quốc tế, sự hợp tác cung cấp thông tin của cơ quan, tổ chức, cộng đồng doanh nghiệp và người dân và đặc biệt là lòng yêu ngành, yêu nghề, sự phấn đấu không mệt mỏi, vượt qua bao khó khăn, vất vả trong cuộc sống, trong công việc của lớp lớp công chức, viên chức và người lao động ngành Thống kê.

Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương cho biết, kế thừa và phát huy những thành tựu và kết quả đạt được trong 75 năm qua, trong thời gian tới ngành Thống kê sẽ tiếp tục đổi mới sáng tạo, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ để phát triển nhanh và vững chắc. Để làm được điều đó, toàn ngành Thống kê sẽ tập trung vào thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp sau: (1) Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tổ chức, phát triển nguồn nhân lực; (2) Xây dựng, hoàn thiện, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, mô hình thống kê; (3) Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu; (4) Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu, phân tích, dự báo, biên soạn và phổ biến thông tin thống kê; (5) Đẩy nhanh tư liệu hóa, chuyển đổi số trong công tác thống kê; (6) Mở rộng, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế, thống kê nước ngoài trong công tác thống kê; (7) Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo; (8) Tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành thống kê; (9) Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ công tác thống kê...

Tại Lễ Kỷ niệm, Lãnh đạo Tổng cục Thống kê đã đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất do Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái trao tặng cho Ngành Thống kê Việt Nam. Đây là phần thưởng cao quý của Nhà nước trao tặng, ghi nhận những đóng góp quan trọng



của ngành Thống kê vào sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước.

Phát biểu chỉ đạo tại Lễ Kỷ niệm, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái nhiệt liệt biểu dương, chia vui và chúc mừng những thành tích to lớn, sự trưởng thành vượt bậc và truyền thống vẻ vang mà các thế hệ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngành Thống kê đã nỗ lực phấn đấu đạt được trong suốt 75 năm qua.

Phó Thủ tướng Lê Minh Khái nhấn mạnh "Tại buổi Lễ long trọng này, chúng ta nhớ đến Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, Người sáng lập ra ngành Thống kê Việt Nam. Ngay từ những ngày đầu thành lập, Nhà Thống kê Việt Nam đã được Người dành nhiều sự quan tâm và tình cảm đặc biệt".

Phó Thủ tướng Lê Minh Khái chia sẻ, nhân dịp 75 năm kỷ niệm Ngày thành lập ngành Thống kê, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng gửi thư chúc mừng, trong đó khẳng định "ngành Thống kê đã nỗ lực phấn đấu, thực hiện tập trung, thống nhất và độc lập về chuyên môn nghiệp vụ, cung cấp số liệu xác thực" và "góp phần quan trọng vào sự nghiệp đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước nhanh và bền vững, được Đảng, Nhà nước và nhân dân ghi nhận, đánh giá cao". Cũng nhân dịp này, Thủ tướng

Chính phủ Phạm Minh Chính cũng gửi thư chúc mừng và đánh giá ngành Thống kê đã "thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao".

Xuyên suốt 75 năm hình thành và phát triển, trong mỗi giai đoạn lịch sử, ngành Thống kê đều có những đóng góp quan trọng, đậm dấu ấn vào sự phát triển và những thành tựu to lớn của đất nước thông qua việc thu thập, biên soạn, phổ biến thông tin thống kê kinh tế - xã hội trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời từ Trung ương đến địa phương phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Đảng và Nhà nước, các cấp, các ngành; đồng thời đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sử dụng thông tin thống kê ngày càng tăng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế.

Để phát triển bền vững, Phó Thủ tướng Lê Minh Khái đề nghị ngành Thống kê trong thời gian tới cần lưu ý thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau: (1) Tiếp tục nâng cao chất lượng thông tin thống kê đặc biệt công tác phân tích, dự báo về tình hình kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế; phản ánh kịp thời và dự báo những biến động lớn của từng ngành, lĩnh vực; hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu dự báo, cảnh báo

kinh tế - xã hội, ngành, lĩnh vực, phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ ngành và địa phương, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin thống kê của các đối tượng sử dụng trong và ngoài nước. Đẩy mạnh công tác phân tích xây dựng các “kịch bản” phát triển kinh tế - xã hội chính xác, đầy đủ, kịp thời, chuyên sâu báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong điều hành kinh tế vĩ mô. Tiếp tục tập trung thực hiện tốt tất cả các cuộc điều tra, trong đó, đặc biệt là Tổng điều tra kinh tế năm 2021. (2) Tập trung xây dựng chương trình hành động và kế hoạch chi tiết để triển khai có hiệu quả Chiến lược phát triển Thống kê giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. (3) Tiếp tục đổi mới công tác phương pháp chế độ thống kê, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thống kê. (4) Nâng cao trình độ chuyên môn với chất lượng đội ngũ ngày càng cao, tập trung đào tạo, đào tạo lại nhằm trau dồi nghiệp vụ chuyên môn, nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm phục vụ tốt hơn sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và quản lý của Đảng, Nhà nước và các đối tượng sử dụng thông tin khác, nâng cao vị thế Thống kê Việt Nam trong khu vực và quốc tế theo đúng tinh thần Thống kê

thế giới “Dữ liệu tốt hơn, cuộc sống tốt hơn”. Đội ngũ lãnh đạo cốt cán của Ngành từ Trung ương đến địa phương cần có tinh thần trách nhiệm và dám chịu trách nhiệm, nêu cao tinh thần nêu gương. (5) Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thống kê, đẩy mạnh cung cấp và phổ biến thông tin thống kê theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế.

Phó Thủ tướng Lê Minh Khái cũng yêu cầu Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành liên quan tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất về cơ chế, chính sách; giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc để ngành Thống kê ngày càng phát triển và hoạt động hiệu quả hơn nữa; chỉ đạo Tổng cục Thống kê sớm hoàn thiện và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Với tinh thần trách nhiệm, sự đoàn kết nhất trí, nhiệt huyết đổi mới, khát vọng vươn lên và sự năng động sáng tạo, Phó Thủ tướng Lê Minh Khái tin tưởng tập thể lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngành Thống kê tiếp tục phát huy truyền thống tốt đẹp và những thành tựu to lớn trong 75 năm qua, vượt qua khó khăn thách thức, nỗ lực phấn đấu hơn nữa, hoàn thành xuất sắc

các nhiệm vụ được giao, ngày càng trưởng thành, vững mạnh về mọi mặt, xứng đáng với các thế hệ đi trước và niềm tin của Đảng, Nhà nước và Nhân dân, đóng góp nhiều hơn nữa cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đáp từ chỉ đạo của Phó Thủ tướng Lê Minh Khái, thay mặt Lãnh đạo TCTK, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương bày tỏ sự vui mừng và xúc động được lắng nghe ý kiến phát biểu của Phó Thủ tướng. Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương cho biết, những lời biểu dương của Phó Thủ tướng Lê Minh Khái sẽ là nguồn cổ vũ, động viên lớn lao đối với toàn thể công chức, viên chức và người lao động toàn ngành Thống kê. Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương gửi lời cảm ơn, tiếp thu những ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng và xin hứa sẽ tiếp tục phát huy những truyền thống tốt đẹp của Ngành 75 năm qua để triển khai đầy đủ những ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng bằng những hành động cụ thể, thiết thực.

Cũng tại Lễ Kỷ niệm, đại diện công chức, viên chức và người lao động đã nghỉ hưu, thế hệ trẻ ngành Thống kê, thống kê cấp xã đã trình bày một số bài tham luận chào mừng Lễ Kỷ niệm 75 năm thành lập ngành Thống kê Việt Nam.

Kết thúc Lễ Kỷ niệm, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Trần Quốc Phương đã trao Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp thống kê cho các cá nhân thuộc các tổ chức quốc tế đã có những đóng góp tích cực cho ngành Thống kê Việt Nam.

Với tinh thần làm việc khẩn trương, nghiêm túc, thực hiện nghiêm những quy định phòng chống dịch Covid-19, Lễ Kỷ niệm 75 năm thành lập ngành Thống kê Việt Nam đã thành công tốt đẹp./.

Thu Hương



TỔNG CỤC THỐNG KÊ KHÁNH THÀNH

CÔNG TRÌNH PHỤC DỰNG, TÔN TẠO DI TÍCH NHÀ THỐNG KÊ VIỆT NAM

Nhân dịp kỷ niệm 75 năm ngày thành lập Ngành Thống kê Việt Nam (06/5/1946 - 06/5/2021), ngày 05/5/2021, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê Nguyễn Thị Hương; nguyên Thứ trưởng Bộ KHĐT, kiêm Tổng cục trưởng Nguyễn Đức Hòa; các đồng chí nguyên Tổng cục trưởng: Đỗ Thúc, Nguyễn Bích Lâm; các Phó Tổng cục trưởng: Phạm Quang Vinh, Nguyễn Trung Tiến và các đồng chí nguyên Phó Tổng cục trưởng TCTK các thời kỳ; đại diện Ban Thường vụ Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn Thanh niên cơ quan Tổng cục Thống kê; đại diện nguyên lãnh đạo, lãnh đạo một số Cục Thống kê địa phương đã đến dâng hương tưởng niệm tại khu di tích lịch sử Chủ tịch Phủ - Thủ tướng Phủ và nghiệm thu, khánh thành công trình phục dựng, tôn tạo di tích Nhà Thống kê Việt Nam tại thôn Lập Bình, xã Bình Yên, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang là vùng căn cứ địa quan trọng gắn liền với quá trình đấu tranh gian khổ của dân tộc, cũng là địa danh có Thủ tướng phủ, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chính phủ đã bàn bạc và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước trong thời kỳ tiền khởi nghĩa và thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp.

Tại đây, các thành viên trong Đoàn đã tham quan Chủ tịch Phủ - Thủ tướng Phủ; Đến thờ các vị tiền bối Cách mạng thuộc Khu Di tích Quốc gia đặc biệt Tân Trào và dâng hương tưởng nhớ, bày tỏ lòng tri ân sâu sắc đối với anh linh các thế hệ đi trước.

Sau Lễ dâng hương, các đồng chí lãnh đạo và nguyên lãnh đạo TCTK qua các thời kỳ đã tiến hành nghiệm thu và cắt băng khánh thành công trình phục dựng, tôn tạo di tích Nhà Thống kê Việt Nam.

Báo cáo kết quả công trình phục dựng, tôn tạo di tích Nhà



Thống kê Việt Nam, ông Phạm Hùng Sơn, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Tuyên Quang cho biết, được sự ủy quyền của Lãnh đạo TCTK, trên cơ sở phối hợp với Văn phòng TCTK, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch và Bảo tàng tỉnh Tuyên Quang thu thập và tìm hiểu về lịch sử hình thành ngành Thống kê qua các tài liệu còn lưu trữ; và sự đồng ý của UBND tỉnh Tuyên Quang, CTK tỉnh Tuyên Quang đã phối hợp với đơn vị tư vấn, thiết kế xây dựng, hoàn thiện phương án kiến trúc và thực hiện phục dựng, tôn tạo di tích Nhà Thống kê Việt Nam tại khu di tích Chủ tịch Phủ - Thủ tướng Phủ thuộc thôn Lập Bình, xã Bình Yên, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Công trình phục dựng, tôn tạo Nhà Thống kê Việt Nam được khởi công xây dựng từ tháng 3/2021, là nhà làm việc 4 gian của cán bộ, nhân viên thời kỳ trước với diện tích khoảng 70 m², với tổng mức đầu tư là 1,9 tỷ đồng, trong đó 1,6 tỷ đồng từ nguồn kinh phí đóng góp của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong toàn Ngành.

Phát biểu tại Lễ khánh thành, Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương đã ghi nhận sự nỗ lực của Cục Thống kê tỉnh Tuyên Quang, Văn phòng Tổng cục và nhà thầu xây dựng trong việc hoàn thành

công trình phục dựng, tôn tạo di tích Nhà Thống kê Việt Nam và cảm ơn sự đóng góp, ủng hộ của tất cả các đồng chí lãnh đạo, công chức, viên chức và người lao động toàn Ngành trong việc xây dựng công trình phục dựng, tôn tạo di tích Nhà Thống kê Việt Nam. Đồng thời Tổng cục trưởng cảm ơn Lãnh đạo Ủy ban nhân dân; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Tuyên Quang đã tạo mọi điều kiện, hỗ trợ Tổng cục Thống kê hoàn thành việc xây dựng công trình phục dựng, tôn tạo di tích Nhà Thống kê Việt Nam. Công trình được hoàn thành vào thời điểm toàn Ngành đang hân hoan chào mừng 75 năm kỷ niệm ngày thành lập ngành Thống kê, có ý nghĩa vô cùng to lớn trong việc thể hiện ý chí quyết tâm của tập thể lãnh đạo Tổng cục, lãnh đạo các đơn vị và toàn thể công chức, viên chức ngành Thống kê trong việc lưu giữ lịch sử, văn hóa, truyền thống về vang của Ngành. Công trình phục dựng, tôn tạo di tích Nhà Thống kê Việt Nam là nơi các thế hệ công chức, viên chức và người lao động ngành Thống kê hướng về căn cứ địa cách mạng, hướng về nguồn cội và sẽ trở thành địa chỉ văn hóa có ý nghĩa quan trọng của ngành Thống kê./

B.N

HỘI THẢO QUY TRÌNH 8 BƯỚC TRONG ĐIỀU TRA THỐNG KÊ



Nhằm triển khai và hiện thực hóa quy trình các bước thực hiện trong điều tra thống kê, sáng ngày 12/5/2021, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã tổ chức Hội thảo Quy trình 8 bước trong điều tra thống kê. Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương tham dự và chỉ đạo Hội thảo. Tham dự Hội thảo có các Phó Tổng cục trưởng Phạm Quang Vinh, Nguyễn Trung Tiến, đại diện lãnh đạo, chuyên viên các đơn vị thuộc TCTK. Hội thảo được kết nối trực tuyến với 05 điểm cầu: 03 Trung tâm tin học thống kê khu vực I, II, III và 02 Trường trường Cao đẳng Thống kê.

Tại Hội thảo các đại biểu đã được nghe Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê (TTDL) trình bày Dự thảo Quy trình 8 bước trong điều tra thống kê và Dự thảo Quy chế phối hợp giữa Cục TTDL với các đơn vị thuộc TCTK, Cục Thống kê các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong hoạt động thống kê. Theo đó, Quy trình bao gồm 8 bước cụ thể: Bước 1: Xác định nhu cầu; Bước 2: Chuẩn bị thu thập; Bước 3: Thu thập; Bước 4: Xử lý và tổng hợp; Bước 5: Phân tích; Bước 6: Phổ biến; Bước 7: Lưu trữ;

Bước 8: Đánh giá chất lượng. Nội dung Dự thảo lần này đã được tổng hợp và rà soát sửa đổi từ những nội dung đã được thảo luận tại cuộc hội thảo trước đây.

Dự thảo Quy chế Phối hợp giữa Cục TTDL với các đơn vị thuộc TCTK, Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong hoạt động thống kê, bao gồm 3 chương với 16 điều, quy định về nguyên tắc, nội dung, hình thức, trách nhiệm phối hợp giữa Cục TTDL với các đơn vị thuộc TCTK.

Hội thảo đã dành nhiều thời gian để các đại biểu tham dự đóng góp ý kiến hoàn thiện quy trình 8 bước điều tra thống kê và Quy chế phối hợp.

Với các ý kiến đóng góp của các đại biểu tại Hội thảo, Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương yêu cầu Cục TTDL với chức năng là đơn vị đầu mối chủ trì soạn thảo Quy chế 8 bước trong điều tra thống kê và Quy chế phối hợp cần tiếp thu, tổng hợp, rà soát đầy đủ các ý kiến đã được thảo luận tại Hội thảo. Tuy nhiên, để việc triển khai xây dựng hoàn thiện Quy trình 8 bước điều tra thống kê, Cục TTDL cần phối hợp chặt chẽ với các đơn vị như: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý

chất lượng thông tin thống kê, Vụ Pháp chế và thanh tra thống kê, Viện Khoa học Thống kê, Vụ Kế hoạch Tài chính, Văn phòng TCTK và các đơn vị khác... để có được những đánh giá tổng quan, bao quát tất cả các khâu trong Quy trình. Tổng cục trưởng đặc biệt nhấn mạnh Quy trình cần có phạm vi, đối tượng mở rộng hơn; Cần thể hiện rõ sự tham gia của các đơn vị trong quy trình điều tra thống kê, nêu rõ vai trò chủ trì, phối hợp... Cục TTDL cần tiếp tục rà soát, sắp xếp các nội dung trật tự theo khung chuẩn quốc tế.

Đối với Quy chế phối hợp, Cục TTDL xem xét đảm bảo các nội dung trong Quy chế có sự thống nhất, rõ ràng hơn nhằm làm rõ trách nhiệm của mỗi đơn vị, đảm bảo việc triển khai thực hiện phù hợp.

Tiếp theo đó, để việc triển khai và đưa vào thực hiện theo một quy trình thống nhất, đạt hiệu quả cao Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương đề nghị các đơn vị tiếp tục có các nghiên cứu và triển khai cụ thể các công việc tại mỗi đơn vị với những nội dung đã được trao đổi tại Dự thảo Quy trình cũng như đảm bảo các yêu cầu đề cập trong Quy chế phối hợp./.

Thu Hòa

Sáng ngày 11/5/2021, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) tổ chức Hội thảo sửa đổi, bổ sung danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê. Ông Nguyễn Trung Tiến, Phó Tổng cục trưởng TCTK chủ trì Hội thảo.

Tham dự Hội thảo có đại diện lãnh đạo và chuyên viên các đơn vị thuộc TCTK và Bộ Thông tin và Truyền thông.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến nhấn mạnh, chỉ tiêu thống kê quốc gia được xây dựng theo nguyên tắc: Phản ánh tình hình phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu của đất nước (những chỉ tiêu có phạm vi, mức độ ở tầm quốc gia); Bảo đảm tính khả thi; Bảo đảm so sánh quốc tế. Chính vì vậy, hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phải phản ánh được

HỘI THẢO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA CỦA LUẬT THỐNG KÊ

Nghị quyết và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, đồng thời phải đảm bảo được tính so sánh quốc tế...

Dự thảo danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia (CTTKQG) sửa đổi, bổ sung gồm 20 nhóm với 215 chỉ tiêu. So với danh mục CTTKQG ban hành kèm theo Luật Thống kê 2015 (gồm 20 nhóm và 186 chỉ tiêu) có thay đổi về số chỉ tiêu. Cụ thể danh mục CTTKQG sửa đổi, bổ sung giữ nguyên 145 chỉ tiêu, sửa tên 34 chỉ tiêu, bổ sung 36 chỉ tiêu và bỏ đi 7 chỉ tiêu.

Các chỉ tiêu thống kê quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất sửa đổi, bổ sung gồm 25 chỉ tiêu, trong đó, giữ nguyên tên:

4 chỉ tiêu; Sửa tên: 6 chỉ tiêu; Bổ sung: 15 chỉ tiêu. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì thực hiện 20 chỉ tiêu và Tổng cục Thống kê chủ trì thực hiện 5 chỉ tiêu.

Tại Hội thảo, các đại biểu tham dự tập trung thảo luận chi tiết về các chỉ tiêu thống kê quốc gia, thống nhất các chỉ tiêu sửa đổi, bổ sung và giữ nguyên cũng như cơ quan thực hiện các chỉ tiêu thống kê.

Kết luận Hội thảo, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến đánh giá cao ý kiến đóng góp của các đại biểu tham dự và đề nghị các đơn vị có liên quan tiếp tục rà soát và hoàn thiện các chỉ tiêu thống kê quốc gia trong thời gian tới./.

Thu Hường

HỘI NGHỊ TẬP HUẤN ĐIỀU TRA KHẢO SÁT MỨC SỐNG NĂM 2021

Sáng ngày 10/5/2021, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã tổ chức Hội nghị tập huấn điều tra khảo sát mức sống năm 2021 theo hình thức trực tuyến với 63 điểm cầu Cục Thống kê các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến chủ trì Hội nghị.

Tham dự hội nghị tại điểm cầu TCTK có lãnh đạo, chuyên viên các đơn vị thuộc TCTK. Tại các điểm cầu địa phương có Lãnh đạo Cục, công chức, chuyên viên của phòng Thu thập thông tin, xã hội, điều tra viên, giám sát viên, đội trưởng.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến cho biết, Khảo sát mức sống năm 2021 là một trong những cuộc điều tra khó, nội dung có tăng thêm một số tỷ lệ chỉ tiêu do thực hiện quy chế phối hợp giữa TCTK với Bộ Thông tin và Truyền thông. Do vậy, tại Hội nghị tập huấn các giảng viên phải bắt tay chỉ việc giảng trực tiếp tới

học viên. Đối với các học viên, phải tham dự đầy đủ, nghiêm túc, chú ý nghe giảng, nghiên cứu tài liệu, nắm vững nghiệp vụ và các nội dung tập huấn để triển khai thực hiện tại địa phương đạt hiệu quả.

Tại Hội nghị tập huấn, các đại biểu được nghe giảng viên giới thiệu các nội dung như: Một số thay đổi trong phương án điều tra năm 2021; Nội dung về chọn mẫu, xác định thành viên... hướng dẫn, thực hành và giải đáp thắc mắc về phần mềm CAPI.

Nội dung khảo sát mức sống dân cư năm 2021 gồm: Thông tin những đặc điểm chính về nhân khẩu học của các thành viên hộ, gồm: tuổi, giới tính, dân tộc và tình trạng hôn nhân; Thông tin về thu nhập của hộ, gồm: thu từ tiền công, tiền lương; hoạt động sản xuất tự làm nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; hoạt động ngành nghề sản xuất kinh doanh, dịch vụ phi nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của hộ; thu khác; Thông tin về tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản,

gồm: giáo dục (trình độ giáo dục của người lớn, tình trạng đi học của trẻ em); y tế (tiếp cận các dịch vụ y tế, bảo hiểm y tế); nhà ở (chất lượng nhà ở, diện tích nhà ở); nước sạch và vệ sinh (nguồn nước sinh hoạt, hố xí/nhà tiêu); thông tin (sử dụng dịch vụ viễn thông, tài sản phục vụ tiếp cận thông tin); Thông tin về nhận thức và đánh giá của hộ về tình hình đời sống dân cư; Thông tin về công nghệ thông tin và truyền thông.

Đối tượng của Khảo sát mức sống 2021 là hộ dân cư và các thành viên hộ. Phạm vi khảo sát được tiến hành trên 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thời gian khảo sát mức sống năm 2021 được tiến hành trong 8 kỳ, bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 12 năm 2021. Thời gian thu thập thông tin tại địa bàn của kỳ tháng 5 năm 2021 là 1 tháng (kể cả thời gian di chuyển). Các kỳ từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2021, thông tin được thu thập hàng tháng, mỗi kỳ thông tin được thu thập trong 10 ngày (kể cả thời gian di chuyển), bắt đầu từ ngày 5 hàng tháng.

Theo kế hoạch Hội nghị diễn ra trong 2 ngày từ 10-11/5/2021./.

M.T

PHƯƠNG PHÁP TÍNH CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ PHẢN ÁNH SÁT VỚI BIẾN ĐỘNG GIÁ TIÊU DÙNG TRÊN THỊ TRƯỜNG

LTS: Mới đây, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê Nguyễn Trung Tiến đã có bài trả lời phỏng vấn phóng viên Tạp chí Con số và Sự kiện về phương pháp tính chỉ số giá tiêu dùng của TCTK. Tạp chí Con số và Sự kiện xin trân trọng giới thiệu bài phỏng vấn này.

Phóng viên: Thưa ông, từ đầu năm đến nay giá nhiều loại hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu đều tăng nhưng mới đây Tổng cục Thống kê công bố chỉ số giá tiêu dùng tháng 4/2021 giảm 0,04%, liệu có phải là nghịch lý, xin ông lý giải về điều này?

Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến: Theo lịch phổ biến thông tin thống kê, Tổng cục Thống kê đã công bố chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4/2021 giảm 0,04% so với tháng trước, tăng 1,27% so với tháng 12/2020. So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng Tư tăng 2,7% và bình quân 4 tháng đầu năm 2021 tăng 0,89%. Chúng tôi khẳng định kết quả này phản ánh sát với biến động giá tiêu dùng trên thị trường.

CPI hàng tháng được chúng tôi tính dựa trên thông tin thu thập tại khoảng 40.000 điểm điều tra giá từ 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với 752 loại hàng hóa và dịch vụ đại diện tiêu dùng phổ biến của người dân và phù hợp với cơ cấu tiêu dùng của hộ gia đình hiện nay.

Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ cấp 1, 4 nhóm hàng có chỉ số giá tháng 4/2021 giảm so với tháng trước, 6 nhóm hàng có chỉ số giá tăng, riêng nhóm may mặc, mũ nón, giày dép giữ giá ổn định làm cho CPI của tháng Tư giảm 0,04% so với tháng 3/2021.

Xét trong tổng chi tiêu dùng của người dân, 4 nhóm hàng giảm giá chiếm 60,1%, 6 nhóm hàng tăng giá chiếm 34,2% và nhóm hàng may mặc, mũ nón, giày dép có giá không đổi chiếm 5,7%. Do 4 nhóm hàng giảm giá với tỷ trọng lớn đã làm cho chỉ số giá chung giảm so với tháng trước. Cụ thể, CPI tháng Tư giảm so với tháng Ba chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm giảm nhờ nguồn cung dồi dào làm cho nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,13%. Cùng với đó, giá điện, nước sinh hoạt, giá gas lần lượt giảm 0,73%; 1,57%; 4,86% làm cho nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng giảm 0,43% so với tháng trước. Nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,2% chủ yếu do các doanh nghiệp đẩy mạnh chương trình khuyến mại giảm giá đối với các sản phẩm điện thoại mẫu mã cũ. Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 giảm 0,11%.

Bên cạnh các nhóm hàng giảm giá, các nhóm hàng tăng giá so với tháng trước đã tác động đến CPI tháng Tư gồm có: Nhóm giao thông tăng 0,87% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng, dầu; nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,14%, chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng các mặt hàng nước khoáng và nước có gas tăng; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,11% do giá các sản phẩm sử dụng



Ông Nguyễn Trung Tiến
Phó Tổng cục trưởng
Tổng cục Thống kê

nhiều vào dịp hè như tủ lạnh, máy điều hòa nhiệt độ, quạt điện tăng; nhóm giáo dục tăng 0,03%, trong đó giá văn phòng phẩm tăng 0,23%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,01%; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,07%.

Có ý kiến cho rằng, nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tháng Tư giảm 0,43% so với tháng trước trong khi hiện nay giá các vật liệu xây dựng đang tăng cao là không hợp lý, Tổng cục Thống kê làm rõ như sau: Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng bao gồm giá thuê nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng. Trong tháng Tư, nhóm này

giảm giá so với tháng trước chủ yếu do giá điện, nước sinh hoạt và giá gas giảm. Ở chiều ngược lại, từ cuối năm 2020 đến nay, giá các loại nguyên liệu đầu vào như quặng sắt, phôi thép, phế liệu và chi phí vận chuyển liên tục tăng làm cho chỉ số giá sản xuất (PPI) nhóm sản phẩm sắt, thép tháng 4/2021 tăng 4,23% so với tháng trước và tăng 27,68% so với cùng kỳ năm 2020, bình quân 4 tháng đầu năm tăng 23,15% so với cùng kỳ năm trước. Theo đó, trong nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng, nhóm vật liệu bảo dưỡng nhà ở bao gồm xi măng, sắt thép, đá, cát được tính trong CPI tăng 1,12% so với tháng 3/2021 nhưng nhóm hàng này có quyền số tính CPI hay tỷ trọng chi tiêu trong tổng chi tiêu của dân cư là 2,03% nên chỉ tác động làm tăng CPI chung 0,02%. Lưu ý rằng, các sản phẩm thuộc nhóm vật liệu xây dựng trong chi tiêu dùng của dân cư được tính trong CPI bao gồm các hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ, không bao gồm sửa chữa lớn và xây dựng nhà mới. Sửa chữa nhỏ nhà ở là các hoạt động duy tu, bảo dưỡng không thay đổi kết cấu hoặc hình thái của căn nhà.

Để hiểu rõ hơn, tin tưởng và sử dụng số liệu CPI, chúng tôi mong nhận được trao đổi, phản hồi tại địa chỉ email tkgia@gso.gov.vn, tránh bình luận khi chưa hiểu rõ phương pháp và cách thức thực hiện của Tổng cục Thống kê trong tính toán chỉ tiêu CPI.

Phóng viên: Xin ông bình luận chi tiết hơn về phương pháp tính chỉ số giá tiêu dùng của Việt Nam hiện nay?

Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến: Phương pháp tính CPI chúng tôi áp dụng từ năm 1995 đến nay theo đúng hướng dẫn của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), đây cũng là chuẩn mực

được hầu hết các nước trên thế giới áp dụng và hiện nay thực hiện theo Tài liệu hướng dẫn biên soạn Chỉ số giá tiêu dùng mới nhất của ILO ban hành năm 2020. Do đó, phương pháp tính CPI của Tổng cục Thống kê phản ánh sát diễn biến giá tiêu dùng trên thị trường và bảo đảm tính so sánh với số liệu của các nước trên thế giới cũng như trong khu vực.

Hàng năm, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) cử chuyên gia đến Việt Nam rà soát và đánh giá nguồn thông tin, phương pháp tính, mặt hàng đại diện và quyền số dùng để tính CPI theo tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế. Các tổ chức quốc tế khác như Cơ quan Thống kê Liên hợp quốc (UNSD), Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) đều sử dụng số liệu CPI của Tổng cục Thống kê trong các báo cáo và đánh giá phương pháp tính CPI của Việt Nam phù hợp với thông lệ quốc tế. Các cơ quan Đảng, Nhà nước, các trường đại học, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân đều tin tưởng và thường xuyên sử dụng số liệu CPI trong nghiên cứu và trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Để tính CPI, Tổng cục Thống kê triển khai các công việc như sau:

Một là, xác định Danh mục hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng phổ biến của người dân, còn được gọi là “rổ” hàng hóa, tổng số mặt hàng đại diện trong “rổ” hàng hóa thời kỳ 2020-2025 là 752 mặt hàng được sắp xếp theo cấu trúc của chỉ số và có hình ảnh minh họa, mỗi hàng hóa và dịch vụ trong danh mục điều tra đều phải mô tả chi tiết về quy cách, phẩm cấp, nhãn mác cụ thể. Căn cứ vào Danh mục hàng hóa và dịch vụ đại diện của cả nước, 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng danh mục điều tra giá tiêu dùng riêng, được sử dụng để thu thập giá

cho địa phương. Do mỗi địa phương có mức sống và tập quán tiêu dùng khác nhau nên trừ một số mặt hàng phải thống nhất quy cách, phẩm cấp trên phạm vi cả nước đã được đưa ra trong Danh mục chuẩn, những mặt hàng và dịch vụ còn lại được chọn theo đặc điểm tiêu dùng của địa phương. Sau khi xây dựng xong Danh mục hàng hóa và dịch vụ đại diện, mỗi địa phương xây dựng một mạng lưới điều tra giá riêng biệt. Mạng lưới điều tra giá bao gồm các khu vực điều tra là các chợ, trung tâm thương mại, các siêu thị bán lẻ... có hoạt động buôn bán, kinh doanh hàng hóa và dịch vụ để tiến hành điều tra thu thập giá. Số lượng khu vực điều tra giữa các địa phương khác nhau căn cứ vào quy mô hành chính, địa lý, dân số của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Tại mỗi khu vực điều tra có các điểm điều tra là các sạp hàng, quầy hàng, điểm bán hàng chuyên bán lẻ, cơ sở kinh doanh dịch vụ, đơn vị sự nghiệp, trường học, cơ sở khám chữa bệnh...

Hai là, xác định cơ cấu chi tiêu của hộ gia đình tương ứng với các nhóm trong Danh mục hàng hóa và dịch vụ đại diện hay còn gọi là quyền số. Để tính quyền số phục vụ tính chỉ số giá tiêu dùng thời kỳ 2020-2025, Tổng cục Thống kê đã thực hiện thu thập thông tin tính quyền số chỉ số giá tiêu dùng từ cuộc “Khảo sát mức sống dân cư và Điều tra quyền số chỉ số giá tiêu dùng năm 2018” tại 63 địa phương trong 4 kỳ điều tra nhằm loại trừ yếu tố mùa vụ. Nội dung của cuộc Khảo sát này nhằm thu thập thông tin chi tiêu của hộ dân cư về các loại hàng hóa và dịch vụ phục vụ cuộc sống hàng ngày của người dân.

Ba là, hằng tháng, 63 địa phương tổ chức thu thập giá các mặt hàng thuộc Danh mục

hàng hóa và dịch vụ đại diện theo 3 kỳ. Toàn quốc có khoảng 40.000 điểm điều tra giá với địa điểm kinh doanh ổn định, thuộc các loại hình kinh tế. Hiện nay, chúng tôi đã triển khai điều tra giá tiêu dùng bằng thiết bị điện tử CAPI tại 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, giúp nâng cao chất lượng số liệu điều tra, minh bạch quá trình điều tra, rút ngắn thời gian sản xuất số liệu và tiến tới hội nhập với thống kê thế giới.

Đối với các mặt hàng đặc biệt như điện, nước sinh hoạt, Tổng cục Thống kê quy định riêng cách thu thập giá theo đúng phương pháp luận quốc tế và thực hiện theo tư vấn của chuyên gia IMF. Ví dụ, điện sinh hoạt là một mặt hàng quan trọng phục vụ đời sống hàng ngày của người dân. Giá bán lẻ điện phục vụ tiêu dùng có những điểm đặc biệt, không giống như hàng hoá khác. Giá bán lẻ điện do Nhà nước quản lý và chia theo nhiều mức. Vì vậy, giá thực tế bình quân gia quyền trả cho 1 kwh điện tiêu thụ của người dân hằng tháng khác nhau tùy theo lượng tiêu thụ ở các mức nhiều hay ít, điều này phản ánh đúng giá thực tế mà người dân phải chi trả. Cách tính giá tiêu dùng thực tế bình quân của 1 m³ nước hằng tháng cũng tương tự như tính giá điện, giá bán nước máy được tính bằng cách chia doanh thu bán nước máy cho tổng khối lượng tiêu thụ theo nhu cầu tiêu dùng của người dân trong tháng đó.

Chỉ số giá tiêu dùng được chúng tôi công bố vào ngày 29 hằng tháng trên website của Tổng cục Thống kê, bao gồm CPI của cả nước, 6 vùng kinh tế và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với chỉ số giá chung, chỉ số giá 11 nhóm hàng cấp 1 và chia theo khu vực thành thị, nông thôn theo

năm gốc so sánh (năm gốc 2019, cùng kỳ năm trước, tháng 12 năm trước, kỳ trước và chỉ số giá bình quân cùng kỳ).

Phóng viên: Các chuyên gia nhận định thế giới sắp đối mặt với làn sóng lạm phát, ông đánh giá thế nào về áp lực lạm phát của Việt Nam trong năm 2021, chúng ta có thể đạt được mục tiêu lạm phát 4% do Quốc hội đặt ra hay không?

Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến: CPI bình quân 4 tháng đầu năm nay của Việt Nam tăng 0,89% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng bình quân 4 tháng thấp nhất kể từ năm 2016, đây là điều kiện thuận lợi, tạo dư địa cho chúng ta có thể kiểm soát lạm phát cả năm 2021 đạt mục tiêu Quốc hội đặt ra. Tuy nhiên, chúng ta không được chủ quan bởi áp lực lạm phát năm 2021 vẫn hiện hữu và sẽ tăng dần từ nay đến cuối năm do một số yếu tố chủ yếu sau:

- Các tổ chức quốc tế đều đưa ra những dự báo khả quan về triển vọng kinh tế toàn cầu trong năm nay do việc triển khai tiêm chủng vắc-xin phòng dịch Covid-19 đã và đang được khẩn trương triển khai trên toàn thế giới. Ở trong nước, các doanh nghiệp cũng đang thích ứng với trạng thái bình thường mới, các hoạt động sản xuất, thương mại dịch vụ từng bước sôi động trở lại, nhu cầu về vốn, nguyên nhiên vật liệu tăng lên. Khi kinh tế phục hồi, nhu cầu về hàng hóa, dịch vụ tăng, từ đó sẽ đẩy mặt bằng giá lên cao và tạo áp lực lên lạm phát của cả năm 2021.

- Giá nguyên nhiên vật liệu thế giới nhiều lĩnh vực tăng mạnh, việc nhập khẩu nguyên liệu với mức giá cao sẽ ảnh hưởng đến giá thành, chi phí sản xuất, từ đó đẩy giá hàng hóa tiêu dùng trong nước lên cao. Hiện nay, giá dầu thế giới vẫn đang

diễn biến phức tạp. Giá dầu Brent bình quân 4 tháng đầu năm đạt khoảng 62 USD/thùng, tăng gần 24% so với tháng 12/2020 và tăng trên 49% so với cùng kỳ năm trước. Theo dự báo của các tổ chức quốc tế, giá dầu Brent bình quân năm 2021 đạt khoảng 60 USD/thùng, tăng 40% so với năm 2020, tương ứng giá xăng dầu bình quân trong nước năm nay có thể tăng khoảng 25%, sẽ tác động làm CPI chung của cả năm tăng 0,9 điểm phần trăm so với năm 2020.

- Các nước tiếp tục chính sách tiền tệ nới lỏng phục vụ việc phục hồi kinh tế tạo thành yếu tố cầu kéo sẽ đẩy giá cả hàng hóa cơ bản đều đi lên.

- Ngoài ra, điều hành giá một số mặt hàng do Nhà nước quản lý thực hiện theo lộ trình như dịch vụ y tế, giáo dục cũng sẽ tác động tới chỉ số giá tiêu dùng năm nay.

Do đó, các ngành, các cấp không nên chủ quan trong kiểm soát lạm phát. Nhằm giảm bớt áp lực lạm phát vào cuối năm 2021, kiểm soát bền vững lạm phát năm 2022, các cơ quan chức năng cần theo dõi sát diễn biến cung cầu, giá cả thị trường các mặt hàng thiết yếu; chủ động trong việc điều hành giá các mặt hàng do Nhà nước quản lý đúng thời điểm với liều lượng phù hợp; Liên Bộ Công Thương- Tài chính theo dõi sát diễn biến giá xăng dầu thế giới, sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu hợp lý để hạn chế mức tăng giá của mặt hàng này đến CPI chung.

Quan sát kinh nghiệm điều hành của Chính phủ trong kiểm soát lạm phát những năm vừa qua, chúng tôi tin là mục tiêu CPI bình quân khoảng 4% trong năm nay do Quốc hội đề ra là có thể thực hiện được.

Phóng viên: Xin trân trọng cảm ơn ông./.

CNHT tiếp cận gần hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu

Năm 2014, Tập đoàn Samsung đưa ra danh sách 170 phụ kiện doanh nghiệp Việt Nam có thể cung ứng cho sản phẩm GalaxyS4 và Tab nhưng các doanh nghiệp CNHT của Việt Nam đã không thể đáp ứng được dù chỉ là linh kiện đơn giản nhất và phải chấp nhận thất bại ngay trên sân nhà. Một năm sau, để không bỏ lỡ cơ hội, 4 doanh nghiệp CNHT Việt Nam đã đạt cấp độ nhà cung ứng cấp 1 của Samsung và tiếp tục gia tăng số lượng nhà cung ứng cho Samsung trong những năm sau đó. Cụ thể, đến năm 2020 số lượng nhà cung ứng cấp 1 của Samsung tăng từ 35 doanh nghiệp năm 2018 lên 42 doanh nghiệp; số lượng nhà cung ứng cấp 2 tăng từ 157 doanh nghiệp lên 170 doanh nghiệp, 240 doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào mạng lưới cung ứng của Samsung. Ngoài Samsung, hiện có hàng trăm doanh nghiệp CNHT Việt Nam đã trở thành nhà cung cấp linh kiện, phụ tùng cho các hãng Toyota, LG, Trường Hải...

Bên cạnh việc gia tăng số lượng nhà cung ứng, nhiều sản phẩm “made in Việt Nam” đã ra đời. Năm 2015, đánh dấu bước đầu phát triển của ngành công nghiệp công nghệ thông tin Việt Nam với sự xuất hiện của chiếc điện thoại cao cấp “made in Việt Nam” thương hiệu Bphone trên thị trường. Đến năm 2019, ô tô VinFast thương hiệu Việt xuất hiện đánh dấu vị thế mới của ngành công nghiệp ô tô đang vươn lên tự chủ trong đầu tư, sản xuất, làm chủ công nghệ và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, sau 30 năm chủ yếu làm lắp ráp với tỷ lệ nội địa hóa chưa bao giờ đạt kỳ vọng. Hiện, Việt Nam được xem là địa điểm thu hút nhiều tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới như: Samsung, LG, Canon, Intel,



Trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập và phát triển sâu rộng vào "sân chơi" khu vực và toàn cầu đã mở ra cơ hội rất lớn cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ (CNHT) Việt tiếp cận gần hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tuy nhiên, do thiếu các doanh nghiệp “đầu tàu”, đủ khả năng dẫn dắt nên ngành CNHT Việt Nam còn kém phát triển, đòi hỏi trong thời gian tới cần có nhiều giải pháp thúc đẩy doanh nghiệp CNHT tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp FDI và chuỗi giá trị toàn cầu của các tập đoàn đa quốc gia.

Foxconn... Đây là cơ hội cho ngành CNHT Việt Nam tham gia tiếp cận gần hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Về phía các doanh nghiệp FDI cũng đã có những thay đổi tích cực trong sử dụng nhà cung cấp khi chú ý hơn tới nguồn cung cấp từ các doanh nghiệp Việt. Theo khảo sát của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), năm 2020, tỷ lệ doanh nghiệp FDI mua nguyên liệu đầu vào từ các doanh nghiệp tại nước xuất xứ đã giảm dần từ 58,7% năm 2016 xuống 41,4% năm 2020. Ngoài ra, doanh nghiệp FDI cũng đã giảm phụ thuộc vào các nhà cung cấp từ nước thứ ba hơn so với 5 năm trước. Theo đó, chỉ có 26,8% doanh nghiệp FDI cho biết đã sử dụng nhà cung cấp bên thứ ba trong năm 2020, thấp hơn so với 39% năm 2016. Theo đánh giá của VCCI, kết quả

CÔNG TIẾP CẬN GẦN

khảo sát tỷ lệ doanh nghiệp FDI sử dụng nhà cung cấp Việt Nam cho thấy, dường như mức độ hài lòng của những DN FDI - vốn có nguồn cung ứng đa dạng, đối với các nhà cung cấp Việt Nam đã đủ để họ ngừng sử dụng hoặc giảm phụ thuộc vào các nhà cung ứng nước ngoài. Còn theo khảo sát do Qima - một nhà cung cấp các giải pháp chuỗi cung ứng - thực hiện với hơn 700 doanh nghiệp trên toàn cầu trong tháng 3 vừa qua cũng cho thấy, Việt Nam tiếp tục được nhiều doanh nghiệp Mỹ và châu Âu lựa chọn vào chuỗi cung ứng. Cụ thể, 1/4 doanh nghiệp được hỏi trên toàn cầu đã coi Việt Nam là một trong 3 thị trường cung ứng hàng đầu, đặc biệt, Việt Nam được các doanh nghiệp có trụ sở tại Mỹ ưa chuộng. Tỷ lệ các doanh nghiệp có trụ sở tại Mỹ coi Việt Nam là một trong 3 khu vực cung ứng hàng đầu đã tăng gấp đôi trong 4 năm qua (đạt 43% trong đầu năm 2021). Trong số các doanh nghiệp tham gia khảo sát đã chuyển sang các nhà cung cấp khác vào năm ngoài để tránh đại dịch và các rủi ro khác, có 1/3 doanh nghiệp



NGHIỆP HỖ TRỢ VIỆT HƠN VÀO CHUỖI GIÁ TRỊ TOÀN CẦU

TS. Trần Ánh Phương
Đại học Công nghiệp Hà Nội

cho biết Việt Nam là lựa chọn hàng đầu của họ. Riêng với doanh nghiệp Mỹ, con số này thậm chí còn cao hơn, ở mức 40%. Trong số những doanh nghiệp được hỏi có ý định tìm kiếm các nhà cung ứng mới trong 12 tháng tới, có 38% doanh nghiệp Mỹ và 28% doanh nghiệp châu Âu cho biết có kế hoạch chọn Việt Nam hoặc mua thêm từ các nhà cung cấp ở đây.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ngày càng hoàn thiện, các chính sách hỗ trợ phát triển CNHT và chính sách ưu đãi cho lĩnh vực này cũng đang được triển khai thực hiện góp phần hỗ trợ thúc đẩy ngành CNHT ngày càng phát triển và lớn mạnh, khẳng định việc chú trọng phát triển CNHT nhằm giúp doanh nghiệp CNHT Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu là chủ trương đúng đắn của Chính phủ và đang đem lại hiệu quả rõ nét. Theo Bộ Công Thương, Việt Nam hiện có khoảng 2.000 doanh nghiệp sản xuất phụ tùng, linh kiện, trong đó chỉ có khoảng 300 doanh nghiệp

tham gia vào chuỗi cung ứng đa quốc gia, tạo việc làm cho hơn 600.000 lao động. Một số doanh nghiệp sản xuất linh kiện của Việt Nam có năng lực tốt ở các lĩnh vực như: Sản xuất khuôn mẫu các loại; linh kiện xe đạp, xe máy; linh kiện cơ khí tiêu chuẩn; dây cáp điện; linh kiện nhựa - cao su kỹ thuật; săm lốp các loại... Các sản phẩm này đã đáp ứng tốt nhu cầu trong nước và được xuất khẩu sang nhiều quốc gia trên thế giới. Doanh nghiệp CNHT trong nước cũng ngày càng tích cực áp dụng các tiêu chuẩn, công cụ quản lý hiện đại vào sản xuất, chế tạo, trong đó đã hình thành và phát triển được các tập đoàn kinh tế lớn hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp cơ bản, vật liệu, cơ khí chế tạo như: Viettel, Vingroup, Trường Hải, Thành Công, Hòa Phát..., đã tạo nền tảng cho ngành CNHT, giúp các doanh nghiệp CNHT của Việt Nam từng bước tham gia sâu hơn vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được ngành CNHT Việt Nam vẫn bộc lộ những điểm nghẽn

cần được giải tỏa để các doanh nghiệp có thể tiếp cận gần hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu như: Hạn chế về năng lực tổ chức quản lý sản xuất và công nghệ; thiếu nguồn lực để đổi mới; lĩnh vực sản xuất khá giống nhau, cả về trình độ, quy mô, công nghệ và sản phẩm; chưa đủ năng lực cung cấp linh kiện và phụ tùng đáp ứng các yêu cầu để tham gia sâu vào chuỗi sản xuất toàn cầu. Đặc biệt, Việt Nam còn thiếu các doanh nghiệp "đầu tàu", đủ khả năng dẫn dắt các lĩnh vực CNHT phát triển. Bên cạnh đó, việc đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (R&D) của doanh nghiệp cũng chưa được chú trọng do thiếu vốn đầu tư, tiềm lực tài chính chưa đủ mạnh và thiếu nguồn nhân lực kỹ thuật cao.

Đánh giá về cơ hội trong thời gian tới, các chuyên gia cho rằng, các doanh nghiệp CNHT Việt Nam hiện đang đứng trước cơ hội rất lớn để được kết nối, tham gia vào chuỗi giá trị của các tập đoàn toàn cầu. Với điểm thuận lợi Việt Nam là một trong những nền kinh tế có độ mở lớn khi tích cực nỗ lực hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng thông qua việc tham gia vào nhiều thỏa thuận thương mại tự do thế hệ mới và đã từng bước đa dạng hóa thị trường cũng như sản phẩm xuất khẩu; phần lớn các rào cản trong thương mại quốc tế dần được dỡ bỏ, thủ tục pháp lý cũng tối giản hơn; môi trường kinh doanh của Việt Nam được cải thiện... là động lực để ngày càng có nhiều tập đoàn lớn tham gia

sản xuất kinh doanh tại Việt Nam. Mới đây, một số tập đoàn lớn của Thổ Nhĩ Kỳ cũng đã “đánh tiếng” tìm hiểu về các năng lực sản xuất, xuất khẩu của doanh nghiệp điện tử, cơ khí của Việt Nam. Tại Hội chợ Vietnam Expo 2021 diễn ra vào tháng 4/2021 cũng cho thấy, một danh sách các công ty tìm kiếm cơ hội kết nối hợp tác với Việt Nam đến từ các nước có ngành công nghiệp phát triển như: Liên bang Đức, Nhật Bản, Liên bang Nga, Mỹ, Hàn Quốc, Trung Quốc...

Cùng với đó, ngày 6/8/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 115/NQ-CP về các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ, đây được xem là “bệ phóng” giúp tháo gỡ khó khăn tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp CNHT và công nghiệp chế biến, chế tạo phát triển nâng cao năng lực cạnh tranh, tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Nghị quyết đặt ra mục tiêu đến năm 2025, doanh nghiệp Việt Nam có khả năng sản xuất các sản phẩm CNHT có tính cạnh tranh cao, đáp ứng được 45% nhu cầu thiết yếu cho sản xuất, tiêu dùng trong nội địa; chiếm khoảng 11% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp; có khoảng 1.000 doanh nghiệp đủ năng lực cung ứng trực tiếp cho các doanh nghiệp lắp ráp và tập đoàn đa quốc gia trên lãnh thổ Việt Nam trong đó, doanh nghiệp trong nước chiếm khoảng 30%. Đến năm 2030, sản phẩm CNHT đáp ứng 70% nhu cầu cho sản xuất, tiêu dùng trong nội địa; chiếm khoảng 14% giá trị sản xuất công nghiệp; có khoảng 2.000 doanh nghiệp đủ năng lực cung ứng trực tiếp cho các doanh nghiệp lắp ráp và tập đoàn đa quốc gia trên lãnh thổ Việt Nam.

Đồng thời, Bộ Công thương cũng đã phê duyệt Chương trình phát triển CNHT năm 2021 với

kinh phí gần 240 tỷ đồng, mục tiêu là tập trung phát triển CNHT cho các lĩnh vực chủ yếu như: Linh kiện phụ tùng điện tử, ô-tô, dệt may, da giày và công nghiệp công nghệ cao thông qua hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; xúc tiến đầu tư nước ngoài; hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản trị hiện đại và đào tạo nâng cao nguồn nhân lực; hỗ trợ nghiên cứu phát triển, ứng dụng chuyển giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất thử nghiệm;... qua đó tạo động lực giúp ngành CNHT có bước chuyển thực chất hơn, hỗ trợ các doanh nghiệp từng bước tự chủ nguồn nguyên vật liệu, linh kiện trong nước cũng như tham gia hiệu quả hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Giải pháp phát triển CNHT tiếp cận gần hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu

Việt Nam đang dần trở thành một mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Để CNHT Việt tiếp cận gần hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu, trong thời gian tới cần tập trung vào các giải pháp như:

Một là, xây dựng, hoàn thiện và triển khai hiệu quả, đồng bộ các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển CNHT và các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển (được Nhà nước ưu đãi và hỗ trợ theo quy định tại Luật Đầu tư), đảm bảo điều kiện thuận lợi cho phát triển CNHT, đồng thời xây dựng và triển khai các chính sách hiệu quả cho các ngành công nghiệp vật liệu và phát triển thị trường cho các ngành công nghiệp sản xuất, lắp ráp sản phẩm hoàn chỉnh, tạo nền tảng cơ bản cho công nghiệp hóa theo hướng hiện đại và bền vững.

Hai là, thu hút đầu tư hiệu quả và thúc đẩy kết nối kinh doanh,

liên kết giữa các doanh nghiệp Việt Nam với các doanh nghiệp đa quốc gia, các công ty sản xuất, lắp ráp trong nước và nước ngoài; xây dựng các khu CNHT tập trung để tạo cụm liên kết ngành; phát triển các ngành công nghiệp sản xuất vật liệu nhằm tự chủ về nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất, giảm phụ thuộc nguồn nhập khẩu, nâng cao vị trí của doanh nghiệp Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Ba là, thúc đẩy phát triển thị trường nội địa và thị trường ngoài nước để tạo điều kiện phát triển CNHT và các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên; tìm kiếm, mở rộng các thị trường ngoài nước trên cơ sở tận dụng các hiệp định thương mại tự do FTA đã ký kết; triển khai các biện pháp hỗ trợ các doanh nghiệp CNHT và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên tham gia hiệu quả các FTA...

Bốn là, xây dựng và vận hành hiệu quả các trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp vùng và địa phương nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp CNHT và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, nghiên cứu - phát triển, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh và năng suất, chất lượng sản phẩm.

Năm là, tập trung nâng cao năng lực khoa học và công nghệ cho doanh nghiệp CNHT, nhằm tạo sự bứt phá về hạ tầng công nghệ, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp CNHT.

Sáu là, phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực CNHT và công nghiệp chế biến, chế tạo thông qua các chương trình, kế hoạch quốc gia về nâng cao tay nghề, thúc đẩy liên kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp./



Thị trường bán lẻ ĐỘNG LỰC ĐỂ NỀN KINH TẾ PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN

ThS. Nguyễn Việt Bình - ThS. Vũ Trọng Nghĩa
Trường Đại học Thương mại

Kết thúc năm 2020, sự ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19 đến nền kinh tế Việt Nam được thể hiện qua hàng loạt con số như GDP chỉ tăng 2,91%, là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2020; lượng khách quốc tế đến nước ta ước tính đạt 3,8 triệu lượt người, giảm 78,7% so với năm trước; 101,7 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 13,9%... Tuy mức tăng GDP năm 2020 là mức tăng thấp so những năm trước, nhưng trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội thì đây là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng thuộc nhóm cao nhất thế giới. Trong thành công chung này, bán lẻ được xem là một trong những mảng màu tươi sáng nhất. Theo số liệu

của Tổng cục Thống kê, doanh thu bán lẻ hàng hóa cả nước năm 2020 ước đạt 3.997 nghìn tỷ đồng (tương đương 172,8 tỷ USD), tăng 6,8% so với năm 2019; quy mô thị trường tăng thêm 11 tỷ USD. Mức doanh thu này cũng là mức doanh thu cao nhất trong 1 năm của thị trường bán lẻ Việt Nam. Đây là con số rất ấn tượng và khá bất ngờ khi hàng loạt doanh nghiệp khó khăn, phá sản, người lao động mất việc làm, cắt giảm chi tiêu các mặt hàng không thiết yếu, đặc biệt là trong 6 tháng đầu năm...

Dù trong bối cảnh thị trường bán lẻ toàn cầu đầy khó khăn do chịu sự tàn phá của đại dịch Covid-19, song thị trường bán lẻ Việt Nam vẫn có sức hấp dẫn đối với nhiều thương hiệu quốc tế lớn, thể hiện qua việc đẩy mạnh chiến lược thâm nhập và mở rộng thị trường bán lẻ tại Việt Nam và sự hiện diện ngày một dày đặc của nhiều tập đoàn kinh doanh bán lẻ

lớn của nước ngoài như: Family Mart, K Mart, Lotte, Central Group, Aeon, Circle K... Đáng chú ý nhất là nhãn hàng thời trang Uniqlo mở thêm 5 cửa hàng tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh; thương hiệu nổi tiếng của Nhật Bản là MUJI cũng đặt cửa hàng đầu tiên tại TP. Hồ Chí Minh. Không chỉ quan tâm hai đô thị đặc biệt là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, các thương hiệu nước ngoài đã có mặt tại các thành phố lớn như Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, Hạ Long... Đơn cử, H&M đã mở hai cửa hàng tại Hạ Long và Cần Thơ, nâng tổng số cửa hàng của chuỗi thời trang này tại Việt Nam lên con số 11, trong khi hãng này vừa phải đóng cửa 250 cửa hàng trên toàn cầu do dịch Covid-19. Đặc biệt, ngành bán lẻ Việt Nam có sự góp mặt của các thương hiệu xa xỉ như Louis Vuitton hay Christian Dior, nhằm đến lượng khách hàng có thu nhập hạng trung.

Tuy nhiên thị trường bán lẻ Việt Nam trong năm vừa qua cũng diễn ra sự sàng lọc khốc liệt khi chứng kiến sự “ra đi” của nhiều thương hiệu bán lẻ đình đám thế giới, thay vào đó là sự xuất hiện thương hiệu của những người chủ mới. Điển hình như cuối năm 2020, Tập đoàn E-Mart (Hàn Quốc) sở hữu đại siêu thị E-Mart tuyên bố muốn rút khỏi thị trường Việt Nam do sau 5 năm nỗ lực nhưng vẫn không thể mở thêm được điểm bán mới ngoài đại siêu thị duy nhất tại TP. Hồ Chí Minh.

Điều đáng nói là trong cuộc sàng lọc khốc liệt này, nhiều doanh nghiệp bán lẻ trong nước đã đứng vững và tạo được dấu ấn trong việc mở rộng thị trường bán lẻ tại Việt Nam nhờ có sự tăng trưởng mạnh mẽ về quy mô, số lượng cửa hàng, trong đó có những cái tên quen thuộc như Miniso, Phamacity, Thế giới di động, Điện máy xanh, Việt Tiến, Blue Exchange, Biti's, Highland, The Coffee House... Theo Vụ Thị trường trong nước (Bộ Công thương), hiện cả nước có khoảng gần 1.100 siêu thị, 240 trung tâm thương mại và gần 2.000 cửa hàng tiện lợi, trong đó, doanh nghiệp bán lẻ Việt Nam có độ bao phủ khá lớn, chiếm khoảng 70% đến 80%

số điểm bán trên cả nước. Điều này cho thấy các doanh nghiệp bán lẻ trong nước đang không ngừng nỗ lực làm chủ “sân nhà” bằng năng lực của mình. Tuy nhiên để có thể đứng vững tại thị trường bán lẻ trong nước, năm vừa qua nhiều doanh nghiệp bán lẻ Việt Nam đã phải định hình lại “lối chơi” với các thay đổi quan trọng. Chẳng hạn, như các doanh nghiệp bán lẻ phải tinh gọn và tinh chỉnh mô hình tại các thành phố lớn, mở rộng thị trường ra vùng nông thôn vốn còn khá mỏng và chưa được khai thác nhiều. Trong năm vừa qua, một thương vụ M&A đáng được chú ý nhất là Masan (một tập đoàn lớn của Việt Nam) nắm quyền điều hành hệ thống bán lẻ lớn nhất Việt Nam gồm hơn 3.000 siêu thị và cửa hàng VinMart/VinMart+ cùng 14 nông trại công nghệ cao VinEco cung cấp rau củ quả tươi. Vincommerce là nền tảng bán lẻ lớn nhất về số lượng điểm bán và hiện chiếm gần 30% thị phần kênh bán lẻ hiện đại. Theo số liệu thống kê, năm 2020 công ty quản lý chuỗi VinMart và VinMart+ ghi nhận doanh thu xấp xỉ 31.000 tỉ đồng, tăng 14%. Trong đó, hệ thống cửa hàng VinMart+ tăng trưởng doanh thu 42%, dù số lượng cửa hàng giảm mạnh.

Năm 2020, thị trường bán lẻ cũng được chứng kiến sự lên ngôi của kênh bán hàng trực tuyến (online). Theo Cục Thương mại điện tử và kinh tế số, thương mại điện tử Việt Nam tăng trưởng ấn tượng trong năm 2020 với mức tăng 18%, quy mô thị trường 11,8 tỉ USD, ước tính chiếm 5,5% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả nước. Việt Nam cũng là nước duy nhất ở Đông Nam Á có tăng trưởng thương mại điện tử 2 con số.

Quy mô đầu tư vào thị trường bán lẻ (TTBL) được dự báo sẽ tiếp tục khởi sắc trong năm 2021, sẽ tăng lên 350 tỉ USD vào năm 2025 (gấp 1,6 lần năm 2020) và sẽ trở thành một điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư nước ngoài. Dự báo này không phải là quá xa vời so với thực tại bởi bước sang năm 2021, tuy vẫn phải đối mặt với các làn sóng Covid-19, song thị trường bán lẻ Việt Nam vẫn có những tín hiệu đáng mừng, được kỳ vọng là điểm tựa để nền kinh tế phát triển. Tính chung quý I/2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 1.291,1 nghìn tỷ đồng, tăng 5,1% so với cùng kỳ năm trước (số liệu Tổng cục Thống kê).



Cũng đúng như dự báo, năm 2021, TTBL Việt Nam tiếp tục diễn ra nhiều sự thay đổi về thị phần, thương hiệu thông qua các thương vụ chuyển nhượng, mua bán, sáp nhập. Điển hình là tháng 3/2021 vừa qua, thương hiệu Big C thuộc Tập đoàn Central Retail (Thái-lan) đã chính thức bị xóa sổ tại thị trường bán lẻ nước ta, thay vào đó là thương hiệu Go! và Tops Market. Bên cạnh đó, TTBL Việt Nam cũng vẫn là mảnh đất màu mỡ đối với nhiều thương hiệu quốc tế. Ví dụ đối với tập đoàn Nhật Bản Aeon, không chỉ dừng lại ở 6 trung tâm thương mại đã có trên cả nước, vào cuối tháng 2/2021, AEON Mall đã ký với UBND tỉnh Thừa Thiên Huế biên bản ghi nhớ về nghiên cứu đầu tư trung tâm thương mại với dự án có tổng vốn dự kiến 160 triệu USD. Tiếp đến, vào tháng 3/2021, Aeon Mall tiếp tục ký biên bản ký nhớ đầu tư xây dựng dự án Trung tâm thương mại có giá trị 190 triệu USD vào năm 2022 tại Bắc Ninh. Trong kế hoạch, Aeon sẽ còn phát triển mạnh vào Việt Nam; và dự kiến đến năm 2025 khai trương 20 trung tâm thương mại, đầu tư hơn 2 tỷ USD. Cùng với đó, Central Retail tại Việt Nam cũng công bố trong 5 năm tới

sẽ đầu tư khoảng 35 tỉ baht (1,1 tỉ USD) để mở rộng kinh doanh tại 55 tỉnh thành của Việt Nam. Đây là động lực để thị trường bán lẻ Việt Nam tiếp tục phát triển trong thời gian tới.

Bên cạnh sự thâm nhập mạnh mẽ của các doanh nghiệp nước ngoài, thị trường bán lẻ Việt Nam năm 2021 và những năm tiếp theo cũng sẽ thấy sự lớn mạnh của các nhà bán lẻ trong nước và tiếp tục đón nhận nhiều dự án khai trương như Vincom Mega Mall Smart City, Vincom Plaza Bạc Liêu, Mỹ Tho.... Ví dụ như Saigon Co.op đặt mục tiêu mở rộng mạng lưới tối thiểu đạt 2.000 điểm bán và doanh thu tăng trưởng bình quân từ 8-10%/năm trong vòng 5 năm tới. Hay như Satra đặt mục tiêu đến năm 2025 sẽ có thêm 5 siêu thị SatraMart, 4 trung tâm thương mại Centre Mall, duy trì từ 150-250 cửa hàng mang thương hiệu Satra. Trong khi đó, chuỗi bán lẻ VinCommerce đặt tham vọng lớn hơn khi đặt bán lẻ vào hệ sinh thái có nền tảng công nghệ và tài chính phục vụ các nhu cầu thiết yếu về tài chính, giáo dục, xã hội, giải trí và chăm sóc sức khỏe của người tiêu dùng. Một mục tiêu mà chuỗi VinMart và VinMart+ phải đạt được trong năm nay là tự phát triển và vận hành 10.000 cửa hàng; 20.000 cửa hàng sẽ được mở bằng cách hợp tác nhượng quyền với những tiệm tạp hóa gia đình. Mục tiêu đến năm 2025, có 30.000 cửa hàng, phục vụ 30-50 triệu người tiêu dùng. Ít nhất 50% cửa hàng trở thành điểm kết hợp cung cấp dịch vụ tài chính, bao gồm dịch vụ ngân hàng truyền thống và thanh toán kỹ thuật số.

Mặc dù kênh thương mại điện tử tăng trưởng ấn tượng trong năm vừa qua và sự thay đổi về thói quen mua sắm của người tiêu dùng

sẽ tiếp tục diễn ra mạnh mẽ hơn nữa trong thời gian tới, tuy nhiên theo số liệu của Bộ Công thương, năm 2020, doanh thu từ TMĐT chỉ chiếm 5,5% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả nước. Bên cạnh đó, khảo sát của Nielsen Vietnam cũng chỉ ra, có tới 66% sẽ trực tiếp xem sản phẩm tại cửa tiệm thực tế trước khi đặt hàng. Tức là thói quen mua sắm online hiện chủ yếu tập trung vào các sản phẩm riêng lẻ, có giá trị nhỏ hoặc sản phẩm họ đã tiêu dùng từ trước. Còn đối với các sản phẩm có kết cấu phức tạp, cần dùng thử để tự trải nghiệm hoặc sản phẩm có giá trị cao thì người tiêu dùng vẫn dành thời gian đến mua trực tiếp. Điều này cho thấy kênh bán hàng truyền thống vẫn sẽ tiếp tục giữ "thế thượng phong" trong phát triển bán lẻ trung hạn. Và đây là cơ sở để các nhà bán lẻ trong và ngoài nước không ngừng xuất hiện và mở rộng mạng lưới phân phối của mình tại Việt Nam trong năm 2021 và những năm tiếp theo.

Bên cạnh những yếu tố trên, thị trường bán lẻ trong nước được kỳ vọng tiếp tục phát triển bởi các yếu tố khác như: Việt Nam có nền chính trị ổn định, đang trên đà tăng trưởng và hội nhập với độ mở kinh tế cao; kiểm soát tốt dịch bệnh; có mật độ dân số và sức mua tốt...

Có thể thấy, thị trường bán lẻ Việt Nam đang hội tụ nhiều yếu tố để phát triển trong năm 2021 và thời gian tới. Những kết quả đạt được của TTBL sẽ đóng góp không nhỏ trong nỗ lực phục hồi, phát triển kinh tế của đất nước trong bối cảnh cuộc chiến chống đại dịch Covid-19 đến nay vẫn chưa có hồi kết và đang có những diễn biến ngày càng phức tạp và khó lường hơn./.



Tăng cường cấp phép GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA (C/O) TRONG BỐI CẢNH THỰC THI FTA

ThS. Nguyễn Thị Nga - ThS. Phạm Linh Giang
Đại học Lao động xã hội



Với việc tham gia tích cực vào các Hiệp định thương mại (FTA), Việt Nam đã, đang khẳng định quyết tâm mạnh mẽ nâng cao vị thế, hội nhập sâu rộng với các nền kinh tế trên thế giới, nhất là nâng cao giá trị thương mại nhờ những ưu đãi được hưởng lợi từ các FTA đã ký. Trong đó, việc chứng minh được xuất xứ hàng hóa thông qua việc được chấp nhận Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa được coi là điều kiện tiên quyết đối với các doanh nghiệp xuất khẩu. Qua đó cũng tạo động lực để doanh nghiệp nỗ lực tăng cường tỷ lệ nội địa hóa nhằm nâng cao giá trị thương mại quốc tế.

Kể từ sau khi Việt Nam chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), tính đến ngày 02/5/2021, Việt Nam đã tham gia tất cả 17 FTA cả song phương và đa phương với các đối tác trên thế giới như: ASEAN, Nhật Bản, Hàn Quốc, Liên minh châu Âu (EU), Chi lê, Vương quốc Anh... Trong đó có 14 FTA đã có hiệu lực, 1 FTA sắp có hiệu lực (Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực - RCEP, FTA có quy mô và thị trường lớn nhất thế giới) và 2 FTA đang trong quá trình đàm phán. Đối với các FTA, việc chứng minh xuất xứ hàng hóa ngày càng được doanh nghiệp Việt Nam quan tâm và Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) giữ vai trò như chiếc “chìa khóa vàng”

giúp doanh nghiệp mở rộng cánh cửa xuất khẩu.

C/O (Certificate of Origin) là giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu dành cho hàng hóa xuất khẩu được sản xuất tại nước đó. Các C/O phải tuân thủ quy định của cả nước xuất và nhập khẩu về quy tắc xuất xứ nhằm chứng minh hàng hóa có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp về thuế quan và các quy định khác của pháp luật về xuất nhập khẩu của cả 2 bên đối tác, đặc biệt là giúp hàng hóa tận dụng được các ưu đãi về thuế quan theo các thỏa thuận thương mại trong FTA mà 2 nước cùng ký kết. Mức chênh lệch ưu đãi thuế quan từ vài % đến vài chục %, thậm chí 100% sẽ là một con số

có giá trị không hề nhỏ mà các doanh nghiệp muốn tận dụng.

Theo nhận định của Bộ Công thương, số lượng hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận C/O ưu đãi tăng đều sau mỗi năm. Năm 2020, các cơ quan, tổ chức được ủy quyền đã cấp gần 1 triệu bộ giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi cho hàng hóa xuất khẩu sang các thị trường có FTA với trị giá 52,8 tỷ USD, tăng khoảng 6% về trị giá và 9% về số lượng bộ C/O so với năm 2019. Nếu so sánh với tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang các thị trường có FTA, tỷ lệ hàng hóa xuất khẩu có sử dụng C/O ưu đãi đạt khoảng 33,1%. Con số 33,1% kim ngạch hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sử dụng C/O không có nghĩa là gần 67% còn lại phải chịu thuế cao.



Nguyên nhân là do các doanh nghiệp không đề nghị cấp ưu đãi khi xuất khẩu bởi thuế nhập khẩu hiện đang được hưởng ưu đãi MFN (quy chế tối huệ quốc) tại một số thị trường đã là 0-2% hoặc tương đương mức thuế suất ưu đãi đặc biệt theo FTA nên không tạo sự khác biệt đáng kể.

Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA), Hiệp định Thương mại tự do ASEAN - Hàn Quốc (AKFTA), Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản (AJCEP), Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN - Trung Quốc (ACFTA)... là những FTA có tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng quy tắc xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế quan khá cao. Vì vậy, đây cũng là những thị trường có tỷ lệ

hàng hóa sử dụng C/O để hưởng ưu đãi cao nhất. Điển hình là hàng hóa xuất khẩu sang Hàn Quốc có tỷ lệ sử dụng C/O chiếm 52,01% kim ngạch, hàng hóa sử dụng C/O xuất khẩu sang Nhật Bản chiếm 38,35% và Trung Quốc là 31,6%. Những mặt hàng có thể mạnh xuất khẩu với kim ngạch mang tính chiếm lược của Việt Nam cũng chính là những ngành có tỷ lệ tận dụng C/O cao như: Hàng dệt may khoảng 58%, gỗ và sản phẩm gỗ 32%, thủy sản 68%...

Đối với các mẫu C/O, C/O mẫu E trong khuôn khổ hiệp định ACFTA đứng đầu về trị giá với hơn 15,5 tỷ USD, bằng khoảng 31,7% tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc năm 2020. Điều này cũng khá dễ hiểu khi Trung Quốc là thị trường đông dân nhất thế giới và cũng là đối tác thương mại lớn nhất có FTA với Việt Nam. Đứng thứ 2 về trị giá ưu đãi là C/O mẫu D với trị giá đạt 8,98 tỷ USD, bằng 39% tổng kim ngạch xuất khẩu sang các nước ASEAN. Thứ ba là tổng trị giá C/O mẫu AJ (ASEAN - Nhật Bản) được cấp đạt 5,8 tỷ USD, bằng khoảng 30,7% tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản. C/O mẫu VJ (Việt Nam - Nhật Bản) có trị giá khoảng 1,52 tỷ USD, chiếm tỷ lệ gần 8% trong tổng kim ngạch xuất khẩu sang Nhật Bản. Hai mẫu C/O trong khuôn khổ các FTA ký với Hàn Quốc là C/O mẫu VK (Việt Nam - Hàn Quốc) và C/O mẫu AK (ASEAN - Hàn Quốc) đều có trị giá khá cao, lần lượt đạt 5,08 tỷ USD và 4,87 tỷ USD, chiếm tỷ lệ 26,6% và 25,5% tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc.

Riêng đối với C/O mẫu D cấp cho hàng hóa xuất khẩu theo Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) có tổng trị giá đạt 8,97 tỷ USD, tỷ lệ sử dụng ưu đãi mẫu D

trong năm 2020 của Hiệp định này là 38,8%. Bộ Công thương cũng ghi nhận từ năm 2015 đến nay, tỷ lệ hàng hóa sử dụng ưu đãi từ C/O mẫu này đã đạt mức bão hòa và không có nhiều biến động qua các năm. Lý giải nguyên nhân, Bộ cho rằng các nhóm hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như nông sản, thủy sản, gỗ và sản phẩm gỗ đều đã đạt ngưỡng tỷ lệ sử dụng cao (trên 60%). Thêm vào đó, mức thuế MFN nhập khẩu của một số nước ASEAN như Malaysia, Singapore, Indonesia đều bằng 0% cũng làm giảm tỷ lệ sử dụng C/O khi xuất khẩu sang thị trường này.

Một trong những FTA đáng chú ý hiện nay là Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) với nhiều kỳ vọng nhưng lại có kim ngạch hàng hóa được cấp C/O trong năm 2020 chỉ đạt 1,37 tỷ USD, bằng 4,02% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu sang 6 nước thành viên đã phê chuẩn Hiệp định. Nguyên nhân được cho là do hầu hết các nước đối tác đã có FTA với Việt Nam có quy tắc xuất xứ "dễ thở" hơn và nhất là mức thuế xuất ưu đãi hơn so với CPTPP trong những năm đầu Hiệp định này mới có hiệu lực. Chỉ có Mexico và Canada là hai quốc gia đầu tiên có FTA với Việt Nam ghi nhận kim ngạch hàng hóa xuất khẩu được cấp C/O ở mức khá cao so với các thị trường còn lại với lần lượt 867,3 triệu USD và 402 triệu USD, tương đương tỷ lệ 27,45% và 9,2% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu sang 2 thị trường này.

Với Hiệp định thương mại Việt Nam - EU (EVFTA), trong vòng một tháng kể từ ngày 01/8/2020 đến hết 31/8/2020, các tổ chức được ủy quyền đã cấp trên 7.200 bộ C/O mẫu EUR.1 với kim ngạch 277 triệu USD đi 28 nước EU.



Trong 5 tháng cuối năm 2020, tổng trị giá C/O mẫu EUR.1 cấp cho hàng hóa xuất khẩu đi 27 nước EU và Anh đã đạt 2,66 tỷ USD, bằng khoảng 14,83% tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này. Các mặt hàng đã được cấp C/O mẫu EUR.1 chủ yếu là giày dép, thủy sản, nhựa và các sản phẩm nhựa, cà phê, hàng dệt may, túi xách, va li, rau quả, sản phẩm mây, tre, đan... Dự kiến tỷ lệ sử dụng ưu đãi từ C/O trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang EU có thể tăng cao hơn nữa trong thời gian tới.

Thực tế cho thấy, doanh nghiệp hiện nay rất nhanh nhạy và nỗ lực thực hiện các yêu cầu theo cam kết trong FTA, nhất là các cam kết về nguồn gốc xuất xứ hàng hóa để tận dụng các ưu đãi về thuế quan. Để được cấp C/O, doanh nghiệp cần tiến hành thủ tục xin cấp 8 bước từ khâu nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận xuất xứ của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp đã đăng ký hồ sơ thương nhân cho tổ chức cấp C/O) đến khi được nhận kết quả xử lý hồ sơ trên hệ thống. Tuy nhiên, các vấn đề liên quan đến xin cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa C/O cũng lại chính là một trong những mối quan ngại lớn đối với doanh nghiệp khi bước chân vào các FTA. Thậm chí trên một số diễn đàn, doanh nghiệp còn ví sự lo lắng trong xin cấp phép C/O với doanh nghiệp không khác gì nỗi lo “con ồm”. Những vấn đề này thường đến từ các thủ tục xoay quanh quá trình đề nghị cấp phép, chỉ khi cầm được chứng nhận trên tay doanh nghiệp mới có thể thở phào nhẹ nhõm và các vấn đề có thể đến từ cả 2 phía là đơn vị xin cấp phép và đơn vị cấp phép.

Khó khăn doanh nghiệp gặp phải thường là vấn đề thời gian

cấp phép C/O nhiều khi kéo dài, có thể gây ảnh hưởng đến chất lượng và tiến độ giao hàng của doanh nghiệp cho đối tác. Nhiều doanh nghiệp chưa tích lũy được kinh nghiệm, chưa nắm được tác dụng và ý nghĩa của C/O, không nắm được rõ hàng hóa của mình đã đủ tiêu chuẩn xin cấp form C/O hay chưa nên không nắm được ưu đãi thuế quan mà nước nhập khẩu dành cho, từ đó đàm phán hay chào giá với khách hàng không đạt được mức giá cạnh tranh.

Đối với cơ quan quản lý và cấp phép, tình trạng gian lận thương mại, gian lận xuất xứ ngày càng gia tăng với nhiều phương pháp tinh vi cũng ít nhiều gây khó khăn trong quá trình duyệt cấp C/O cho doanh nghiệp. Đáng quan ngại hơn nữa là đã xuất hiện tình trạng doanh nghiệp nước ngoài làm giả hồ sơ C/O xuất khẩu sang thị trường có quan hệ FTA với Việt Nam. Những hình thức gian lận này không chỉ gây khó khăn cho công tác kiểm duyệt mà còn ảnh hưởng đến môi trường thương mại, đến thương hiệu và uy tín của hàng hóa xuất xứ Việt Nam và doanh nghiệp xuất khẩu.

Hiện nay, Việt Nam đang tham gia áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ trong 3 Hiệp định thương mại tự do là ATIGA, CPTPP và EVFTA. Theo đó, trách nhiệm chứng nhận nguồn gốc của hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang các nước đối tác thuộc các FTA này sẽ chuyển từ các cơ quan chuyên trách sang doanh nghiệp hoặc nhà nhập khẩu. Doanh nghiệp sẽ tự thực hiện các thủ tục và đáp ứng điều kiện để tuyên bố hàng hóa đáp ứng các tiêu chuẩn về nguồn gốc xuất xứ và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của các tuyên bố đó. Cơ chế này được cho là sẽ tạo thuận lợi cho doanh nghiệp

chủ động được thời gian và quy trình hoàn thiện chứng từ thương mại nhưng cũng tiềm ẩn nhiều mối lo ngại về tình trạng gian lận, giả mạo xuất xứ hơn so với cơ chế cấp C/O truyền thống. Trong khi đó, sự xuất hiện của Chứng nhận xuất xứ điện tử (e-C/O) trong thời gian gần đây đã thể hiện được điểm ưu việt về rút ngắn thời gian cấp phép và làm giảm nguy cơ giả mạo chứng nhận một cách hiệu quả. Tuy nhiên, chứng nhận xuất xứ điện tử chỉ được áp dụng với những mặt hàng xuất khẩu không được hưởng ưu đãi thuế quan và chỉ mới áp dụng cho một số thủ tục với ASEAN nên chưa hỗ trợ được nhiều cho cơ quan cấp phép cũng như doanh nghiệp.

Để khắc phục những tồn tại hạn chế trong việc xin và cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa C/O, doanh nghiệp cần phối hợp với cơ quan quản lý và cấp phép để cùng tìm ra và giải quyết vấn đề. Đặc biệt cần nghiêm túc xem xét lại các văn bản quy định pháp luật, tìm ra những điểm bất hợp lý; tăng cường quản lý trong nước để ngăn chặn gian lận thương mại, xuất xứ hàng hóa; đồng thời đào tạo, nâng cao năng lực cho các cán bộ thực hiện các công việc liên quan đến xuất nhập khẩu, kiểm duyệt và cấp C/O. Các cơ quan có thẩm quyền cần phối hợp, liên kết chặt chẽ, kết nối hệ thống trao đổi thông tin dữ liệu giữa Bộ Công thương, VCCI, Hải quan qua Cổng thông tin điện tử quốc gia, khuyến khích các hiệp hội phát hiện và tố giác vi phạm. Song song với đó, doanh nghiệp cần nâng cao năng lực cung ứng nguồn nguyên liệu nội khối, nghiêm túc thực hiện và chuẩn bị đầy đủ các yêu cầu bắt buộc đáp ứng các cam kết thương mại trong FTA để đẩy nhanh quá trình duyệt cấp C/O/.



CẠNH TRANH TRÊN THỊ TRƯỜNG NGÀNH THỰC PHẨM VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG

ThS. Trần Quang Việt

Đại học Công nghiệp Hà Nội

Ngành thực phẩm và dịch vụ ăn uống (F&B) là ngành có tính cạnh tranh cao, tốc độ đào thải nhanh, danh tiếng của doanh nghiệp ảnh hưởng rất nhiều đến hành vi của khách hàng. Để tồn tại và trụ vững, các doanh nghiệp ngành này phải không ngừng thay đổi để thích ứng cũng như nhạy bén nắm bắt cơ hội từ xu hướng tiêu dùng mới.

Cạnh tranh trên thị trường ngành F&B

Trong nhiều năm qua, ngành F&B luôn là một trong những ngành kinh tế quan trọng và nhiều tiềm năng phát triển. Theo dự báo của các chuyên gia, đến năm 2023, doanh thu của ngành F&B có thể đạt 408 tỷ USD

và tiếp tục tăng trưởng hơn nữa khi tầng lớp trung lưu trong xã hội Việt Nam ngày càng tăng.

Được đánh giá có tiềm năng lớn, tốc độ tăng trưởng nhanh, thị trường ngành F&B đang có sự cạnh tranh khốc liệt giữa các thương hiệu. Để thu hút khách hàng, các doanh nghiệp ngành F&B không ngại rót tiền đầu tư cho thương hiệu, sản phẩm, chất lượng phục vụ... và đặc biệt là mặt bằng đẹp. Trong cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngành F&B trong cùng phân khúc luôn có sự "bám đuổi" nhau rất sát trong cuộc chạy đua tăng độ phủ. Điều này được thể hiện rõ trên thị trường với hai thương hiệu lớn là Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ Cổng Vàng (Golden Gate) và Công ty Cổ phần CP Đầu tư thương mại quản trị Mặt trời đỏ (Redsun). Tại các trung tâm thương mại hay trên các mặt phố lớn, hễ thấy thương hiệu của Golden Gate, là sẽ có các nhà hàng của Redsun nằm cách đó không xa.

Ra mắt vào tháng 8/2020, Nova F&B của Tập đoàn Novaland chuyên quản lý và vận hành các thương hiệu đẳng cấp quốc tế trong lĩnh vực F&B, thuộc hệ sinh thái NovaTourism. Nova F&B đặt mục tiêu phục vụ hàng triệu lượt khách mỗi năm với hệ thống trăm chuỗi nhà hàng, cà phê, bar, club... Để hoàn thành mục tiêu, Nova F&B đang rất khẩn trương mua nhượng quyền nhiều thương hiệu và hứa hẹn trở thành một trong những công ty F&B lớn tại Việt Nam.

Năm 2020 cũng cho thấy sự lấn sân đầu tư sang mảng F&B của Tập đoàn bán lẻ Central Group. Ngoài phát triển chuỗi cửa hàng Café Amazon tại các tụ điểm sầm uất ở Sài Gòn và các tỉnh lân cận, Central Group còn mở thêm các thương hiệu như: Hòm Kitchen, Hòm Dimsum.

Lợi thế về kênh phân phối và có thương hiệu lớn luôn giúp các doanh nghiệp ngoại chiếm thế thượng phong trong việc quảng bá và thâm tóm thị phần

ngành hàng F&B tại Việt Nam. Riêng với mảng đồ uống, khoảng một nửa thị phần đang rơi vào khối ngoại do thế mạnh về kênh phân phối. Do vậy, những năm qua, trước làn sóng gia nhập thị trường của doanh nghiệp ngoại vào ngành F&B đã làm gia tăng áp lực cạnh tranh lên các doanh nghiệp nội trong cuộc chiến giành thị phần trên “sân nhà”. Để thắng thế trong cuộc cạnh tranh, nhiều doanh nghiệp trong nước đã lựa chọn sự khác biệt, thị trường ngách để phát triển. Bên cạnh đó, chiến dịch quảng bá, tiếp thị cũng được các doanh nghiệp triển khai, qua đó đã giúp các doanh nghiệp sản xuất trong nước quảng bá thương hiệu và củng cố vị trí vững chắc hơn tại “sân nhà”. Hiện trong phân khúc đồ ăn nhanh nhờ sự học hỏi từ các đối thủ để chuẩn hóa mô hình kinh doanh cùng với sự thấu hiểu thị hiếu, thói quen tiêu dùng của người bản địa, nhiều doanh nghiệp kinh doanh đồ ăn nhanh Việt Nam đang chiếm lĩnh được lợi thế và ngày càng mở rộng thị phần, gia tăng các chuỗi cửa hàng, trong khi nhu cầu về đồ ăn nhanh phương Tây lại đang có sự sụt giảm. Công ty cổ phần Tân Việt Sin foods là một điển hình cho sự thành công của doanh nghiệp Việt trên thị trường ngành F&B. Trước các thương hiệu nước ngoài rất mạnh về mọi mặt có cùng phân khúc trên thị trường đồ ăn nhanh, Tân Việt Sin foods cho thấy những lợi thế riêng của mình. Ngoài việc hiểu được khách hàng thích gì trong chiến lược kinh doanh, Tân Việt Sin foods tránh việc đối đầu với “người khổng lồ” khi McDonald’s và KFC chọn phân khúc tầm trung đến cao cấp thì Tân Việt Sin foods chọn phân khúc thị trường với mức giá phải chăng hơn.

Thị trường ngành F&B hấp dẫn và đầy tiềm năng nhưng là ngành có tính cạnh tranh cao, tốc độ đào thải nhanh. Không phải cứ thương hiệu F&B có tiếng trên thế giới là có thể cạnh tranh và phát triển được tại Việt Nam. Trên thực tế, không ít chuỗi nội lẫn ngoại phải tháo chạy, hoặc thu hẹp quy mô, hoặc phải bán lại cho doanh nghiệp khác. Điển hình như: The Coffee Bean & Tea Leaf vốn có nhiều kinh nghiệm tại nước ngoài nhưng đã phải bán lại cho Jollibee. The Coffee House đang là một mô hình rất tốt về kinh doanh cà phê nhưng cũng thất bại với chuỗi trà sữa Ten Ren, còn Gloria Jean’s Coffees (Úc) phải “chia tay” thị trường Việt Nam... Đối với những thương hiệu đình đám trong nước như: Phở 24, Món Huế dù được đánh giá rất cao cũng phải “bán mình” trước sự ngỡ ngàng của thị trường.

Người đến, kẻ đi nhưng thị trường ngành F&B Việt Nam chưa bao giờ hết hấp dẫn trong mắt các nhà đầu tư. Cuộc chiến giành thị phần trong ngành F&B chưa bao giờ hạ nhiệt kể cả khi dịch Covid -19 xảy ra các doanh nghiệp ngành F&B cũng tìm thấy được cơ hội để mở rộng thị phần gia tăng sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

Từ cuối tháng 1/2020, khi dịch Covid-19 xảy ra, ngành F&B đã chứng kiến sự ra đi của nhiều thương hiệu lớn và chuyển sang phương án “phòng ngự, co cụm” trong trạng thái “bình thường mới”. Song với những thương hiệu có tiềm lực mạnh như: Nova F&B, Central Group, Tập đoàn Dầu khí Thái Lan (PTTOR).... đây lại là cơ hội khi họ tìm thấy có nhiều mặt bằng trống, giá thuê giảm, các đối thủ đóng cửa hoặc thay đổi kế hoạch kinh doanh... Không bỏ qua cơ hội, các thương hiệu tiếp tục rót tiền

đầu tư để mở hàng trăm chuỗi nhà hàng, cà phê. Đợt khi dịch Covid-19 qua đi, thương hiệu của Nova F&B và Central Group đều đã được phủ sóng khắp cả nước.

Mặt khác, tác động của dịch Covid-19 cũng đã làm thay đổi thói quen tiêu dùng và định hình lại ngành F&B. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp ngành F&B phải thay đổi chiến lược kinh doanh để cạnh tranh và thích ứng với tình hình mới. Nếu trước đây đa phần các nhà hàng, quán cafe đi theo hướng đẩy mạnh phát triển offline, mở rộng quy mô với nhiều cơ sở, đồng thời chưa chú trọng nhiều đến các nền tảng bán hàng online thì khi dịch bệnh Covid-19 xảy ra, các doanh nghiệp ngành F&B đã thay đổi chiến lược kinh doanh với việc tối ưu kênh trực tuyến, tạo ra chất xúc tác thúc đẩy cuộc đua bán hàng online trên thị trường ngành F&B nở rộ, đem lại doanh thu cho doanh nghiệp và đáp ứng xu hướng thay đổi của người tiêu dùng trong thời gian thực hiện việc giãn cách phòng chống dịch Covid-19. Đơn cử như hệ thống Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ Cổng Vàng (Golden Gate), với 15 năm kinh doanh vốn “nói không với các dịch vụ đặt hàng online” cho chuỗi cao cấp như: GoGi, Hutong, Manwah đã buộc phải thay đổi chiến lược. Để tồn tại, họ đã phá lệ mở website bán hàng trực tuyến, giao hàng tận nơi và thậm chí còn cho mượn vỉ nướng, bếp chuyên dụng



để khách hàng tự nấu lẩu, nướng tại nhà và chỉ sau 2 tuần triển khai mô hình mới đã đem về cho Golden Gate mức tăng trưởng đạt tới 200%; Starbucks Việt Nam cũng nhờ đẩy mạnh bán hàng trực tuyến doanh thu từ mảng giao hàng đã tăng 50% so với mức doanh thu bình quân hàng tháng; chuỗi Pizza Home cũng thành công bằng việc đáp ứng nhu cầu ăn uống tại nhà với 2 nhóm “có thể ăn ngay” và “có thể nấu ngay”, cung cấp nguyên liệu cho khách hàng tự chế biến với nhiều sự lựa chọn mới, kết hợp với việc giải cứu nông sản khi cho ra các sản phẩm bánh pizza thanh long, dưa hấu. Cùng trong thời điểm này, The Coffee House - một trong những chuỗi cà phê lớn nhất tại Việt Nam nhờ nền tảng ứng dụng có sẵn doanh thu từ mảng giao hàng The Coffee House đã tăng 30%. Ngoài tìm kiếm mặt bằng để sẵn sàng “tăng tốc”, The Coffee House cũng đã tung ra bộ sản phẩm trà cam, cam tươi 100% đáp ứng đúng nhu cầu tăng kháng thể của khách hàng trong mùa dịch... Ngoài ra, nhiều chuỗi cửa hàng cũng đã sử dụng hệ thống gọi món tự động bằng Tabletop, tương tác trực tiếp với khách hàng bằng Chatbot, hệ thống đặt bàn tự động tại Google Booking, Opentable,... Các nhà hàng, quán café với việc thực hiện tối ưu hóa chi phí mặt bằng, chi phí nhân sự, đồng thời nâng cao hiệu quả vận hành và kết hợp với

các nền tảng số để tăng cường doanh thu.

Trong cuộc chiến cạnh tranh giành thị phần trên thị trường ngành F&B những năm gần đây cũng cho thấy làn sóng mua bán sáp nhập và thôn tính các doanh nghiệp nội của khối ngoại như: Tập đoàn CJ Cheljedang (Hàn Quốc) đã mua lại cổ phần của Công ty Cầu Tre với tỷ lệ sở hữu lên tới 71,6%; các doanh nghiệp của Thái Lan hợp tác chiến lược cùng Masan, đầu tư cổ phiếu Vinamilk; Daesang Corp (Hàn Quốc) đầu tư 100% cổ phần vào Công ty Cổ phần thực phẩm Đức Việt; Earth Chemical (Nhật Bản) mua lại 100% cổ phần của Công ty Cổ phần Á Mỹ Gia... Việc đẩy mạnh các hoạt động rót vốn đầu tư, mua bán và sáp nhập của khối ngoại đang làm gia tăng áp lực cạnh tranh lên khối nội trong cuộc chiến giành thị phần trên “sân nhà”.

Giải pháp nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp nội ngành F&B

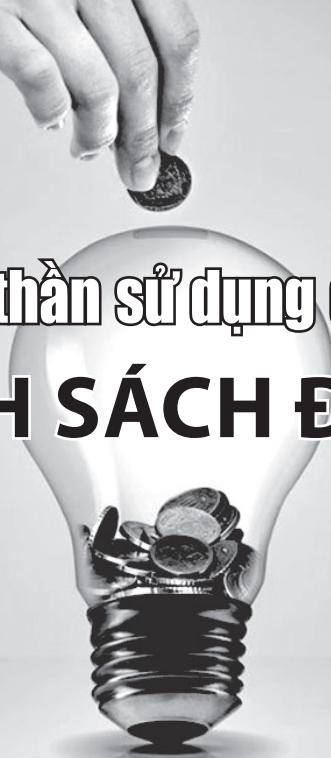
Theo ước tính của Bộ Công Thương, mức tiêu thụ hàng năm của ngành F&B Việt Nam luôn chiếm khoảng 15% GDP, cơ cấu chi tiêu hàng tháng của người tiêu dùng cho mặt hàng này chiếm khoảng 35%. Cùng với đó, Việt Nam đã ký kết tham gia hàng loạt các hiệp định thương mại như: Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA), Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)... mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp ngành F&B phát triển trong thời gian tới. Năm bắt cơ hội, nhiều doanh nghiệp ngành F&B cũng đã chủ động thay đổi tư duy sản xuất, kinh doanh trong bối cảnh mới bằng cách đầu tư máy móc, thiết bị công nghệ hiện đại, chú trọng chất lượng

và mẫu mã sản phẩm để chinh phục thị trường khu vực và thế giới.

Tuy nhiên, để nâng cao sức cạnh tranh và giữ vững vị thế của doanh nghiệp ngành F&B trên “sân nhà” trong thời gian tới, các doanh nghiệp cần hợp tác liên kết mạnh hơn nữa, kể cả trong hoạt động mua bán và sáp nhập từ sản xuất cho đến phân phối. Cụ thể, các doanh nghiệp cần thay đổi nhận thức, có tư duy và chiến lược mới, trong đó, cần tiếp tục chủ động đa dạng hóa sản phẩm, tìm kiếm nguồn cung ứng nguyên liệu, điều chỉnh các dòng sản phẩm mang tính tiện ích hơn, sáng tạo ra sản phẩm mới sử dụng những nguyên liệu vốn là thế mạnh trong nước, đồng thời chú trọng vào cải tiến mẫu mã bao bì đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của thị trường và người tiêu dùng; đẩy mạnh đa dạng hóa, hiện đại hóa các kênh phân phối, mỗi nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm cần xác định kênh phân phối phù hợp nhất cho mình; các đơn vị liên quan cần xây dựng kế hoạch quy hoạch vùng nguyên liệu thông qua những giải pháp căn cơ theo hướng tăng hiệu quả liên kết giữa các tỉnh, thành phố, giữa nông dân-doanh nghiệp sản xuất-nhà quản lý để tạo ra vùng nguồn nguyên liệu ổn định phục vụ cho các doanh nghiệp ngành F&B trong sản xuất và xuất khẩu.

Ngoài ra, để tạo dựng được uy tín và chinh phục các thị trường trong và ngoài nước, các doanh nghiệp ngành F&B cũng cần nắm bắt tốt sự chuyển động nhu cầu của thị trường và các xu hướng lớn trong ngành để từ đó doanh nghiệp có được sự chuẩn bị tốt nhất cho sản phẩm cũng như cách tiếp cận thị trường phù hợp. Đồng thời, tăng cường đầu tư hơn nữa trong việc quảng bá và phát triển thương hiệu./





Lan tỏa tinh thần sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả TỪ CHÍNH SÁCH ĐẾN THỰC TIỄN

Thu Hòa

Cải thiện chất lượng sử dụng điện theo hướng tiết kiệm và hiệu quả là giải pháp quan trọng nhằm đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Theo đó, thời gian qua Việt Nam đã có nhiều cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh việc sử dụng năng lượng tiết kiệm, kèm theo đó là những chiến dịch tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng về sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả đã giúp lan tỏa mạnh mẽ thông điệp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả vì sự phát triển bền vững.

Việt Nam là một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong khu vực. Trong đó, tốc độ tăng trưởng nhu cầu điện toàn quốc giai đoạn 2016-2020 tăng khoảng 10%/năm, dự báo trong 5 năm tiếp theo là 8,5%/năm. Đây là áp lực rất lớn đối với ngành năng lượng khi các phương thức sản xuất điện truyền thống đang tới giới hạn.

Năm 2021, ngay từ những ngày đầu mùa khô, Tổng Công ty điện lực TP. Hồ Chí Minh cho biết, tình hình tiêu thụ điện các ngày từ 1/3 đến 15/3/2021 cao hơn sản lượng điện bình quân tháng 2/2021 và cao hơn cùng kỳ năm 2020. Tiêu thụ bình quân ngày của 15 ngày đầu tháng 3/2021 là 76,5 triệu kWh/ngày, cao hơn sản lượng bình quân ngày của 15 ngày tháng 3/2020 là 76,2 triệu kWh/ngày. Ước sản lượng điện

bình quân ngày của cả tháng 3/2021 đạt 77,3 triệu kWh/ngày, tăng 1,97% so với sản lượng điện bình quân ngày của tháng 3/2020 là 75,8 triệu kWh/ngày và cao hơn ngày bình quân tiêu thụ của tháng 2/2021 là 56,8 triệu kWh/ngày.

Dự báo sản lượng điện tiêu thụ bình quân ngày của tháng 4,5,6/2021 tiếp tục tăng cao đạt từ 79,7 đến 81,5 triệu kWh/ngày tăng so với cùng kỳ (tiêu thụ bình quân ngày của năm 2020 chỉ nằm ở mức 73,14 triệu kWh/ngày, do có ảnh hưởng giãn cách xã hội). Trong đó, thành phần sinh hoạt hộ gia đình tiêu thụ tháng 4 so với tháng 3 sẽ tiếp tục duy trì mức tăng cao như mọi năm: Năm 2018 tăng 23%, năm 2019 tăng 30,69%, năm 2020 tăng 13,52%. Do đó, trong các tháng mùa nắng nóng sắp tới dự báo nhu cầu tiêu dùng điện của các hộ gia đình sẽ theo

xu hướng tăng cao. Cùng với đó, sản lượng điện tiêu thụ trong sản xuất, kinh doanh cũng không ngừng gia tăng...

Các chuyên gia cho biết, với một đồng vốn đầu tư cho sử dụng năng lượng tiết kiệm thì hiệu quả mang lại lợi ích tương đương với bốn đồng đầu tư cho phát triển nguồn cung. Theo đó, nếu mỗi hộ dân tiết kiệm khoảng 10 kWh/tháng, cả nước sẽ tiết kiệm được hơn 3,2 tỷ kWh/năm, tương đương với gần 6.000 tỷ đồng, xấp xỉ với số vốn đầu tư cho một nhà máy thủy điện có quy mô cỡ vừa. Chính vì vậy, trong những năm qua, từ chủ trương đúng đắn và hành động quyết liệt của Chính phủ cũng như tinh thần hưởng ứng tích cực của người dân, việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2006-2015

(Chương trình VNEEP) đã đạt được những kết quả tích cực. Cả nước đã tiết kiệm được trên 9 tỷ kWh, tương đương 15 nghìn tỷ đồng, với mức tiết kiệm bình quân đạt 1,5% tổng điện năng tiêu thụ hàng năm. Đây là tiền đề quan trọng để tiếp tục đẩy mạnh việc cải thiện chất lượng sử dụng điện, coi tiết kiệm điện là một giải pháp then chốt nhằm giảm thiểu nguy cơ thiếu điện trong giai đoạn tiếp theo.

Tiếp nối thành công của Chương trình VNEEP, tháng 3/2019, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 280/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 – 2030 (VNEEP3), hướng tới triển khai đồng bộ các hoạt động trong thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Tiếp theo đó, nhằm đẩy mạnh sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường, ngày 11/2/2020, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 55-NQ/TW về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đưa ra các định hướng lớn cho phát triển ngành năng lượng Việt Nam trong giai đoạn tới. Trong đó, việc cải thiện chất lượng sử dụng năng lượng được đặc biệt quan tâm. Nghị quyết khẳng định: “Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường phải được xem là quốc sách quan trọng và trách nhiệm của toàn xã hội”.

Triển khai thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 20/CT-TTg về việc tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2020 - 2025, trong đó, đặt ra mục tiêu phấn đấu hàng năm tiết kiệm tối thiểu 2,0% tổng điện năng tiêu thụ.

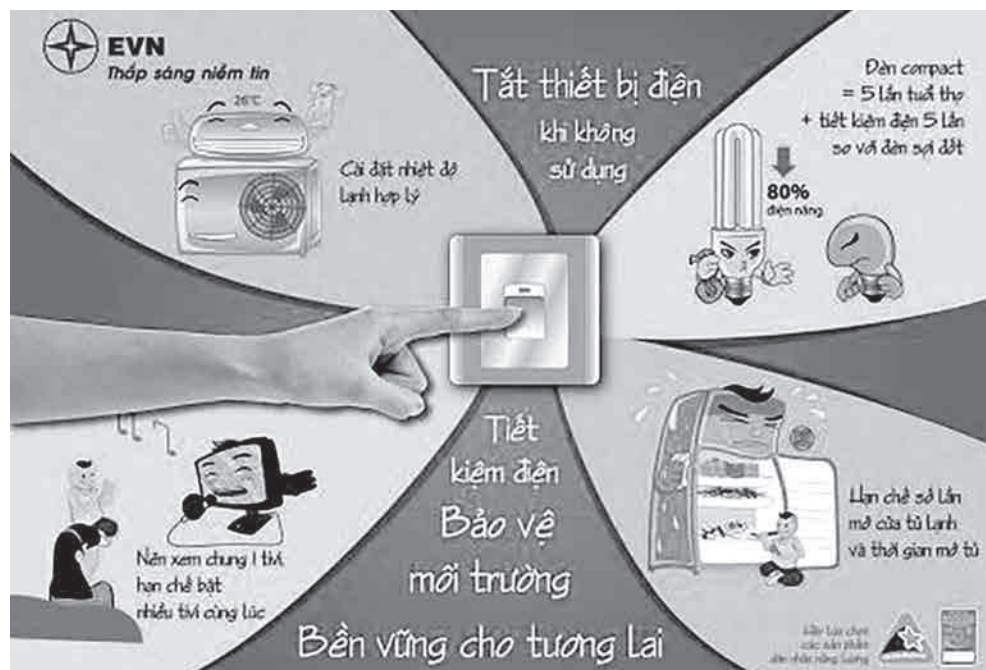
Theo đó, để thực hiện được các mục tiêu tại Chỉ thị 20, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan Chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các doanh nghiệp và các tổ chức đoàn thể xã hội đã triển khai thực hiện 5 giải pháp: Tiết kiệm điện tại cơ quan, công sở; tiết kiệm điện trong chiếu sáng công cộng, chiếu sáng cho mục đích quảng cáo, trang trí ngoài trời; tiết kiệm điện tại các hộ gia đình; tiết kiệm điện tại các cơ sở kinh doanh thương mại và dịch vụ; tiết kiệm điện tại doanh nghiệp sản xuất.

Theo đánh giá, việc thực thi các biện pháp sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả đã mang lại nhiều lợi ích to lớn như tiết kiệm chi phí tiền điện của người dân và doanh nghiệp, giúp ngành điện vận hành hệ thống điện hiệu quả, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững quốc gia.

Cuối năm 2020, nhằm lan tỏa tinh thần của Chỉ thị 20/CT-TTg, Bộ Công Thương, Điện lực Việt Nam (EVN) và Ngân hàng Thế giới (WB)

đã phát động “Cuộc thi sáng tác logo và slogan về tiết kiệm điện” với chủ đề “Chung tay thực hiện tiết kiệm điện vì sự phát triển bền vững” với mục tiêu thông qua cuộc thi sẽ đưa tới cộng đồng thông điệp gần gũi, dễ hiểu, từ đó lan tỏa tinh thần tiết kiệm điện, sử dụng hiệu quả điện đối với mọi người dân.

Ban tổ chức Cuộc thi cho biết, chỉ trong hơn 1 tháng (từ trung tuần tháng 10 đến đầu tháng 12/2020) phát động, cuộc thi đã nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình từ đông đảo các nhà thiết kế chuyên và không chuyên trong và ngoài nước. Theo thống kê, đã có 699 tác phẩm tham gia dự thi được gửi về từ 408 tác giả là các chuyên gia thiết kế, kiến trúc sư, họa sĩ, đơn vị thiết kế, sinh viên các trường thiết kế đồ họa, mỹ thuật, các cá nhân ở nhiều độ tuổi khắp 3 miền Bắc - Trung - Nam. Cuộc thi còn thu hút sự tham gia của các tác giả không chuyên, người Việt đang sinh sống, làm việc tại nước ngoài, các em học sinh. Theo đánh giá của Hội đồng Giám khảo, chất lượng các tác phẩm dự thi đồng đều,





nhiều tác phẩm có ý tưởng độc đáo, hình thức thể hiện thú vị, có những tác phẩm rất giàu cảm xúc. Các cặp mẫu thiết kế gồm logo và slogan đều có kèm theo bản thuyết minh ý tưởng và thể hiện được thông điệp về tiết kiệm điện, hướng đến tiêu chí bền vững, thân thiện môi trường. Đồng thời đạt được những yêu cầu về thiết kế như thẩm mỹ, dễ nhớ, dễ nhận biết, ấn tượng với công chúng, thể hiện được nét truyền thống kết hợp với xu thế hiện đại và hội nhập. Mỗi bài thi là một thông điệp cho hoạt động tiết kiệm điện rất hiệu quả mang tính đại chúng.

Trải qua 2 vòng chấm sơ khảo và chung khảo, cuộc thi đã lựa chọn ra 23 tác phẩm xuất sắc nhất theo tiêu chí của cuộc thi. Kết quả chung cuộc, giải Nhất của Cuộc thi thuộc về tác phẩm có thiết kế logo hết sức tinh gọn, với hình tượng bàn tay, nút tắt/mở nguồn điện lồng vào hình tượng bóng đèn. Với thông điệp cùng thực hành tiết kiệm điện chỉ với hành động nhỏ là đóng/mở đúng lúc, nhưng mang lại giá trị lớn cho một tương lai bền vững. Slogan “Tiết kiệm điện thành

thói quen” nhằm nhấn mạnh thông điệp đơn giản và ý nghĩa này.

Đặc biệt, trong thời gian diễn ra cuộc thi, hơn 200 tin, bài về cuộc thi đã được đăng tải trên các kênh mạng xã hội và cơ quan báo chí; trên 73.000 lượt tiếp cận fanpage. Điều này khẳng định được sức lan tỏa mạnh mẽ của Cuộc thi và tinh thần tiết kiệm điện trong cộng đồng.

Bên cạnh sự kiện trên, Chiến dịch Giờ Trái đất tại Việt Nam do Quỹ Quốc tế về Bảo vệ thiên nhiên (WWF) phát động đã thu hút sự quan tâm, hưởng ứng của các tỉnh, thành phố cùng đông đảo các tầng lớp nhân dân trong cả nước. Năm 2021 là năm thứ 13 Việt Nam triển khai chiến dịch Giờ trái đất. Nếu năm đầu tiên thực hiện Chiến dịch, chỉ có 6 tỉnh, thành phố tham gia thì đến nay, chương trình đã thu hút được 63 tỉnh, thành phố trên cả nước, với đông đảo các tầng lớp, đặc biệt là các bạn trẻ trong xã hội tham gia.

Chiến dịch Giờ Trái đất năm 2021 tại Việt Nam có chủ đề “Speak up for Nature” – “Lên tiếng vì Thiên nhiên”. Giờ Trái đất năm 2021 hướng về mối liên kết giữa con người và thiên nhiên, mối quan hệ tương sinh giữa các giống loài, để từ đó có những hành động và đóng góp cụ thể nhằm giải quyết những vấn đề môi trường lớn hiện nay, đặc biệt là tiêu thụ năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, giảm phát thải khí nhà kính.

Trên tinh thần tích cực hưởng ứng Chiến dịch Giờ Trái đất 2021, với mục tiêu đổi mới công tác tuyên truyền vận động hưởng ứng chiến dịch theo hướng sáng tạo, thiết thực hơn nhằm mang lại hiệu quả tuyên truyền cao, EVN và các đơn vị thành viên đã triển khai thực hiện tuyên truyền về tiết kiệm điện và hưởng ứng chiến dịch Giờ

Trái đất 2021 thông qua các thông tin, hình ảnh, video-clip,... trên các trang thông tin điện tử, trang mạng xã hội của các đơn vị.

Bên cạnh đó, Tổng Công ty Điện lực, Công ty Điện lực các tỉnh, thành phố còn đồng thời triển khai thực hiện: Tuyên truyền các nội dung sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả, bảo vệ môi trường tại các địa điểm giao dịch khách hàng, trụ sở của các đơn vị trong tháng 3 năm 2021. Đặc biệt, các đơn vị Điện lực của EVN đã vận động các tổ chức, cơ quan và khách hàng thực hiện tắt đèn và các thiết bị không cần thiết vào thời gian diễn ra Sự kiện Tắt đèn hưởng ứng Giờ Trái đất diễn ra từ 20 giờ 30 phút đến 21 giờ 30 phút thứ bảy, ngày 27/3/2021. Thông tin từ Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia cho biết, sau 1 giờ tắt đèn hưởng ứng Chiến dịch Giờ trái đất 2021, cả nước đã tiết kiệm được sản lượng điện là 353.000 kWh (tương đương số tiền khoảng 658,1 triệu đồng).

Với mục đích ý nghĩa tốt đẹp của chương trình, chiến dịch Giờ Trái đất sẽ không chỉ dừng lại ở sự kiện Tắt đèn mang tính biểu tượng mà sẽ tiếp tục lan tỏa tới mọi tổ chức, mọi cá nhân để cùng hành động vì một Trái đất xanh phát triển bền vững thông qua các hoạt động thiết thực về tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

Có thể thấy, với cơ chế, chính sách đúng đắn cùng các chiến dịch tuyên truyền phù hợp đã giúp lan tỏa tinh thần sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả và ngày càng khẳng định tầm quan trọng của việc sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả nhằm đảm bảo đúng tinh thần của Nghị quyết 55 của Bộ Chính trị cũng như Chỉ thị 20 của Chính phủ. Đây cũng được xem là giải pháp then chốt nhằm giảm nguy cơ thiếu điện, bảo toàn nguồn năng lượng./.



KẾT QUẢ 3 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 120 - TÍN HIỆU VUI ĐỂ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG “THUẬN THIÊN” BỀN VỮNG



Bích Ngọc

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là vùng đất rộng lớn, chiếm 12% diện tích cả nước với mạng lưới sông, kênh, rạch dày đặc, có lợi thế về phát triển nông nghiệp, công nghiệp thực phẩm, du lịch, năng lượng tái tạo, là trung tâm sản xuất nông nghiệp lớn nhất nước ta. Trong những năm gần đây, tình trạng biến đổi khí hậu và nước biển dâng ở Việt Nam diễn biến phức tạp, đã ảnh hưởng không nhỏ tới tình hình phát triển kinh tế của khu vực này. Xác định đây là xu thế tất yếu, năm 2017, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 120/NQ-CP với mong muốn hóa giải những khó khăn thách thức, biến nguy thành cơ, để phát triển bền vững ĐBSCL. Sau 3 năm thực hiện Nghị quyết, vùng ĐBSCL đã từng bước chuyển mình với những kết quả quan trọng.

Nghị quyết 120 – kim chỉ nam phát triển vùng ĐBSCL

Cách đây 3 năm, tại Hội nghị đầu tiên về phát triển bền vững đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) thích ứng với biến đổi khí hậu, Chính phủ khẳng định quan điểm nhất quán về phát triển ĐBSCL là: Tôn trọng quy luật tự nhiên, chọn mô hình thích ứng theo tự nhiên, thuận thiên là chính, tránh can thiệp thô bạo vào tự nhiên, phát triển bền vững theo phương châm sống chung với lũ, sống chung với mặn, với khô hạn, thiếu nước, phù hợp với điều kiện thực tế. Trên tinh thần

đó, ngày 17/11/2017, Chính phủ ký ban hành Nghị quyết số 120/NQ-CP, đề ra tầm nhìn tới năm 2100 ĐBSCL phát triển bền vững, an toàn, thịnh vượng, trên cơ sở phát triển phù hợp nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao, kết hợp với dịch vụ, du lịch sinh thái, công nghiệp, trọng tâm là công nghiệp chế biến, nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp; hệ thống cơ sở hạ tầng được quy hoạch, phát triển đồng bộ, hiện đại theo hướng chủ động, thông minh, thích ứng biến đổi khí hậu, đảm bảo an toàn trước thiên tai; tài nguyên thiên nhiên

được sử dụng hợp lý; đa dạng sinh học và truyền thống văn hóa lịch sử được duy trì và tôn tạo, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng cao.

Mục tiêu tới năm 2050, ĐBSCL trở thành vùng có trình độ phát triển khá so với cả nước, có trình độ tổ chức xã hội tiên tiến; thu nhập bình quân đầu người đạt cao hơn trung bình cả nước, sinh kế của người dân được bảo đảm; tỷ trọng nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chiếm hơn 80%, độ che phủ rừng đạt hơn 9%. Mạng lưới kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ĐBSCL được

xây dựng đồng bộ, hiện đại. Hệ thống đô thị ĐBSCL hiện đại được xây dựng và phân bố hợp lý tại các tiểu vùng. Hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy được phát triển đồng bộ, kết nối trong vùng, liên vùng và phải bảo đảm kết hợp hài hòa, thống nhất, bổ trợ và không xung đột với hệ thống thủy lợi, đề điều. Hạ tầng thủy lợi ĐBSCL được xây dựng đồng bộ phù hợp với mô hình chuyển đổi sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu tại các tiểu vùng sinh thái, đồng thời phải có biện pháp hiệu quả phòng, chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai cho dân sinh và nền kinh tế khi có thiên tai xảy ra.

Với các quan điểm chỉ đạo, chủ trương và định hướng chiến lược phát triển ĐBSCL và các giải pháp tổng thể, các nhiệm vụ cụ thể được đặt ra, Nghị quyết 120/NQ-CP của Chính phủ được gọi là Nghị quyết “thuận thiên”, đóng vai trò là kim chỉ nam, tạo nguồn cảm hứng để người dân, doanh nghiệp và các cấp chính quyền địa phương phát huy tính sáng tạo, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

Những kết quả quan trọng

Ngay sau khi Nghị quyết số 120/NQ-CP được ban hành, cả hệ thống chính trị đã vào cuộc cùng với sự hưởng ứng tích cực của người dân ĐBSCL. Sau 3 năm thực hiện, Nghị quyết số 120/NQ-CP đã đạt được nhiều kết quả quan trọng và khoác lên ĐBSCL một màu áo mới.

Báo cáo tại Hội nghị sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu được tổ chức vào giữa tháng 3/2021 vừa qua cho thấy, với phương châm hành động triển khai Nghị quyết là “Chính phủ thúc đẩy, doanh nghiệp hành động, người dân hưởng ứng”, trong 3 năm qua, Chính phủ đã đóng vai trò

kiến tạo, định hướng, dẫn dắt, thể hiện qua việc hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách; tăng đầu tư nguồn lực phát triển cơ sở hạ tầng với vai trò là “đòn bẩy” nhằm thu hút thêm sự tham gia của các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Trong đó, có những cơ chế, chính sách mang tính chất đặc thù cho vùng như: Thành lập Hội đồng Điều phối vùng Đồng bằng sông Cửu Long; Lập nhiệm vụ quy hoạch tổng thể Đồng bằng sông Cửu Long theo phương pháp tích hợp đa ngành với sự tham gia của nhiều tổ chức quốc tế có uy tín hàng đầu về lập quy hoạch; Phê duyệt các đề án về tái cơ cấu nông nghiệp bền vững; xúc tiến thương mại; Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, thúc đẩy liên kết giữa nhà quản lý, nhà đầu tư, nhà khoa học và nhà nông trong sản xuất, tiêu thụ và nâng cao giá trị sản phẩm; Ưu tiên khuyến khích đầu tư tư nhân, đặc biệt vào nông nghiệp, nông thôn; Phát triển công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến, nhất là chế biến sâu, chế biến tinh; Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao công nghệ cao... Cùng với đó, các Bộ, ngành ban hành các cơ chế, chính sách phát triển vùng, như chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư trở thành “hạt nhân” cho quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh, thích ứng với BĐKH, cải cách hành chính nhằm thúc đẩy làn sóng khởi nghiệp trong nông nghiệp, nông thôn...

Thực hiện quan điểm của Chính phủ là phát triển ĐBSCL lấy con người làm trung tâm, Nghị quyết 120 đã đạt được điều quan trọng là tạo chuyển biến căn bản về mặt nhận thức, tư duy của chính quyền

địa phương và người dân, thể hiện bằng những hành động bám sát các chủ trương, chính sách và chỉ đạo điều hành của Chính phủ; thay đổi suy nghĩ từ phát triển dựa vào tài nguyên thiên nhiên ưu đãi như điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu, nguồn lợi thủy sản sang phát triển dựa vào năng suất lao động, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị. Qua đó, góp phần thay đổi toàn diện, coi nước mặn, nước lợ là tài nguyên để chuyển đổi cơ cấu, phát triển sản xuất hiệu quả.

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, đến nay, vùng đã giảm diện tích canh tác lúa vụ 3 (vụ xuân hè, canh tác vào mùa hạn); nhiều mô hình canh tác ở vùng nước lợ, mặn được khuyến khích mang lại hiệu quả cao, nhiều giống lúa chịu mặn được thử nghiệm cho kết quả khich lệ. Việc phát triển theo hướng “thuận thiên” cũng đã góp phần đa dạng hóa cải thiện chuỗi giá trị của một số sản phẩm như lúa gạo, cây ăn trái, thủy sản nước ngọt, nước lợ, nước mặn. Nếu như trước đây, sản xuất lúa gạo là nhiệm vụ trọng tâm rồi tới trái cây và thủy sản, thì sau khi thực hiện Nghị quyết đã chuyển trục khai thác thế mạnh là thủy sản, trái cây là chủ yếu. Sau 3 năm, diện tích trồng cây ăn trái đã tăng đáng kể, từ 385.000 ha cây ăn trái lên tới 450.000 ha; thủy sản tăng từ 860.000 ha lên trên 900.000 ha; diện tích đất lúa từ 1,82 triệu ha giảm còn 1,7 triệu ha. Bộ NNPTNT cũng cho biết, xuất khẩu nông sản của toàn ĐBSCL tăng từ 7 tỷ USD năm 2016 lên 8,8 tỷ USD năm 2020. Đây là những con số chứng minh cho việc chuyển “thuận thiên” không những đúng hướng mà còn hiệu quả.

Bên cạnh đó, việc tăng đầu tư nguồn lực phát triển cơ sở hạ tầng

của Chính phủ đã tạo “đòn bẩy”, thu hút ngày càng nhiều sự tham gia của các nhà đầu tư trong và ngoài nước; từ đó thúc đẩy chuyển đổi quy mô lớn, phát huy tiềm năng thế mạnh của vùng và các tiểu vùng, tăng cường kết nối kinh tế - hạ tầng nội vùng và giữa ĐBSCL với TPHCM và các tỉnh Đông Nam Bộ. Đến nay các doanh nghiệp trong nước, các nhà đầu tư nước ngoài, các đối tác quốc tế đã đầu tư triển khai nhiều dự án trong các lĩnh vực nông nghiệp, giao thông, phát triển năng lượng tái tạo, logistics..., làm thay đổi bộ mặt của vùng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế cả nước.

Nghị quyết 120 cũng đã phát huy tính sáng tạo, chủ động của người dân, doanh nghiệp và các cấp chính quyền, để thích ứng một cách có hiệu quả với BĐKH, thể hiện qua nhiều mô hình, sáng kiến hay, nổi bật là: Mô hình trồng lúa mùa chất lượng cao kết hợp nuôi tôm càng xanh tại tỉnh Kiên Giang; mô hình nuôi cá tra, mô hình nuôi tôm nước lợ, mô hình kinh tế hợp tác liên kết theo chuỗi giá trị của tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu, mô hình du lịch sinh thái của tỉnh An Giang; mô hình lúa chịu mặn thích ứng biến đổi khí hậu của tỉnh Bến Tre... Qua đó từng bước tạo sinh kế bền vững cho người dân, an sinh xã hội được đảm bảo, đời sống nhân dân vùng ĐBSCL đã có những thay đổi đáng kể.

Đồng bằng sông Cửu Long được coi là thể thống nhất, nên nhiều giải pháp, quy hoạch mang tính liên ngành, liên vùng đã được triển khai như công tác quy hoạch, công tác dự báo, cảnh báo cho tổng thể vùng; các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai trên phạm vi toàn vùng, hay như đầu tư các công trình có tính kết nối toàn vùng

như đường giao thông, thủy lợi... Bên cạnh đó, việc điều tra cơ bản, xây dựng cơ sở dữ liệu nền tảng phục vụ quản lý, điều hành, khai thác hiệu quả các nguồn lực của ĐBSCL cũng được đẩy mạnh. Điển hình là hoàn thành bản đồ mô hình số độ cao, bản giao bản đồ nước ngầm cho tất cả các địa phương vùng ĐBSCL, hoàn thành xây dựng Trung tâm Quan trắc môi trường vùng ĐBSCL... Đặc biệt, trong các đợt hạn mặn năm 2020 với 10 điểm nguồn cấp nước khẩn cấp được triển khai xây dựng, cung cấp cho 62.000 người ở 7 tỉnh chống hạn, mặn cho ĐBSCL.

Không chỉ phát triển nông nghiệp bền vững, sau Nghị quyết 120, mạng lưới giao thông vùng cũng được quan tâm và dần phát triển đồng bộ để ĐBSCL vươn mình phát triển mạnh mẽ.

Sự thích ứng từ các địa phương

Là trung tâm kinh tế của ĐBSCL, trong thời gian qua, TP. Cần Thơ đã triển khai sâu rộng nội dung của Nghị quyết số 120/NQ-CP đến các cấp, các ngành, đoàn thể và tích hợp BĐKH vào quy hoạch phát triển các ngành; triển khai các công trình, dự án trọng điểm nhằm thích ứng với BĐKH, nước biển dâng. Điển hình là dự án đánh giá lại khí hậu trên địa bàn thành phố, làm cơ sở để TP. Cần Thơ triển khai các nhiệm vụ cũng như giải pháp để thích ứng hiệu quả với BĐKH. Bên cạnh đó, lập dự án khoanh vùng nguồn nước cần bảo vệ; kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác, sử dụng nguồn nước mặt, nước ngầm trên địa bàn; đầu tư hệ thống quan trắc tự động nguồn nước mặt, nước ngầm để nâng cao hiệu quả quản lý chất lượng nguồn nước, chủ động ứng phó tình trạng xâm nhập mặn. Cần Thơ đồng thời linh hoạt chuyển đổi cây trồng

thích ứng với BĐKH, góp phần đáng kể vào việc định hình, phát triển nền nông nghiệp theo hướng “thuận thiên” gắn với ứng dụng nhiều tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất, giúp tăng năng suất, giá trị nông sản và nguồn thu nhập cho người dân địa phương.

Cũng là một tỉnh chịu ảnh hưởng không nhỏ của BĐKH, Kiên Giang đã triển khai nhiều dự án để tăng cường khả năng ứng phó với BĐKH. Theo thống kê, đến nay, tỉnh đã đầu tư hoàn chỉnh hệ thống 22 cống thủy lợi trên đê biển Tây đoạn Hà Tiên - Rạch Giá từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ để ngăn mặn, giữ ngọt, điều tiết nguồn nước đảm bảo phục vụ sản xuất nông nghiệp vùng phía bắc Quốc lộ 80 (Rạch Giá - Hà Tiên). Nhiều dự án công trình cống thủy lợi quy mô lớn xây dựng trên địa bàn thành phố Rạch Giá đã thi công hoàn thành, đưa vào vận hành, khai thác phục vụ sản xuất vùng Tứ giác Long Xuyên và các vùng phụ cận như Cống sông Kiên, An Hòa, Kênh Cụt, Kinh Nhánh. Tỉnh cũng đã và đang thi công xây dựng 15 cống thủy lợi từ nguồn vốn Trung ương, địa phương và tiểu dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống xói lở bờ biển trên đê biển Tây đoạn từ sông Cái Lớn đến ranh giới tỉnh Cà Mau; hỗ trợ nuôi trồng thủy sản hai huyện An Biên và An Minh, tỉnh Kiên Giang thuộc dự án “Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long” (MD-ICRSL). Cùng với đó, 18 cống thủy lợi trên tuyến đê biển này đang được triển khai thực hiện hoàn thành, để tạo nên hệ thống thủy lợi hoàn chỉnh, đồng bộ phục vụ yêu cầu vùng sản xuất trọng điểm U Minh Thượng trên địa bàn tỉnh.

(Xem tiếp trang 43)

MẤT CÂN BẰNG GIỚI TÍNH KHI SINH TẠI VIỆT NAM THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Thu Hiền

Mất cân bằng giới tính khi sinh là một trong những nội dung quan trọng được Tổng cục Thống kê thực hiện trong cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 (Tổng điều tra) nhằm cung cấp số liệu cụ thể về thực trạng dân số Việt Nam. Vấn đề này có thể gây ảnh hưởng lâu dài đến cơ cấu dân số Việt Nam cũng như sẽ dẫn tới những hậu quả về xã hội và nhân khẩu học, đồng thời là một trong những nguyên nhân gây ra bất bình đẳng giới, đòi hỏi cần sớm có các biện pháp can thiệp.

Thực trạng và nguyên nhân mất cân bằng giới tính khi sinh tại Việt Nam

Tâm lý ưa thích con trai và định kiến giới đã tồn tại dai dẳng ở Việt Nam từ thời phong kiến, đến nay dù dân trí đã được nâng cao giúp cải thiện tình hình nhưng mất cân bằng giới tính khi sinh đã trở thành một vấn đề nghiêm trọng. Thực tế hiện nay, tỷ số giới tính khi sinh phản ánh cân bằng giới tính của số bé trai và bé gái khi được sinh ra của Việt Nam vẫn cao hơn mức sinh học tự nhiên dẫn đến những cảnh báo sớm về tình trạng mất cân bằng giới tính. Các nghiên cứu chuyên sâu về Mất cân bằng giới tính khi sinh ở Việt Nam được phối hợp giữa Tổng cục Thống kê và Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) từ kết quả của cuộc Tổng điều tra đã chỉ ra rằng với tỷ số giới tính khi sinh ở mức 111,5 bé trai/100 bé gái (năm 2019) so với mức sinh học tự nhiên 105 bé trai/100 bé gái, số lượng trẻ em gái bị thiếu hụt ở Việt Nam sẽ là khoảng 45,9 nghìn trẻ, tương đương với 6,2% tổng số trẻ em gái được sinh ra.



Theo kết quả điều tra của Tổng cục Thống kê, tỷ số giới tính khi sinh của Việt Nam bắt đầu có xu hướng tăng cao hơn so với mức sinh học tự nhiên từ năm 2004. Năm 2018, tỷ số giới tính khi sinh là 114,5 bé trai/100 bé gái, dù giảm xuống còn 111,5 bé trai/100 bé gái vào năm 2019 nhưng vẫn còn khá cao so với mức tự nhiên là từ 104-106 bé trai/100 bé gái sinh ra sống. Theo đó, mức độ mất cân bằng giới tính khi sinh của Việt Nam đang đứng ở ngưỡng rất cao, đặc biệt là khi so sánh với mức cao nhất thế giới là 114,6% của Azerbaijan, đứng thứ 3 châu Á chỉ sau Trung Quốc và Ấn Độ.

Các số liệu cũng cho thấy sự khác biệt về tỷ số giới tính khi sinh giữa các vùng miền. Trong đó, khu vực thành thị có tỷ số thấp hơn nông thôn với mức tương ứng là 110,8 và 111,8 bé trai/100 bé gái. Khu vực Trung du và miền núi phía Bắc có tỷ lệ bé trai sinh ra so với bé gái cao nhất cả nước với 114,2 bé trai/100 bé gái, trong khi đó, Đồng bằng sông Cửu Long có tỷ lệ thấp nhất là 106,9 bé trai/100 bé gái.

Đối với cha mẹ đã có hai con nhưng chưa có con trai, xác suất sinh thêm con lên đến 48% trong vòng 10 năm sau khi đứa trẻ thứ 2 ra đời. Con số này khá thấp đối với cha mẹ đã có 2 con trai hoặc đã có 1 con trai và 1 con gái với tỷ lệ chiếm lần lượt là 22% và 23%. Qua đó có thể thấy, những cha mẹ chưa có con trai thường có tỷ lệ sinh thêm con cao gấp đôi so với cặp cha mẹ đã có ít nhất 1 con trai. Đi cùng với sự mất cân bằng ở tỷ số giới tính khi sinh là sự thiếu hụt trẻ em gái. Thống kê trong giai đoạn 2014-2019, mất cân bằng tỷ số giới tính khi sinh ở lần sinh đầu tiên là nguyên nhân gây thiếu hụt khoảng 30% trẻ em gái tại Việt Nam, ở lần sinh thứ 2 là 26% và sự thiếu hụt ở lần sinh thứ 3 lên tới 44% trẻ em gái.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự mất cân bằng giới tính khi sinh ở Việt Nam, tuy nhiên, các chuyên gia đã tập trung vào một số nguyên nhân chính. Đầu tiên, sự mất cân bằng diễn ra do nhận thức không đúng về bình đẳng giới dẫn đến tâm lý ưa thích có con trai và mong muốn lựa chọn giới tính bị thiên lệch về giới. Nguồn gốc sâu xa của nguyên nhân này là do truyền thống gia tộc phụ hệ có từ hàng nghìn năm trước và tư tưởng Nho giáo trọng nam hơn nữ vẫn còn khá phổ biến trong một bộ phận người dân khi quan niệm

con trai nối dõi tông đường, tạo nguồn thu nhập chính trong gia đình, chăm sóc cha mẹ lúc tuổi già. Ngoài ra, việc thực hiện chính sách quy mô gia đình nhỏ trong bối cảnh giảm sinh đã có tác động mạnh khiến nhiều cặp vợ chồng mong muốn sinh con trai, đặc biệt là những cặp vợ chồng chỉ có con gái trong những lần sinh trước đó.

Mặt khác, sự phát triển ngày càng tốt hơn của các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản với trang thiết bị hiện đại và đội ngũ chuyên gia trình độ cao đã tạo điều kiện cho người dân dễ dàng tiếp cận các hình thức lựa chọn giới tính cả trước và trong khi mang thai. Đây cũng được coi là nguyên nhân trực tiếp dẫn tới tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh hiện nay. Điều tra Biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình thời điểm 01/4/2018 của Tổng cục Thống kê cho thấy, có tới 65,7% bà mẹ đang mang thai từ 15-28 tuần có thể biết trước giới tính của thai nhi. Với thai nhi dưới 15 tuần, Đồng bằng sông Hồng là nơi có tỷ lệ phụ nữ biết giới tính thai nhi cao nhất cả nước (51,4%), thấp nhất là Đồng bằng sông Cửu Long (8,6%).

Ngoài những nguyên nhân chủ yếu trên, nhận thức của người dân, nhất là những cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ về pháp luật liên quan đến lựa chọn giới tính khi sinh và hậu quả do mất cân bằng giới tính khi sinh gây ra còn hạn chế cũng là một trong những nguyên nhân góp phần gây ra tình trạng này.

Hệ quả và giải pháp khắc phục

Theo các chuyên gia nhân khẩu học, tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh sẽ ảnh hưởng lớn đến cấu trúc dân số Việt Nam trong tương lai. Tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh trong khoảng

hơn chục năm trở lại đây mới chỉ ảnh hưởng đến nhóm dân số trẻ em. Những thế hệ đầu tiên sinh ra sau sự gia tăng của tỷ số giới tính khi sinh cao hơn mức tự nhiên hiện đang trong độ tuổi thanh thiếu niên và sẽ sớm đạt đến độ tuổi trưởng thành trong vài năm nữa. Có thể dự đoán trước với sự gia tăng bé trai cao hơn nhiều so với bé gái sẽ dẫn đến tình trạng thừa nam giới so với nữ giới. Dựa trên các phân tích chuyên sâu, Tổng cục Thống kê và UNFPA đã đưa ra kịch bản về sự dư thừa nam giới so với nữ giới độ tuổi từ 20-39 tuổi trong giai đoạn 2019-2059. Theo đó, nếu Việt Nam không thực hiện các biện pháp nhằm thay đổi tỷ số giới tính khi sinh giữa bé trai và bé gái, sự dư thừa nam giới sẽ tăng từ 563,5 nghìn người nam năm 2019 lên 1,4 triệu người nam năm 2059, tương ứng sẽ dư từ 3,5% lên 9,7% tổng số nam giới của Việt Nam. Với kịch bản Việt Nam nỗ lực thực hiện các biện pháp thay đổi nhanh khiến tỷ số giới tính khi sinh giảm đều và trở lại mức 106,9% vào năm 2059, dù tình trạng nam dư thừa vẫn cao nhưng con số này đã có sự giảm đáng kể còn 926,5 nghìn người nam dư thừa, tương ứng 6,5% tổng số nam giới của cả nước.

Mất cân bằng giới tính khi sinh dẫn đến tình trạng thừa nam, thiếu nữ trong tương lai không chỉ ảnh hưởng đến cuộc sống của cá nhân, gia đình, dòng tộc mà còn để lại những hệ lụy không tốt, tác động trực tiếp đến đời sống, xã hội và sự phát triển bền vững của đất nước cả trong hiện tại và tương lai.

Với phương diện gia đình, nhiều bà mẹ đã lựa chọn giới tính thai nhi sau khi mang thai bằng phương pháp nạo, hút thai, điều này cũng phản ánh tình trạng bất

bình đẳng giới còn tồn tại ở Việt Nam. Thống kê của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) năm 2017, Việt Nam đứng vị trí thứ 3 trong số các quốc gia có tỷ lệ phá thai cao nhất thế giới, chỉ sau 2 cường quốc dân số là Trung Quốc và Nga. Còn theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi 15-49 đang có chồng thực hiện việc nạo/phá thai và hút điều hòa kinh nguyệt chiếm 0,4% tổng số phụ nữ trong độ tuổi điều tra năm 2018. Tỷ lệ này giảm rất nhiều so với con số 1,7% năm 2003 nhưng vẫn tiềm ẩn những nguy cơ không hề nhỏ đối với sức khỏe và tính mạng của thai phụ. Đi cùng với vấn đề sức khỏe là các vấn đề về tâm lý, gia tăng căng thẳng trong gia đình, ít nhiều ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế gia đình. Thêm vào đó, mong muốn có con trai của các thành viên trong gia đình có thể khiến người phụ nữ phải chịu, áp lực sinh bằng được con trai, đặc biệt là khi người phụ nữ đó là con dâu trưởng hay có chồng là con trai duy nhất của gia đình. Thậm chí, tâm lý ưa thích con trai có thể là nguyên nhân dẫn đến việc ngoại tình hay gia tăng các vụ ly hôn vì không sinh được con trai.

Trên phương diện xã hội, mất cân bằng giới tính khi sinh sẽ dẫn đến sự dư thừa nam giới

và thiếu hụt nữ giới ở tất cả các nhóm tuổi trong tương lai sẽ tác động đến quá trình hình thành và cấu trúc gia đình. Nhóm nam giới sẽ gặp khó khăn trong việc tìm kiếm bạn đời hoặc không thể lấy được vợ, buộc phải duy trì cuộc sống độc thân. Hệ quả của hệ quả là sẽ có thể gây ra sự bất ổn xã hội, gia tăng các tệ nạn như mại dâm, buôn bán trẻ em gái, phụ nữ và các loại tội phạm xã hội khác do nhu cầu sinh lý của họ không được đáp ứng. Tình trạng này cũng gây thêm khó khăn thách thức mới đối với công tác dân số, phải tăng thêm nguồn lực đáng kể cho các nghiên cứu và giải pháp khắc phục.

Có thể nói, sự mất cân bằng giới tính khi sinh của Việt Nam trong những năm gần đây đang là mối quan tâm hàng đầu của Chính phủ, các tổ chức trong và ngoài nước. Mất cân bằng giới tính dân số trong tương lai là điều không thể tránh khỏi, cho dù Việt Nam có thể cân bằng tỷ số giới tính khi sinh về mức tự nhiên trong thập kỷ tới. Dù vậy, để hạn chế tình trạng này trong tương lai, Việt Nam vẫn cần vào cuộc một cách nhanh chóng và mạnh mẽ để giảm thiểu những tác hại đã được dự báo trước, đồng thời đáp ứng những thay đổi về nhân khẩu học và xã hội vì sự phát triển bền vững.

Các giải pháp đặt ra chú trọng đến việc đẩy mạnh và duy trì các hoạt động tuyên truyền vận động đến các gia đình về bình đẳng giới, tuyên truyền về cấm lựa chọn giới tính khi sinh, hôn nhân tiến bộ, gia đình văn minh; nâng cao nhận thức để từ đó các gia đình có thể chuyển đổi quan niệm, hành vi về giới. Tăng cường công tác thống kê, tiếp tục giám sát tỷ số giới tính khi sinh, từ đó đưa ra những bằng chứng về các khía cạnh xã hội tác động nhằm cung cấp thông tin phục vụ việc ban hành các quyết sách, sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp Ủy Đảng và Chính quyền. Bên cạnh đó, cần điều chỉnh, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích, xây dựng và duy trì các câu lạc bộ phụ nữ không sinh con thứ 3; tuyên dương và chia sẻ kinh nghiệm xây dựng kinh tế và gia đình của những hộ sinh 2 con gái có kinh tế khá giả. Mở rộng tiếp cận các dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình kết hợp với công tác tư vấn từ đội ngũ cán bộ làm công tác dân số; song song với nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi. Gần đây, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 trong đó nhấn mạnh mục tiêu đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, đến năm 2030, tỷ số giới tính khi sinh dưới 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống. Những nỗ lực trên không chỉ nhằm duy trì mức sinh thay thế trên toàn quốc, cân bằng tỷ số giới tính khi sinh về mức tự nhiên, thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 mà còn góp phần đảm bảo sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước./.



Hà Nội:

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Tư tăng 50,4% so với cùng kỳ năm trước

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Tư năm 2021 tại Thủ đô Hà Nội ước tính đạt 50 nghìn tỷ đồng, tăng 1,5% so với tháng trước và tăng 50,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 32,5 nghìn tỷ đồng, tăng 1,3% và tăng 21,4%; doanh thu khách sạn, nhà hàng đạt 5,6 nghìn tỷ đồng, tăng 2,4% và gấp 4,9 lần cùng kỳ năm trước; doanh thu du lịch lữ hành đạt 430 tỷ đồng, tăng 5% và gấp 11,8 lần; doanh thu dịch vụ khác đạt 11,5 nghìn tỷ đồng, tăng 1,4% và gấp 2,2 lần.

Tính chung 4 tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 198,2 nghìn tỷ đồng, tăng 16,7% so với cùng kỳ năm trước (4 tháng đầu năm 2020 giảm 6,3%), trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 130,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 66% tổng mức và tăng 12,3% (doanh thu may mặc tăng 13,2%; lương thực, thực phẩm tăng 12,3%; xăng, dầu tăng 10,7%; nhiên liệu khác tăng 23,2%). Doanh thu khách sạn, nhà hàng đạt 19,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 9,7% và tăng 51,8% (doanh thu dịch vụ lưu trú tăng 17,6%; dịch vụ ăn uống tăng 54,3%). Doanh thu du lịch lữ hành đạt 1.707 tỷ đồng, chiếm 0,9% và giảm 8,8%. Doanh thu dịch vụ khác đạt 46,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 23,4% và tăng 19,9%.

Nguồn: Cục Thống kê TP. Hà Nội

Nam Định:

Hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa được duy trì và phát triển ổn định

Tháng 4/2021, hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh Nam Định được duy trì và phát triển ổn định. Tổng trị giá hàng hóa xuất khẩu tháng 4 ước đạt 213,1 triệu USD, tăng 3,2% so với tháng trước và tăng 48,4% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, khu vực Nhà nước 4,3 triệu USD, tăng 68,3%; khu vực ngoài Nhà nước 58,5 triệu USD, tăng 24,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 150,3 triệu USD, tăng 59,5% so với cùng kỳ năm trước. Tổng trị giá hàng hóa nhập khẩu tháng 4 ước đạt 125,4 triệu USD,

tăng 9,2% so với tháng trước và tăng 2,0% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, khu vực Nhà nước 5,0 triệu USD, tăng 9,4%; khu vực ngoài Nhà nước 30,5 triệu USD, giảm 22,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 89,9 triệu USD, tăng 13,6% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 4 tháng đầu năm 2021, tổng trị giá hàng hóa xuất khẩu ước đạt 791,2 triệu USD, tăng 33,4% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, khu vực Nhà nước 14,7 triệu USD, tăng 46,6%; khu vực ngoài Nhà nước 220,3 triệu USD, giảm 1,1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 556,2 triệu USD, tăng 54,4% so với cùng kỳ năm trước. Tổng trị giá hàng hóa nhập khẩu ước đạt 420,8 triệu USD, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, khu vực Nhà nước 15,7 triệu USD, tăng 28,9%; khu vực ngoài Nhà nước 108,1 triệu USD, giảm 25,9%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 297,0 triệu USD, tăng 30,7% so với cùng kỳ năm trước.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Nam Định

Thanh Hóa:

Sản xuất công nghiệp tăng cao so với cùng kỳ

Sản xuất công nghiệp tháng 4/2021 tại Thanh Hóa tăng nhẹ so với tháng trước và tăng cao so với tháng cùng kỳ. Chỉ số sản xuất công nghiệp toàn ngành ước tính tháng 4/2021 tăng 2,74% so với tháng trước, tăng 28,97% so với tháng cùng kỳ; trong đó, công nghiệp khai khoáng tăng 13,73% so với tháng trước, giảm 0,07% so với tháng cùng kỳ; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,85% so với tháng trước, tăng 29,76% so với tháng cùng kỳ; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 0,61% so với tháng trước, tăng 19,44% so với tháng cùng kỳ; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,42% so với tháng trước, tăng 13,54% so với tháng cùng kỳ.

Tính chung 4 tháng đầu năm 2021, chỉ số sản xuất công nghiệp toàn ngành tăng 13,05% so với cùng kỳ; trong đó, công nghiệp khai khoáng giảm 15,11%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 13,86%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 1,77%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,63%.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa

HOÀN THIỆN HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CHIA SẺ CHI PHÍ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

NCS. Hoàng Thanh Huyền

Học viện Ngân hàng

Hệ thống chỉ tiêu thống kê chia sẻ chi phí đào tạo đại học (ĐTĐH) là cơ sở để tính toán và phân tích về tình hình chia sẻ chi phí ĐTĐH ở Việt Nam hiện nay. Hệ thống chỉ tiêu chia sẻ chi phí ĐTĐH gồm các chỉ tiêu phản ánh về chi phí của nhà nước, chi phí của nhà trường, chi phí của người học cho đào tạo đại học. Bài viết đề xuất một số chỉ tiêu thống kê nhằm hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê chia sẻ chi phí ĐTĐH ở Việt Nam.

Hệ thống chỉ tiêu thống kê chia sẻ chi phí đào tạo đại học

Việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê chia sẻ chi phí ĐTĐH cần đảm bảo một số nguyên tắc như: Tính hướng đích; tính hệ thống; tính khả thi; tính hiệu quả; tính thích nghi.

Việc thực hiện chia sẻ chi phí ĐTĐH dựa trên ba nguồn tài chính, đó là: (1) Ngân sách nhà nước (NSNN); Học phí, lệ phí; (3) Nguồn tự tạo, tự huy động của các trường đại học công lập.

(1) Về kinh phí NSNN cấp

NSNN cho ĐTĐH là nguồn kinh phí được cấp phát từ Chính phủ cho các cơ sở giáo dục đại học, dựa trên nhiều phương thức phân bổ khác nhau, nhằm thực hiện các nhiệm vụ chính trị, chuyên môn, nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu của các cơ sở giáo dục đại học. Đây được coi là nguồn tài chính truyền thống và có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo nguồn lực của các cơ sở giáo dục đại học. Nguồn kinh phí NSNN cấp được thể hiện qua các chỉ tiêu sau: Kinh phí NSNN cấp cho hoạt động thường xuyên; Kinh phí NSNN cấp để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Kinh phí NSNN

cấp để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Kinh phí NSNN cấp để thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao; Vốn đầu tư xây dựng cơ bản; Kinh phí NSNN cấp để mua sắm trang thiết bị, sửa chữa lớn tài sản cố định phục vụ hoạt động sự nghiệp theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán được giao hàng năm; Vốn đối ứng thực hiện các dự án có nguồn vốn nước ngoài được cấp có thẩm quyền phê duyệt; và các kinh phí khác.

(2) Về học phí, lệ phí

Khoản thu học phí được coi là khoản đóng góp quan trọng nhất trong các nguồn đóng góp từ sinh viên cho ĐTĐH.

Đối với bậc đại học, mức thu học phí được thực hiện theo nguyên tắc chia sẻ chi phí đào tạo giữa nhà nước và người học, được thực hiện theo Nghị định 86/2015-NĐ-CP, theo đó, học phí của các cơ sở giáo dục đại học công lập được xác định trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, và lộ trình tính đủ chi phí đào tạo. Học phí của các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư

theo quy định của Chính phủ được xác định trên cơ sở tính toán có sự cân đối giữa hỗ trợ của Nhà nước và đóng góp của người học, thực hiện theo lộ trình giảm dần bao cấp của Nhà nước. Mức thu học phí được thực hiện theo mức trần quy định theo khối ngành, chuyên ngành đào tạo.

(3) Về các khoản tự tạo, tự huy động của các trường đại học công lập

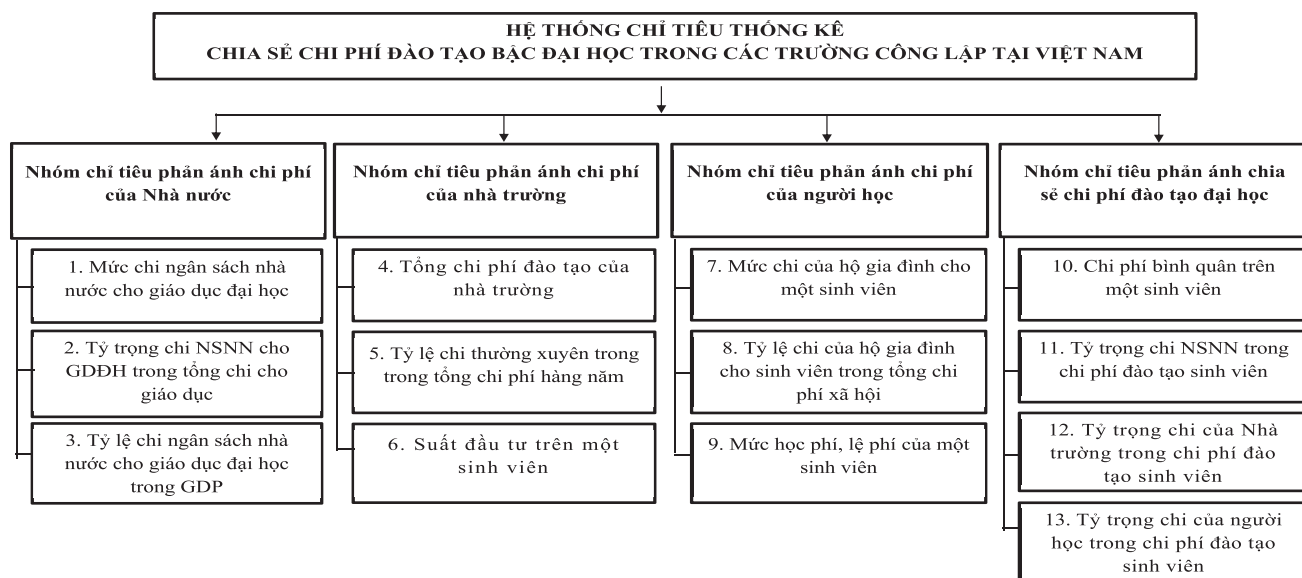
Ngoài hai nguồn tài chính trên, các chỉ tiêu phản ánh nguồn tự tạo, tự huy động của nhà trường được thể hiện trong báo cáo tài chính của các trường đại học, gồm Thu hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ;

Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê chia sẻ chi phí đào tạo đại học ở Việt Nam

Dựa trên các chỉ tiêu thống kê hiện có, tác giả thấy rằng các chỉ tiêu thống kê phản ánh chia sẻ chi phí ĐTĐH ở Việt Nam hiện nay còn khá rời rạc, thiếu vắng một hệ thống chỉ tiêu thống kê hoàn chỉnh.

Vì vậy, để phản ánh chia sẻ chi phí đào tạo đại học một cách đầy đủ và chính xác, tác giả cho rằng hệ thống chỉ tiêu thống kê phản ánh chia sẻ chi phí ĐTĐH công lập

ở Việt Nam gồm 13 chỉ tiêu và được sắp xếp thành bốn nhóm như sau: (1) Nhóm chỉ tiêu phản ánh chi phí của Nhà nước; (2) Nhóm chỉ tiêu phản ánh chi phí của nhà trường; (3) Nhóm chỉ tiêu phản ánh chi phí của người học; (4) Nhóm chỉ tiêu phản ánh chia sẻ chi phí ĐTDH (Chi tiết xem hình 1).



Hình 1. Hệ thống chỉ tiêu thống kê chia sẻ chi phí đào tạo trong các trường đại học công lập tại Việt Nam

Nhóm chỉ tiêu phản ánh chi phí của Nhà nước

Chỉ tiêu 1: Mức chi ngân sách nhà nước cho ĐTDH

Mức chi NSNN cho ĐTDH là khoản kinh phí cấp phát cho các hoạt động của các trường đại học dựa trên nhiều phương thức khác nhau nhằm thực hiện mục tiêu của Nhà nước trong quản lý ĐTDH. Nội dung kinh phí NSNN cấp cho các trường đại học công lập chủ yếu là các khoản chi cho hoạt động thường xuyên, hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản và chi nghiên cứu khoa học.

Chỉ tiêu 2: Tỷ trọng chi ngân sách nhà nước cho ĐTDH trong tổng chi ngân sách nhà nước cho giáo dục

Chỉ tiêu này thể hiện tỷ lệ phần trăm (%) đầu tư từ NSNN cho ĐTDH trong tổng chi NSNN dành cho giáo dục đào tạo nói chung.

Cách tính như sau:

$$\text{Tỷ trọng chi NSNN cho ĐTDH trong tổng chi NSNN cho giáo dục} = \frac{\text{Mức chi NSNN cho ĐTDH trong năm}}{\text{Tổng chi NSNN cho giáo dục trong năm}}$$

Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho ĐTDH trong GDP

Đây là chỉ tiêu tương đối, thể hiện tỷ lệ chi NSNN cho ĐTDH trong năm chiếm trong tổng giá trị sản phẩm trong nước GDP trong cùng năm đó.

Chỉ tiêu này được xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ chi NSNN cho ĐTDH trong GDP} = \frac{\text{Tổng chi NSNN cho ĐTDH trong năm}}{\text{Tổng giá trị sản phẩm trong nước (GDP) trong năm đó}}$$

Nhóm chỉ tiêu phản ánh chi phí của Nhà trường

Chỉ tiêu 4: Tổng chi phí đào tạo của nhà trường

Chỉ tiêu tổng chi phí đào tạo thể hiện toàn bộ chi phí của nhà trường đã chi ra trong một năm để thực hiện nhiệm vụ đào tạo và các hoạt động khác của nhà trường. Chi phí này bao gồm chủ yếu là chi phí thường xuyên (chi phí tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, phúc lợi tập thể... và các khoản chi khác trong năm) và chi không thường xuyên (quan hệ tài chính với nước ngoài, chi viện trợ...). Ngoài ra, trong báo cáo tài chính của các trường đại học công lập vẫn có mục chi phí mua sắm và sửa chữa tài sản cố định (gồm máy móc thiết bị, nhà cửa và các công trình kiến trúc...).

Chỉ tiêu 5: Tỷ lệ chi thường xuyên trong tổng chi phí hàng năm

Chỉ tiêu này thể hiện tỷ lệ phần trăm (%) chi thường xuyên cho hoạt động ĐTDH của nhà trường

so với tổng chi phí hoạt động của nhà trường trong năm đó. Chỉ tiêu này được tính như sau:

$$\text{Tỷ lệ chi thường xuyên} = \frac{\text{Mức chi thường xuyên trong năm}}{\text{Tổng chi phí trong năm}}$$

Chỉ tiêu 6: Suất đầu tư trên một sinh viên

Suất đầu tư trên một sinh viên phản ánh chi phí thực tế nhà trường bỏ ra để đào tạo một sinh viên trong một năm. Chỉ tiêu này cho biết, hiệu suất đầu tư trên một sinh viên càng cao thì càng có khả năng nâng cao chất lượng ĐTDH.

Chỉ tiêu này được xác định như sau:

$$\text{Suất đầu tư trên một sinh viên} = \frac{\text{Tổng chi phí thực tế của nhà trường trong năm}}{\text{Tổng số sinh viên trong năm đó}}$$

Trong đó, số sinh viên ở nhiều bậc đào tạo (nghiên cứu sinh, cao học, đại học, cao đẳng) và hệ đào tạo khác nhau (tập trung, không tập trung) được tính theo tỷ lệ quy đổi về sinh viên đại học chính quy căn cứ Nghị định 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Nhóm chỉ tiêu phản ánh chi phí của người học

Chỉ tiêu 7: Mức chi của hộ gia đình cho một sinh viên

Đây là chỉ tiêu tuyệt đối, phản ánh mức chi của hộ gia đình cho con em mình khi tham gia vào hệ thống giáo dục đại học. Chỉ tiêu này bao gồm học phí, lệ phí, các khoản chi phí sinh hoạt, chi mua dụng cụ học tập, chi mua sách giáo khoa, giáo trình, tài liệu, chi mua đồng phục, quần áo, chi cho học thêm...

Chỉ tiêu 8: Tỷ lệ chi của hộ gia đình cho sinh viên trong tổng chi phí xã hội

Đây là chỉ tiêu tương đối, cho biết tỷ lệ phần trăm (%) chi của hộ gia đình chiếm trong tổng chi phí xã hội đầu tư cho một sinh viên.

Cách xác định:

$$\text{Tỷ lệ chi của hộ gia đình trong tổng chi phí xã hội} = \frac{\text{Mức chi của hộ gia đình}}{\text{Tổng chi phí của xã hội}}$$

Chỉ tiêu 9: Mức học phí, lệ phí của một sinh viên

Học phí, lệ phí là số tiền người học phải nộp để được cung cấp dịch vụ giáo dục từ các cơ sở giáo dục đào tạo.

Nhóm chỉ tiêu phản ánh chia sẻ chi phí đào tạo đại học

Chỉ tiêu 10: Chi phí bình quân trên một sinh viên

Chỉ tiêu chi phí bình quân trên một sinh viên thể hiện mức chi phí bình quân để đào tạo một sinh viên. Chỉ tiêu này có thể xác định cho các trường đại học theo nhóm ngành, loại hình trường, mức độ tự chủ của các trường.

Chỉ tiêu này được xác định theo công thức bình quân gia quyền như sau:

$$\text{Chi phí bình quân một sinh viên theo nhóm ngành} = \frac{\sum (\text{Chi phí của mỗi trường} \times \text{số sinh viên})}{\text{Tổng số sinh viên}}$$

Trong đó, số sinh viên ở nhiều bậc đào tạo (nghiên cứu sinh, cao học, đại học, cao đẳng) và hệ đào tạo khác nhau (tập trung, không tập trung) được tính theo tỷ lệ quy đổi về sinh viên đại học chính quy căn cứ Nghị định 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Chỉ tiêu 11: Tỷ trọng chi ngân sách nhà nước trong chi phí đào tạo sinh viên

Chỉ tiêu này cho biết tỷ trọng phần trăm (%) chi của NSNN cho đào tạo một sinh viên trong chi phí đào tạo bình quân một sinh viên của trường đại học. Cách xác định:

$$\text{Tỷ trọng chi NSNN trong chi phí đào tạo sinh viên} = \frac{\text{Mức chi từ NSNN trong chi phí đào tạo}}{\text{Chi phí đào tạo}}$$

Chỉ tiêu 12: Tỷ trọng chi của nhà trường trong chi phí đào tạo một sinh viên

Chỉ tiêu này cho biết tỷ trọng phần trăm (%) chi của nhà trường cho đào tạo một sinh viên chiếm trong chi phí bình quân để đào tạo một sinh viên.

Chỉ tiêu này được xác định như sau:

$$\text{Tỷ trọng chi của nhà trường trong chi phí đào tạo} = \frac{\text{Mức chi của nhà trường trong chi phí đào tạo}}{\text{Chi phí đào tạo}}$$

Chỉ tiêu 13: Tỷ trọng chi của người học trong chi phí đào tạo một sinh viên

Chỉ tiêu tỷ trọng chi của người học (thông qua học phí, lệ phí) trong chi phí đào tạo một sinh viên là chỉ tiêu tương đối, thể hiện bao nhiêu phần trăm (%) đóng góp của người học chiếm trong chi phí đào tạo bình quân một sinh viên. Cách xác định:

$$\text{Tỷ trọng chi của người học trong chi phí đào tạo} = \frac{\text{Mức chi của người học trong chi phí đào tạo}}{\text{Chi phí đào tạo}}$$

* Nguồn thông tin tính toán của chỉ tiêu này khai thác từ hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và báo cáo của các trường

Thị trường dầu mỏ đang trở lại thời hoàng kim?

Thu Hường

Thị trường dầu mỏ thế giới từng chứng kiến sự sụt giảm chưa từng có vào năm 2020, khi giá dầu thô ngọt nhẹ (WTI) rơi xuống mức 0 đồng. Từ nửa cuối năm 2020, giá dầu dần phục hồi do dịch Covid-19 dần được kiểm soát, thế giới đã có vắc xin, nhu cầu dầu cũng đã quay trở lại. Các chuyên gia kinh tế dự báo, giá dầu có thể sẽ tăng khoảng 15-25% trong năm 2021, song phụ thuộc rất nhiều vào tình hình kiểm soát dịch bệnh trên toàn cầu.

Năm 2020, thị trường dầu mỏ rơi vào khủng hoảng

Năm 2020, thị trường dầu thô thế giới đã trải qua cuộc khủng hoảng chưa từng có khi đại dịch tác động lên mọi mắt xích của chuỗi cung ứng toàn cầu. Thị trường dầu thô chịu cú sốc kép cả cung và cầu. Nhu cầu nhiên liệu lao dốc khi người dân hạn chế đi lại và các nước áp dụng chính sách phong tỏa trong đại dịch. Trong khi đó, nguồn cung dầu thô lại

tăng mạnh khi cuộc chiến giá của các nước sản xuất lớn.

Đầu tháng 3/2020, Tổ chức các nước sản xuất dầu mỏ (OPEC) và Nga thất bại trong việc thống nhất giảm thêm sản lượng để cứu giá dầu. Sau đó vài ngày, Ả Rập Xê út hạ giá bán với các sản phẩm và công bố kế hoạch tăng sản xuất mạnh tay. Động thái này khiến hai loại dầu thô chủ chốt của thế giới là dầu ngọt nhẹ Mỹ (WTI) và dầu Brent giảm xấp xỉ thêm 30%,

mức giảm mạnh đứng thứ nhì trong lịch sử, chỉ sau đợt lao dốc năm 1991.

Trước tình hình này, OPEC và các đồng minh đã liên tục họp khẩn, chốt mức giá, giảm sản lượng lớn nhất lịch sử khoảng 9,7 triệu thùng/ngày, tương đương giảm 10% nguồn cung toàn cầu. Tuy nhiên, bất chấp những nỗ lực này, giá dầu thô vẫn đi xuống, thậm chí, giá dầu đã đi vào lịch sử ngành dầu mỏ thế giới khi dầu WTI tháng 5/2020 rơi xuống mức âm 40 USD/thùng. Tuy nhiên, với nhu cầu cải thiện do các nhà máy lọc dầu Trung Quốc hoạt động trở lại và nguồn cung cũng giảm bớt khi OPEC và các nước cắt giảm sản lượng. Giá dầu WTI chốt tháng 5/2020 đã tăng mức mạnh nhất lịch sử là 88%, còn dầu Brent cũng tăng gần 40% - mức tăng tốt nhất kể từ năm 1999 với việc các nước dần gỡ bỏ lệnh phong tỏa



và quá trình phát triển vắc xin Covid-19 thuận lợi. Kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của năm 2020, giá dầu Brent đứng ở mức 51 USD/thùng, trong khi giá dầu WTI chốt ở mức 48,52 USD/thùng. Như vậy, tính chung cả năm 2020, giá dầu Brent đã giảm 22,5%, còn dầu WTI giảm 21,4%.

Năm 2021, thị trường dầu mỏ sẽ trở lại thời hoàng kim?

Các nhà phân tích cho rằng, cung và cầu là cơ sở cho sự phục hồi giá dầu mỏ. Hiện nay, nguồn cung dầu mỏ toàn cầu đang bị thu hẹp. Kho dự trữ dầu bị phình to vào thời điểm trước khi dịch Covid-19 bùng phát, đến nay đã giảm mạnh đáng kể sau khi Tổ chức Các Nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) và các đối tác (còn gọi là nhóm OPEC+), cùng các công ty ở Mỹ và những nước khác cùng cắt giảm sản lượng. Ngoài ra, Saudi Arabia đã thực hiện một đợt cắt giảm bổ sung vào tháng 1/2021, do lo ngại một đợt phong tỏa mới sẽ ảnh hưởng tới các nỗ lực tái cân bằng thị trường.

Tại cuộc họp vào đầu tháng 3/2021, OPEC+ đã nhất trí gia hạn phần lớn cắt giảm sản lượng trong tháng 4/2021. Riêng Nga được phép tăng sản lượng thêm 130.000 thùng/ngày trong tháng Tư, còn Kazakhstan cũng được chấp thuận nâng sản lượng thêm 20.000 thùng/ngày để đáp ứng nhu cầu nội địa.

Bộ trưởng Năng lượng Saudi Arabia cho biết, Saudi Arabia sẽ gia hạn việc cắt giảm "tự nguyện" 1 triệu thùng dầu/ngày trong tháng Tư và sẽ từng bước chấm dứt cam kết này vào một thời điểm "phù hợp" những tháng tới. Theo Saudi Arabia, mặc dù công tác triển khai tiêm vaccine ngừa COVID-19 đã giúp tăng cường lạc quan, song sự không chắc chắn về

dịch Covid-19 vẫn ở mức cao. Nhu cầu tiêu thụ "vàng đen" vẫn còn yếu, do đó lộ trình đúng đắn hiện nay là cần chuẩn bị các kịch bản đối phó với những hệ quả không mong muốn.

Theo phân tích của các chuyên gia, đầu năm 2021, do việc cắt giảm sản lượng của OPEC+ dẫn đến giá dầu khá ổn định. Các nhà sản xuất dầu mỏ đã rút ra được bài học kinh nghiệm từ năm 2020 về việc dư cung. Điểm khác biệt về dự báo giá dầu của năm 2021 và năm 2020 đó là việc suy giảm sản lượng có thể sẽ không xảy ra.

Tổ chức tài chính Morgan Stanley cho biết, nhu cầu dầu mỏ toàn cầu hiện đã vượt quá sản lượng khoảng 2,8 triệu thùng/ngày. Ước tính, quý I/2021 sẽ là giai đoạn mà tỷ lệ nguồn cung thấp hơn nhu cầu ở mức lớn nhất kể từ năm 2000.

Trong khi đó, Goldman Sachs cho rằng thị trường đang "thâm hụt" nghiêm trọng và đó là lý do tại sao dự trữ dầu ngày càng ít đi. Goldman Sachs dự báo giá dầu Brent sẽ tăng lên mức 75 USD/thùng trong quý III/2021.

Nguồn cung bị thu hẹp trong khi nhu cầu tiêu thụ dầu mỏ đang phục hồi. Nhu cầu dầu mỏ đã phục hồi ở Trung Quốc, Ấn Độ và đang gia tăng ở Mỹ và châu Âu. Cơ quan Năng lượng quốc tế (EIA) ước tính thị trường Mỹ tiêu thụ 18,6 triệu thùng/ngày, bao gồm xăng và các loại nhiên liệu khác trong tháng Giêng, tăng hơn 26% so với tháng 4/2020. Còn tại Trung Quốc, giới phân tích cho biết, nhu cầu tiêu thụ dầu tăng trở lại vì ngành công nghiệp nặng của nước này đã tăng trưởng mạnh khi sản lượng xi-măng, thép, than và nhôm tăng ở mức hai con số so với năm 2019.

Năm 2021, các chuyên gia đều nhận định, nhu cầu tiêu thụ

dầu mỏ sẽ có nhiều triển vọng sáng sủa hơn, khi thế giới phần nào đã khống chế được dịch bệnh Covid-19. Dịch bệnh được khống chế sẽ làm tăng nhu cầu tiêu thụ dầu cho công nghiệp sản xuất, gia tăng việc đi lại, kích thích tiêu thụ các sản phẩm dầu, dẫn đến giá dầu của năm 2021 và giá của các sản phẩm liên quan tới dầu trong năm 2021 sẽ được cải thiện đáng kể.

IEA dự báo, nhu cầu dầu mỏ toàn cầu sẽ trở lại mức trước đại dịch Covid-19 trong hai năm và đạt mức cao kỷ lục vào năm 2026. IEA cho rằng, cuộc khủng hoảng do dịch Covid-19 gây ra đã khiến nhu cầu dầu toàn cầu giảm sâu, song không phải là một sự sụt giảm lâu dài. Báo cáo của IEA phân tích, khi chương trình tiêm chủng tiến hành trên diện rộng và chính sách hạn chế được dỡ bỏ, nhu cầu dầu sẽ trở lại mức của năm 2019 vào năm 2023. Cơ quan này ước tính nhu cầu dầu toàn cầu sẽ tăng thêm 104 triệu thùng/ngày vào năm 2026, tăng 4% so với năm 2019.

Trong khi đó, giới phân tích nhận định giá dầu sẽ tăng mạnh trong thời gian tới và việc nhu cầu sử dụng cũng như giá dầu tăng là tín hiệu cho thấy kinh tế toàn cầu đang hồi phục. Dự báo mới nhất của các tổ chức quốc tế đều cho rằng "sức khỏe" của kinh tế toàn cầu sẽ phục hồi nhanh trong thời gian tới. Hội nghị Liên hợp quốc về thương mại và phát triển (UNCTAD) vừa nhận định, năm nay kinh tế toàn cầu có thể tăng trưởng 4,7% nhờ sự phục hồi cao hơn dự báo tại Mỹ. Trước đó, Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) cũng điều chỉnh dự báo tăng trưởng kinh tế cao hơn trong năm nay, từ 4,2% lên 5,6%. Trong khi đó, Tổ chức các nước xuất khẩu

dầu mỏ (OPEC) cũng nhận định, nhu cầu dầu trên toàn cầu sẽ tăng khoảng 200.000 thùng/ngày và kinh tế toàn cầu sẽ tăng trưởng 5,1% nhờ dự luật cứu trợ Covid-19 trị giá 1.900 tỷ USD vừa được Tổng thống Mỹ Joe Biden ký ban hành và nhiều nền kinh tế ở châu Á tiếp tục phục hồi. Những thông tin, dự báo tích cực nêu trên đã tạo "lực đẩy" cho giá dầu tăng.

Lạc quan với tín hiệu tích cực từ thị trường dầu mỏ, một số chuyên gia thậm chí còn dự báo rằng giá dầu có thể chạm ngưỡng 100 USD/thùng trong tương lai gần và việc OPEC duy trì sản lượng ổn định sẽ khiến nguồn cung trên thị trường không tăng cho đến tháng 10/2021. Theo đó, giá dầu có thể tăng khá nhanh và đạt khoảng 80 USD/thùng vào mùa hè năm nay. Trong khi đó, nhiều chuyên gia kinh tế của Mỹ nhận định, lĩnh vực năng lượng đang hướng tới quý tốt nhất trong lịch sử với mức tăng gần 40% từ đầu năm đến nay. Với nhiều yếu tố hỗ trợ giá dầu tiếp tục đi lên như hiện nay, dự báo giá dầu có thể lên tới 100 USD/thùng trong khoảng 6 - 12 tháng tới và có thể trở lại thời kỳ hoàng kim của mình.

Tuy nhiên, nhiều chuyên gia phân tích cũng lưu ý rằng, thị trường chưa thể quá lạc quan với triển vọng giá dầu cũng như triển vọng kinh tế thế giới khi mà đại dịch Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp và chứa đựng nhiều "ẩn số" từ biến thể mới của virus SARS-CoV-2 như hiện nay. Bên cạnh đó, việc giá dầu tăng lên có thể sẽ khiến một số nước sản xuất dầu ngoài OPEC như Mỹ, Canada, Nga và Na Uy tăng mạnh nguồn cung. Theo đó, các kịch bản về giá dầu nêu trên có thể sẽ bị phá sản./.

KẾT QUẢ 3 NĂM THỰC HIỆN ...

(Tiếp theo trang 33)

Việc đầu tư xây dựng hệ thống các công trình thủy lợi đã và đang đáp ứng nhu cầu sản xuất của địa phương theo hướng an toàn, bền vững và hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu. Nhiều công trình thủy lợi thi công hoàn thành đưa vào khai thác đã phát huy tác dụng tích cực trong ngăn mặn, giữ ngọt, điều tiết nguồn nước phục vụ sản xuất 3 vùng trọng điểm của tỉnh gồm Tứ giác Long Xuyên, Tây sông Hậu, U Minh Thượng và những khu vực lân cận. Cùng với đầu tư xây dựng những dự án công trình thủy lợi, tỉnh Kiên Giang đã triển khai thực hiện các dự án trồng rừng ven biển và nhiều công trình phòng chống sạt lở đất ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu. Ví dụ như dự án gây bồi tạo bãi trồng rừng ngập mặn bảo vệ đê biển xã Nam Thái, huyện An Biên hoàn thành trồng mới 35 ha rừng; dự án gây bồi tạo bãi trồng rừng ngập mặn bảo vệ đê biển từ xã Bình Sơn đến xã Bình Giang huyện Hòn Đất hoàn thành trồng mới 50 ha rừng; triển khai thực hiện các dự án khôi phục và phát triển rừng phòng hộ ven biển tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016 - 2020 thích ứng với biến đổi khí hậu đã cơ bản hoàn thành.

Có thể nói, sự quan tâm đặc biệt của Chính phủ, sự vào cuộc của tất cả các bộ, ngành, địa phương và sự đồng lòng ủng hộ của người dân đã tạo nên sức mạnh tổng hợp để Nghị quyết 120/NĐ-CP bước đầu đạt hiệu quả, tạo ra những đột phá lớn, mang lại những thay đổi, sự chuyển mình mạnh mẽ của vùng đồng bằng quan trọng bậc nhất nước ta, định hình chiến lược phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long theo hướng tổng thể. Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện Nghị quyết 120 cũng vẫn còn tồn tại một số hạn chế như: Việc hoàn thiện thể chế, chính sách triển khai thực hiện các nhiệm vụ vẫn còn chậm, đặc biệt, các chính sách đẩy mạnh phát triển của các ngành, lĩnh vực then chốt tại ĐBSCL; Một số chính sách đã được ban hành nhưng chưa đi vào cuộc sống, đồng bộ với nguồn lực thực hiện dẫn đến hiệu quả chính sách không cao; Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phân vùng kinh tế theo ngành, lãnh thổ dựa vào các điều kiện tự nhiên chưa nhanh; Vẫn còn xung đột phát triển giữa các loại hình kinh tế dẫn đến hiệu quả kinh tế-xã hội chưa cao, thiếu tính bền vững; Việc huy động và phát triển nguồn lực cho phát triển ĐBSCL bao gồm nguồn nhân lực, tài chính, công nghệ mặc dù đã có nhiều chuyển biến mạnh, nhưng vẫn chưa thể đáp ứng được nhu cầu thực tiễn; Các công trình, dự án có tính liên vùng, liên ngành, có quy mô lớn nhằm thay đổi cơ bản bức tranh phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu vẫn chưa được triển khai thực hiện...

Trước những thách thức đang đặt ra sắp tới, cần không ngừng hoàn thiện các cơ chế, chính sách và có những giải pháp cụ thể phù hợp với tình hình thực tế để Nghị quyết 120 tiếp tục là kim chỉ nam phát triển vùng ĐBSCL bền vững, thịnh vượng và đột phá trong thời gian tới./.



THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ: TẦM NHÌN VÀ ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN

Thành phố Điện Biên Phủ trước đây là thị xã Điện Biên Phủ được thành lập từ ngày 18/4/1992 theo Quyết định số 130/QĐ-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ). Trải qua 29 năm xây dựng trưởng thành, Thành phố đã có những bước chuyển mình mạnh mẽ để trở thành đô thị năng động, sáng tạo, phát triển toàn diện với tầm nhìn phát triển trở thành trung tâm du lịch của tỉnh và khu vực Tây Bắc.

Tập trung xây dựng hạ tầng đô thị

Để xây dựng thành phố Điện Biên Phủ năng động, sáng tạo, phát triển nhanh, những năm qua, Thành phố đã tập trung mọi nguồn lực đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng đô thị. Theo đó, Thành phố đã thực hiện việc chỉnh trang đô thị, nâng cấp hệ thống giao thông, điện chiếu sáng khu dân cư, ngõ xóm; tiếp nhận chuyển giao công nghệ, đưa vào sử dụng hệ thống quản lý vận hành hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý nước thải, triển khai thực hiện kế hoạch trồng cây xanh trên địa bàn.

Cùng với nguồn lực từ ngân sách, Thành phố rất chú trọng cải thiện môi trường đầu tư, tạo thuận lợi để huy động mọi nguồn lực cho xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng. Để gỡ nút thắt trong triển khai các dự án trọng điểm, Thành phố chủ động bố trí các quỹ đất tái định cư và thực hiện xây dựng hạ tầng hoàn chỉnh, từ đó tạo được sự yên tâm, tin tưởng của người dân. Một số dự án hạ tầng quan trọng đã hoàn thành hoặc trong quá trình hoàn thiện, góp phần tạo ra diện mạo khang trang, bề thế cho thành phố, tiêu biểu như: Dự án Chợ Noong Bua, Dự án khu nhà ở Tân Thanh, Dự án Đô thị hoa ban Ven Sông Nậm Rốm, Dự án Đường Thanh Minh - Đối độc lập và khu dân cư; Dự án Bến xe khách Thanh Minh; Dự án khu TĐC phường Nam Thanh (A1- C4), Dự án Bến xe khách thành phố...

Trong năm 2020, Thành phố được mở rộng địa giới hành chính với việc sáp nhập thêm 4 xã từ huyện Điện Biên. Để phù hợp với tình hình mới, Thành phố đã chủ động xây dựng, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch, hoàn thiện hồ sơ chương trình phát triển đô thị

Điện Biên Phủ, tầm nhìn 2030 để trình tỉnh phê duyệt; đồng thời, điều chỉnh quy hoạch chi tiết để triển khai các dự án đã được công bố và điều chỉnh quy hoạch đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2030. Trong đó, các điểm nhấn trong phát triển không gian đô thị bao gồm: Quy hoạch chi tiết khu dân cư trung tâm thành phố gần với các di tích lịch sử như: Tượng đài chiến thắng, Bảo tàng chiến thắng, hầm Đờ Cát, đồi A1... ; Dự án Đền thờ tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ hy sinh tại chiến trường Điện Biên Phủ; Đường 60m, các khu chức năng dọc trục đường 60m; Quy hoạch phân khu trung tâm thương mại, dịch vụ văn hóa thuộc khu đô thị mới phía Đông thành phố và quy hoạch Chi tiết Cảng hàng không Điện Biên; Quy hoạch chi tiết Trung tâm hành chính chính trị tỉnh.

Tạo sức bật cho phát triển kinh tế - xã hội

Trên cơ sở kết cấu hạ tầng ngày một đồng bộ, Thành phố đã tập trung triển khai các chương trình phát triển bền vững. Trong giai đoạn 2016 - 2020, kinh tế của thành phố phát triển năm sau cao hơn năm trước, thu nhập bình quân đầu người năm 2020 đạt 82,5 triệu đồng. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo đúng định hướng, trong đó, lĩnh vực thương mại, dịch vụ trên địa bàn thành phố phát triển mạnh về quy mô, chất lượng. Trên địa bàn hiện có gần 6 nghìn doanh nghiệp, cá nhân, hộ gia đình hoạt động kinh doanh thương mại. Tổng mức lưu chuyển hàng hoá và dịch vụ 5 năm qua đạt trên 23,6 nghìn tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân hàng năm 9,47%. Thành phố đã thu hút một số dự án thương mại có vốn đầu tư lớn. Nhiều siêu thị, trung tâm thương mại được mở rộng



Thành phố Điện Biên Phủ đang thay da đổi thịt trở thành một đô thị hiện đại

quy mô, hàng hóa đa dạng đáp ứng nhu cầu tham quan, mua sắm của người dân.

Lĩnh vực văn hóa xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng lên. Chất lượng giáo dục và đào tạo được nâng cao, phong trào xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được triển khai toàn diện, đến nay thành phố có 94% trường công lập đạt chuẩn quốc gia. Chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được nâng lên, TTYT thành phố được xây dựng mới, 100% xã phường đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn 2010 - 2020. Công tác giảm nghèo bền vững được thực hiện hiệu quả đặc biệt sau khi sáp nhập thêm 4 xã, tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 2,55%...

Những kết quả đạt được trong nhiệm kỳ vừa qua sẽ là hành trang và sự chuẩn bị quan trọng để TP. Điện Biên Phủ vươn lên mạnh mẽ trong thời gian tới. Tin rằng, với nhịp bước vững vàng dựa trên những giải pháp đồng bộ, TP. Điện Biên Phủ sẽ sớm hoàn thành mục tiêu trở thành đô thị loại II vào năm 2025./

Long Trịnh



MƯỜNG CHÀ

KHAI THÁC HIỆU QUẢ TIỀM NĂNG THỂ MẠNH ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NHANH VÀ BỀN VỮNG

Mường Chà là huyện miền núi biên giới của tỉnh Điện Biên, có địa hình núi non hiểm trở, đa số người dân là đồng bào dân tộc thiểu số, đời sống còn gặp rất nhiều khó khăn. Những năm qua, nhờ có giải pháp phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với tiềm năng, lợi thế của địa phương, nên kinh tế xã hội của huyện Mường Chà đã có nhiều khởi sắc.



Đồng chí Trang A Lữ
Chủ tịch UBND huyện Mường Chà

Có thể nói, giai đoạn 2015-2020 là quãng thời gian mà kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của huyện Mường Chà có sự phát triển mạnh mẽ. Huyện đã huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn để tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Trong 05 năm, Huyện đã mở mới được 25km đường giao thông liên xã; nâng cấp mở rộng, bê tông cứng hóa 109km đường giao thông liên bản; sửa chữa, làm mới 9 cầu treo dân sinh; xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa 17 công trình thủy lợi; xây dựng mới và nâng cấp sửa chữa 12 hệ thống

nước sinh hoạt ở các địa bàn dân cư. Nhờ đó, đến nay đã có 97% dân số thị trấn được sử dụng nước sạch, 87% dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; điện lưới nông thôn được đầu tư phát triển đến 100% xã, có 80% số hộ dân được sử dụng điện; 100% số xã có ô tô đến trung tâm xã, 70% đường từ trung tâm các xã đến các thôn, bản đã được bê tông hóa. Huyện Mường Chà đã có 4 xã cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 3 xã đạt 16 tiêu chí, 1 xã đạt 15 tiêu chí; 5 xã đạt từ 11 đến 14 tiêu chí, 2 xã đạt từ 7 đến 10 tiêu chí. Sự nghiệp giáo dục tiếp tục được quan tâm đầu tư phát triển, đặc biệt là giáo dục vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn. Giai đoạn 2015-2020, Huyện đã xây dựng mới 184 phòng học và 17 phòng công vụ; tỷ lệ kiên cố hóa trường, lớp đạt trên 63%, bán kiên cố 17,4%, phòng học tạm giảm còn 19,6%.

Xác định sản xuất nông - lâm nghiệp là chủ đạo trong phát triển kinh tế, do đó, Huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tái cơ cấu ngành Nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng phát huy lợi thế của từng vùng; tiến hành đẩy mạnh hoạt động chuyển giao tiến bộ khoa học vào sản xuất, nâng cao hiệu quả mô hình, đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ giống, phương tiện kỹ thuật, tập huấn

cho nông dân, làm tốt công tác thủy lợi. Nhờ đó, người dân đã biết ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đưa giống cây con vào sản xuất chăn nuôi để tăng sản lượng. Năm 2020, tổng sản lượng lương thực ước đạt gần 22 nghìn tấn, tăng 540 tấn so với năm 2015. Các loại cây công nghiệp ngày càng phát triển, nhiều diện tích đất nương rẫy bạc màu, kém hiệu quả được chuyển sang sản xuất các loại cây có hiệu quả kinh tế cao như: Dứa, dong riềng, cây ăn quả... Đặc biệt, cây dứa được coi là cây trồng thế mạnh của huyện, nhờ tham gia liên kết sản xuất theo chuỗi, đến nay sản phẩm dứa sạch ngọt và thơm theo tiêu chuẩn Vietgap của Huyện đã khẳng định thương hiệu và được bày bán tại các siêu thị trong và ngoài tỉnh. Hiện nay, huyện Mường Chà đã xây dựng được 9 chuỗi liên kết, với tổng diện tích trên 100ha và 03 sản phẩm OCOP là dứa, miến dong và tinh dầu sả Java. Trong lĩnh vực chăn nuôi, tốc độ tăng trưởng đàn gia súc bình quân 4,5%/năm, hiện toàn huyện có gần 52 nghìn con gia súc; gia cầm phát triển khá, thủy sản tăng cả về diện tích và sản lượng.



Do hiệu quả kinh tế cao lại phù hợp với điều kiện đất đai, thổ nhưỡng, huyện Mường Chà đã vận động bà con nông dân tập trung phát triển diện tích cây dứa, nhằm nâng cao thu nhập, xóa đói giảm nghèo bền vững

Là huyện có địa hình dốc, nên Mường Chà có lợi thế để phát triển thủy điện vừa và nhỏ. Những năm qua, để khai thác lợi thế này, huyện Mường Chà luôn khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện trên địa bàn theo đúng quy định. Đến nay, trên địa bàn Huyện đã có 4 nhà máy thủy điện đang vận hành khai thác với công suất 134MW và 03 nhà máy đang triển khai xây dựng, dự kiến phát điện trong năm 2021. Nhờ vậy, những năm gần đây, thuế thu được từ các nhà máy thủy điện chiếm phần lớn trong tổng thu ngân sách của Huyện. Sự hình thành của các nhà máy thủy điện, cùng với việc quan tâm, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp phát triển, mở rộng các hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và kinh doanh thương mại trên địa bàn, đã giúp thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động và tăng nguồn thu ngân sách cho Huyện. Theo số liệu báo cáo, tổng thu ngân sách của huyện Mường Chà giai đoạn 2015 - 2020 đạt gần 2,7 nghìn tỷ đồng; thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân 7,56%/năm; năm 2020 ước thu 32,3 tỷ đồng, tăng trên 12,97 tỷ đồng so với năm 2015.

Trong công tác giảm nghèo, bên cạnh việc thực hiện tốt các chính sách đối với hộ nghèo, tăng cường công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm... các cấp chính quyền của huyện Mường Chà đã phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để hệ thống ngân hàng chính sách xã hội truyền tải nguồn vốn đến với người dân. Những năm qua, với việc triển khai 14 chương trình cho vay trên địa bàn Huyện, vốn tín dụng chính sách đã kịp thời đến với các hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác của huyện Mường Chà, tạo điều kiện để các hộ nghèo phát triển sản xuất, cải thiện thu nhập và nâng cao đời sống. Góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo của Huyện từ 3-5%/năm, rút ngắn khoảng cách phát triển giữa các dân tộc trên địa bàn Huyện, từ đó củng cố vững chắc khối đại đoàn kết các dân tộc, đảm bảo quốc phòng an ninh và chủ quyền biên giới quốc gia.

Để tiếp tục khai thác hiệu quả tiềm năng thế mạnh để đưa kinh tế xã hội của huyện Mường Chà phát triển nhanh và bền vững, Giai đoạn 2020-2025, huyện Mường Chà sẽ tập trung thực hiện 06 chương trình hành động, bao gồm: Chương trình phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển đô thị theo hướng bền vững; phát triển dịch vụ - du lịch gắn với bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giải quyết việc làm và thực hiện các chính sách an sinh xã hội, bảo đảm sức khỏe nhân dân; công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội; nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh./.

Thành Nam

Huyện Điện Biên Đông: ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, GẮN VỚI MỤC TIÊU XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

Điện Biên Đông là huyện vùng cao, đặc biệt khó khăn của tỉnh Điện Biên và cả nước. Những năm qua, từ nhiều Chương trình, dự án đầu tư theo chủ trương ưu tiên phát triển vùng cao, vùng khó khăn của Đảng và Nhà nước, nhiều công trình kết cấu hạ tầng của huyện được đầu tư xây dựng, góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển văn hóa xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, cải thiện đáng kể điều kiện sản xuất và đời sống cho nhân dân các dân tộc trên địa bàn.



*Đồng chí Bùi Ngọc La
Chủ tịch UBND huyện Điện Biên Đông*

Trao đổi với phóng viên Tạp chí Con số và Sự kiện, đồng chí Bùi Ngọc La, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện Điện Biên Đông cho biết: Nhiệm kỳ 2015-2020, Đảng bộ huyện Điện Biên Đông đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các chỉ tiêu, mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ V đề ra. Kết quả, 15/16 nhóm chỉ tiêu chính cơ bản đạt và vượt so với kế hoạch. Trong đó, một số chỉ tiêu khó nhưng kết quả vẫn đạt cao như: Xây dựng nông thôn mới đạt 325%; giảm nghèo đạt trên 101%; khai hoang ruộng nước đạt trên 739%;... Theo đó, dù là huyện miền núi, đặc biệt khó khăn, song kinh tế của huyện Điện Biên Đông đã cơ bản chuyển dịch theo hướng



xác định; thu ngân sách hàng năm trên địa bàn đạt trên 11,6 tỷ đồng; tỷ lệ hộ nghèo của huyện trong những năm gần đây đã giảm dần theo hướng tích cực từ 70,88% năm 2016 xuống còn 45,22% năm 2020 (bình quân giảm 5%/năm).

Mặt khác, Huyện cũng thường xuyên quan tâm, thực hiện kịp thời, đầy đủ các chế độ, chính sách đảm bảo an sinh xã hội; chăm sóc người có công, gia đình chính sách. Các đối tượng chính sách xã hội, người nghèo, tàn tật, người già cô đơn, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn,... được tạo điều kiện thuận lợi tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản; thường xuyên nhận được sự giúp đỡ của chính quyền, cộng đồng và các tổ chức xã hội. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định, quốc phòng được củng cố và giữ vững...

Về phát triển kinh tế: Trong lĩnh vực trồng trọt, Huyện đã chú trọng đến việc hướng dẫn chuyển giao và áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật, xây dựng những mô hình thí điểm, nhân rộng mô hình ra diện rộng, đồng thời đưa các loại giống cây trồng có năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất. Tập trung phát triển những loài cây có giá trị kinh tế cao và trở thành hàng hóa bán ra thị trường như: Lúa nếp, ngô lai, lạc, bí xanh, khoai sọ... Đến hết năm 2020, tổng diện tích gieo trồng cây lương thực toàn huyện đạt gần 13,3 nghìn ha (tăng 5,2% so với năm 2016). Tổng sản lượng lương thực cây

có hạt đạt trên 3,1,3 nghìn tấn (tăng 12,1% so với năm 2016); lương thực bình quân đầu người ước đạt 457,8 kg/người/năm, tăng 11,6 kg so với năm 2016.

Về lĩnh vực chăn nuôi, Huyện triển khai nhiều chương trình, dự án hỗ trợ phát triển chăn nuôi trên địa bàn như: Hỗ trợ trồng cỏ, con giống, hỗ trợ làm chuồng trại, hỗ trợ tiêm, phun, phòng bệnh... Qua hơn 4 năm triển khai thực hiện Nghị quyết, Huyện đã tổ chức được 115 mô hình dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và 15 dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo. Tổng đàn gia súc toàn huyện tăng cả về số lượng và chất lượng, đạt gần 88,2 nghìn con, bằng 101,4% KH; Tổng đàn gia cầm là 244,2 nghìn con, đạt 134,9% KH.

Về lĩnh vực lâm nghiệp, Huyện tập trung chỉ đạo bảo vệ tốt trên 31,4 nghìn ha rừng hiện có; hạn chế tình trạng đốt, phá rừng; thực hiện giao đất, giao rừng được gần 3,3 nghìn ha gắn với thực hiện có hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; công tác trồng rừng khoanh nuôi tái sinh tự nhiên được quan tâm chỉ đạo quyết liệt. Tỷ lệ che phủ rừng năm 2020 đạt 26,13%, tăng 1,03% so với năm 2016.

Ngoài ra, Huyện còn thực hiện tốt công tác tuyên truyền vận động các hộ gia đình tận dụng mặt nước ao hồ nuôi trồng thủy sản; hướng dẫn người dân cách thức nuôi trồng thủy sản và cách phòng dịch bệnh. Xây dựng các mô hình chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm tăng năng suất và sản lượng nuôi trồng. Đến nay, tổng diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 164 ha, tăng 26,2% so với năm 2016, đạt 117,1% KH; Sản lượng đạt 181 tấn, tăng 37,1% so với năm 2016, đạt 112,4% KH.

Bên cạnh đó, nhờ các Chương trình, dự án đầu tư như: Trái phiếu Chính phủ, Chương trình 30a, Chương trình 135, Chương trình Wordl Bank, Chương trình XDNTM, Chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, Chương trình kiên cố hóa trường lớp học,... cùng với việc tích cực vận động và thu hút các nguồn lực đầu tư

từ bên ngoài. Nhờ vậy, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của huyện Điện Biên Đông từng bước được tăng cường và cải thiện rõ rệt.

Cụ thể: Trên địa bàn huyện có khoảng 12 tuyến đường nội thị, huyện lộ, liên xã với tổng chiều dài 226,15 km. Trong đó, có gần 104 km mặt đường được bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt 45,94%; 10/13 xã có đường ô tô đi lại được 4 mùa; 100% số xã, thị trấn, có điện theo hệ thống điện lưới quốc gia đạt chuẩn, 79,3% số thôn, bản có điện lưới quốc gia; 80,86% số hộ dân được sử dụng điện thường xuyên.

Năm học 2019-2020, toàn ngành Giáo dục huyện có 33 trường đạt chuẩn quốc gia chiếm 57,9%. Trong đó: 9 trường Mầm non, 11 trường Tiểu học, 13 trường THCS. Hiện nay, 13/13 xã có Trạm y tế được xây dựng kiên cố, cơ sở vật chất của các Trạm y tế được quan tâm đầu tư trang bị mới; có 12/13 xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế. Theo thống kê, trên địa bàn huyện có tổng số 147 công trình thủy lợi với 377,1 km kênh mương, thực hiện tuổi tiêu cho trên 1.801,3 ha lúa ruộng. Tỷ lệ kênh mương được kiên cố hoá 316/377,1 km, đạt 83,8%... Đến hết năm 2020, Huyện có 03 xã cơ bản đạt chuẩn NTM, bình quân đạt 10,38 tiêu chí/xã, tăng bình quân 4,61 tiêu chí/xã so với năm 2016 và không còn xã nào đạt dưới 5 tiêu chí.

Thời gian tới, huyện Điện Biên Đông sẽ tiếp tục tập trung khai thác có hiệu quả mọi nguồn lực, tiềm năng, lợi thế sẵn có của địa phương; Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi đem lại hiệu quả kinh tế cao; Tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo đúng quy hoạch; nâng cao chất lượng các dự án trên địa bàn, đặc biệt các dự án đầu tư công. Chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực địa phương; Thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, trọng tâm là chăm lo hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững./

Trọng Nghĩa



Thông qua các chương trình hỗ trợ cây, con giống, hỗ trợ vay vốn với lãi suất ưu đãi từ NHCSXH, nhiều hộ dân của huyện đã mạnh dạn đầu tư chăn nuôi gia súc, nỗ lực vươn lên thoát nghèo

CHUYỂN BIẾN TÍCH CỰC TRONG CÔNG TÁC KHÁM CHỮA BỆNH VÀ BẢO VỆ SỨC KHỎE NGƯỜI DÂN Ở TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG

Điện Biên Đông là một trong 63 huyện nghèo trong toàn quốc, trình độ dân trí thấp, tỷ lệ đói nghèo cao, đường sá đi lại khó khăn trung bình từ Huyện đến Xã 35-40 km, từ trung tâm các xã đến các bản đều từ 5-10 km. Cơ sở hạ tầng của bệnh viện và một số trạm y tế xã thời gian qua dù đã được đầu tư sửa chữa và mua sắm thêm trang thiết bị song vẫn còn một số trạm Y tế được xây dựng từ rất lâu, nay xuống cấp, không đủ các phòng cho hoạt động của trạm theo qui định của Bộ y tế.

Dù gặp nhiều khó khăn nhưng những năm qua, Trung tâm Y tế huyện Điện Biên Đông không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; giáo dục y đức, quy tắc ứng xử, tâm lý tiếp xúc cho cán bộ... Đặc biệt là nâng cao thái độ đạo đức nghề nghiệp y đức cho cán bộ y tế gắn với việc "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh".

Bên cạnh đó, Trung tâm luôn chú trọng đẩy mạnh công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, y, bác sĩ, thực hiện tốt các kỹ thuật ngoại tuyến và một số kỹ thuật vượt tuyến; tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, y, bác sĩ đi đào tạo nâng cao trình độ ở nhiều lĩnh vực, chuyên ngành khác nhau tại các trường đại học y khoa và bệnh viện Trung ương; khích lệ công tác nghiên cứu khoa học, áp dụng các kỹ thuật mới, sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong khám, chữa bệnh...

Nhờ đó, Trung tâm Y tế huyện Điện Biên Đông đã đạt được kết quả tích cực trên nhiều lĩnh vực, cụ thể: Trung tâm luôn thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người bệnh tại các cơ sở khám chữa bệnh, duy trì thực hiện tốt công tác KCB, điều trị ngoại trú và kê đơn cấp phát thuốc, điều trị nội trú tại các cơ sở khám chữa bệnh, nhất là KCB người nghèo, trẻ em



Bác sĩ Cà Văn Nội, Giám đốc TTYT huyện Điện Biên Đông kiểm tra trang thiết bị Y tế phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19

dưới 6 tuổi. Đẩy mạnh việc cử cán bộ đi luân phiên giúp đỡ cơ sở y tế tuyến dưới và quán triệt thực hiện đề án 1816 theo ca bệnh đạt hiệu quả, nhờ đó, phần nào giảm thiểu bệnh nhân chuyển tuyến xã lên. Hiện nay, Trung tâm đã triển khai được các danh mục kỹ thuật cơ bản theo phân tuyến, có đội ngũ chuyên khoa cơ bản đầy đủ theo ca, kíp. Đặc biệt, Trung tâm luôn duy trì tốt chế độ thường trực cấp cứu 24/24h, khám chữa bệnh, nhất là trong dịp tết Nguyên đán, các ngày lễ và phục vụ các sự kiện lớn của huyện.

Cùng với đó, công tác xây dựng kế hoạch và triển khai cải cách thủ tục hành chính cho các cơ sở khám chữa bệnh trực thuộc được đẩy mạnh. Công tác Truyền thông giáo dục sức khỏe được Trung tâm trú trọng và là nhiệm vụ trọng tâm cho mọi mặt chuyển biến về chuẩn hóa y tế cơ sở, số lượng và chất lượng các buổi truyền thông ngày càng được nâng lên. Công tác tiêm chủng mở rộng được triển khai đều ở các xã trong huyện, các chỉ tiêu kế hoạch giao đều được triển khai thực hiện, các chỉ tiêu chăm sóc sức khỏe

sinh sản đều đạt so với kế hoạch, chất lượng quản lý thai nghén và chăm sóc trước và sau sinh ngày càng được nâng lên...

Đáng chú ý, trước tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp của đại dịch viêm đường hô hấp cấp do Covid19 gây ra, Trung tâm đã kịp thời tham mưu cho UBND huyện xây dựng Kế hoạch phòng chống dịch Covid19, đồng thời tổ chức phun xử lý môi trường bằng CloraminB cho tất cả các cơ quan, trường học, bệnh viện, trạm y tế xã, trụ sở UBND các xã trên địa bàn huyện; thành lập khu cách ly tập trung, lập 02 chốt kiểm soát để kiểm soát toàn bộ những người ra vào địa bàn huyện; kết hợp với lực lượng công an, rà soát các trường hợp ngoại tỉnh về, đi từ vùng dịch về, đặc biệt là rà soát các đối tượng đi từ nước ngoài về để tổ chức cách ly tập trung tại khu cách ly của huyện theo qui định.

Những kết quả đó, đã giúp cho chất lượng chăm sóc sức khỏe trên địa bàn huyện Điện Biên Đông được nâng lên, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

Minh Hùng



TUẦN GIÁO: HUY ĐỘNG MỌI NGUỒN LỰC ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Là huyện cửa ngõ của tỉnh Điện Biên, Tuần Giáo có hệ thống đường giao thông khá thuận lợi với nhiều tuyến quốc lộ, trực chính kết nối liên tỉnh, liên huyện, ngoài ra, Huyện còn có lợi thế lớn trong sản xuất nông nghiệp. Phát huy những tiềm năng đó, nhiệm kỳ vừa qua (2016 - 2020), huyện Tuần Giáo đã huy động tổng hợp các nguồn lực, triển khai có hiệu quả các chương trình hành động, trong đó đột phá vào xây dựng kết cấu hạ tầng, trồng cây công nghiệp. Nhờ vậy, đến cuối nhiệm kỳ, kinh tế xã hội Huyện có bước chuyển dịch rõ rệt, đời sống vật chất, tinh thần của người dân không ngừng được cải thiện, nâng cao.

Tập trung phát triển kết cấu hạ tầng

Xác định kết cấu hạ tầng cần phải đi trước một bước, mở đường cho sự phát triển kinh tế xã hội, nhiệm kỳ vừa qua, huyện Tuần Giáo đã tranh thủ sự quan tâm đầu tư của Trung ương, của tỉnh, thông qua các chương trình, dự án như chương trình 135, chương trình xây dựng cơ bản tập trung, chương trình xây dựng nông thôn mới, cùng sự đóng góp của cộng đồng dân cư, các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh... để tập trung phát triển giao thông, xây dựng công trình thiết yếu như trường học, trạm y tế, kênh mương thủy lợi, nước sinh hoạt, điện...

Chỉ tính riêng nguồn vốn nhà nước đầu tư xây dựng hạ tầng trên địa bàn giai đoạn 2016 - 2020 đạt 955,8 tỷ đồng, bình quân mỗi năm đạt 191 tỷ đồng. Nhờ nguồn lực này, Huyện đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp 227 công trình hạ tầng. Đến hết năm 2020, 18/18 xã có điện lưới quốc gia, 80% hộ dân được sử dụng điện an toàn, 53 trường học đạt chuẩn quốc gia (chiếm 78% số trường trực thuộc), 18/18 xã có đường ô tô đến trung tâm xã (trong đó 17 xã đi lại được quanh năm), toàn huyện có 75 nhà văn hoá (trong đó các nhà văn hoá được xây dựng mới đều đạt chuẩn theo quy định mới của Bộ VH&TT&DL), tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp được tưới tiêu chủ động đạt 65%. Để đảm bảo chất lượng công trình xây dựng sử dụng nguồn vốn ngân sách, Huyện đã giao Ban quản lý dự án (QLDA) các công trình huyện là đơn vị chuyên trách làm chủ đầu tư. Dưa vào nguồn nhân lực có trình độ,



Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Văn Thắng (ngoài cùng bên phải) thực địa dự án trồng cây mắc ca công nghệ cao tại huyện Tuần Giáo

cùng với quá trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn các chứng chỉ chuyên ngành, cập nhật văn bản pháp luật liên quan, Ban QLDA các công trình huyện đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, chất lượng công trình được nâng lên, công tác duy tu bảo dưỡng sửa chữa được thực hiện thường xuyên, đảm bảo.

Đối với hệ thống giao thông nông thôn, được sự ủng hộ người dân tham gia hiến đất, đóng góp ngày công, đến nay tỷ lệ đường trục bản được cứng hoá, giải cấp phối đạt 82%, đường ngõ xóm sạch không lầy lội vào mùa mưa đạt 82%, tỷ lệ trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hoá thuận tiện quanh năm đạt 50%. Nhờ thực hiện tốt quy chế dân chủ và công khai minh bạch trong tổ chức lựa chọn triển khai công trình và có sự tham gia

của chính quyền cơ sở và người dân nên tiến độ chất lượng công trình được đảm bảo.

Bước chuyển mạnh trong sản xuất nông nghiệp

Trên cơ sở hạ tầng ngày một đồng bộ, UBND huyện đã tập trung triển khai các chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế, tập trung vào lĩnh vực có thế mạnh là nông nghiệp. Phát huy lợi thế về đất đai, khí hậu và lực lượng lao động dồi dào, huyện Tuần Giáo đã tập trung chuyển đổi cơ cấu kinh tế, quy hoạch đầu tư tại các vùng kinh tế trọng điểm như: Ngõ, đậu tương tại các xã Ta Ma, Phình Sáng, Rạng Đông và Pú Nhung; vùng thâm canh cây lúa nước tại Quài Tở, Quài Cang, Quài Nưa, Chiềng Sinh, Chiềng Đông, Mường Thín và vùng phát triển chăn nuôi đàn gia súc.

Để hỗ trợ cho người dân, Huyện đẩy mạnh chuyển giao khoa học

- kỹ thuật, lựa chọn mô hình mang lại hiệu quả kinh tế cao, nổi bật các mô hình trồng na (tại 2 xã Rạng Đông, Mùn Chung); mô hình bưởi da xanh (tại các xã: Rạng Đông, Mùn Chung, Quài Nưa); mô hình lạc (Mường Thín, Quài Cang); mô hình khoai tây vụ đông (Quài Cang, Quài Tở, Chiềng Sinh); mô hình ngô xuân (Rạng Đông, Pú Nhung). Đặc biệt, trên địa bàn huyện đã hình thành nhiều vùng trồng cây công nghiệp tập trung có quy mô lớn như 1.320ha cây cao su, 342ha cây cà phê, 206,1ha cây táo mèo, trồng mới 1.400ha mắc ca, 58,2ha cây thảo quả... Huyện đã chỉ đạo chính quyền các xã phát triển chuỗi liên kết và tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả (xoài Đài Loan, bưởi Diễn, bưởi da xanh, táo mèo, lê Đài Loan...) với tổng diện tích 374,6ha.

Mặt khác, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan liên quan và UBND các xã, thị trấn phổ biến, triển khai những chính sách khuyến khích, hỗ trợ của Nhà nước nhằm thu hút các doanh nghiệp đến tìm hiểu, đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. UBND huyện chỉ đạo quyết liệt cơ quan chức năng và UBND các xã, thị trấn tạo điều kiện hỗ trợ, hướng dẫn các doanh nghiệp, nhà đầu tư hoàn thiện các thủ tục để triển khai thực hiện dự án.

Nhờ đó, thời gian qua, có nhiều doanh nghiệp quyết định đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nổi bật như: Công ty CP Macadamia đã trồng được 1.400 ha cây mắc ca với tổng vốn đầu tư 485 tỷ đồng; Công ty CP rau hoa quả Trung ương phát triển chuỗi liên kết và tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả với tổng diện tích 374,6 ha; Công ty TNHH Sơn Hạnh đầu tư nuôi cá hồi, cá tầm tại xã Tênh Phong với tổng vốn trên 10 tỷ đồng... Thời gian tới, Huyện ưu tiên thu hút đầu tư vào các dự án trồng cây ăn quả và các loại cây kinh tế cao (sa nhân, thảo quả, sơn tra...) kết hợp với trồng rừng (trồng cây dược liệu dưới tán rừng); các dự án nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi đại gia súc.

Với những giải pháp tổng thể, lĩnh vực nông nghiệp huyện liên tục tăng trưởng, giá trị sản xuất ngành nông nghiệp năm 2020 đạt 78,2 tỷ đồng, tăng bình quân 4,25%/năm (giai đoạn 2016 - 2020). Trên địa bàn xuất hiện nhiều mô hình tập thể, cá nhân làm kinh tế giỏi có thu nhập hàng trăm triệu đồng mỗi năm, kết quả là không chỉ người dân thoát nghèo mà còn vươn lên làm giàu bằng sản xuất nông nghiệp. Những thành công trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp đã góp phần quan trọng vào phát triển bền vững của huyện. Đặc biệt, trong năm 2020, dù còn gặp nhiều khó khăn, thách thức do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, kinh tế vẫn đạt mức tăng trưởng khá, tổng thu ngân sách địa phương đạt 121,8% dự toán, tăng 21,8% so với năm 2019, trong đó thu ngân sách trên địa bàn đạt 102,4% dự toán, huyện có 5 xã cơ bản đạt các tiêu chí về xây dựng NTM, tỷ lệ giảm nghèo ước còn 33,37%, giảm 5% so với cuối năm 2019...

Long Đình

HUYỆN TỬA CHÙA: TRANH THỦ MỌI NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, NÔNG LỰC



Chợ phiên không chỉ là nơi giao thương hàng hóa, nông sản mà còn thể hiện nhiều nét văn hóa truyền thống đặc trưng của các dân tộc huyện Tủa Chùa

Tủa Chùa là một trong số các huyện nghèo vùng cao của tỉnh Điện Biên. Điều kiện kinh tế - xã hội của huyện vẫn còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số cao (chiếm trên 95%); cơ sở hạ tầng còn hạn chế, giao thông đi lại gặp rất nhiều khó khăn, song, phát huy tối đa các chính sách, nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương, tỉnh; sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở và sự cố gắng, nỗ lực của người dân, trong giai đoạn 2016-2020, kinh tế - xã hội của huyện đã có những bước phát triển khá, cơ sở hạ tầng từng bước được hoàn thiện, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng lên...

Huyện Tủa Chùa xác định phát triển kết cấu hạ tầng, đặc biệt hạ tầng giao thông là một trong những nhiệm vụ quan trọng, đột phá góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Trong những năm qua, bằng các nguồn vốn thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia của Trung ương và nguồn vốn ngân sách địa phương, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn huyện và UBND các xã, thị trấn tập trung rà soát, lập kế hoạch, lựa chọn ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình, dự án cấp thiết, đáp ứng nhu cầu và nguyện vọng của người dân, phù hợp với khả năng, điều kiện thực tế của địa phương.

Theo đó, Huyện đã tập trung, ưu tiên các nguồn lực để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, đặc biệt là ưu tiên đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cứng hóa các công trình đường giao thông đến trung tâm



ĐẦU TƯ ĐẨY MẠNH VƯỜN LÊN THOÁT NGHÈO

các xã và đường đến trung tâm các thôn bản; các công trình trường học, trạm y tế, trụ sở xã, nhà văn hóa xã, thôn; sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt; kiến nghị đầu tư lưới điện cho các thôn, bản trên địa bàn.

Kết quả trong giai đoạn 2016-2020, Huyện đã đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo cứng hóa được trên 80 km đường liên huyện và từ huyện đến trung tâm các xã và liên xã (11/11 xã, đạt 100% có đường cứng hóa đến trung tâm xã); trên 60 km đường giao thông đến trung tâm các thôn và liên thôn, bản được đầu tư mở mới, nâng cấp, cải tạo; đầu tư xây dựng mới 7 nhà văn hóa xã, 20 nhà văn hóa thôn; đầu tư xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa nâng cấp 19 công trình trường học, 8 công trình trụ sở cơ quan, UBND các xã, thị trấn; 01 công trình chợ xã, 6 công trình kẻ chống sạt lở, 15 công trình thủy lợi, nước sinh hoạt; 5 công trình trạm y tế; kiến nghị Sở Công thương đầu tư lưới điện cho 10 thôn, bản với trên 500 hộ sử dụng điện lưới quốc gia. Với tổng nguồn vốn đầu tư công được phân bổ của huyện trên 520 tỷ đồng; giá trị giải ngân cả giai đoạn trên 510 tỷ đồng, đạt trên 98%.



Hang động Pê Răng Ky, xã Huổi Sô rất đẹp và kỳ vĩ, khung cảnh trong hang như những bức tranh tự nhiên lung linh, huyền ảo đã thu hút nhiều du khách tới tham quan, trải nghiệm

Về phát triển kinh tế: Tủa Chùa vẫn xác định Nông nghiệp là ngành kinh tế có vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế của huyện, Vì vậy, phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với tiềm năng thế mạnh của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa nhằm đem lại giá trị kinh tế, góp phần xoá đói giảm nghèo, nâng cao đời sống cho nhân dân luôn được cấp ủy, chính quyền huyện quan tâm chỉ đạo. Trong giai đoạn 2016 - 2020, huyện Tủa Chùa đã đẩy mạnh tuyên truyền thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp, phát huy tiềm năng thế mạnh của từng địa phương với từng đối tượng cây trồng, vật nuôi phù hợp có lợi thế như: Trâu, bò, gia cầm, khoai sọ tím, chè là những đặc sản địa phương. Vùng trồng rau củ quả lạnh tại các xã phía Bắc, nuôi thủy sản tại các xã phía Nam vùng lòng hồ sông Đà.

Bên cạnh đó, thông qua những nguồn vốn từ các Chương trình, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 30a, 135, NTM, chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định số 35/NĐ-CP, chính sách thực hiện theo Quyết định số 45/QĐ-UBND tỉnh, Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững. Huyện đã và đang tập trung thực hiện được 23 dự án liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị (xoài Đài Loan, mít Thái, chanh leo, su su, khoai sọ, sa nhân, mắc ca, cá rô phi...) với tổng quy mô 110 ha tại các xã trên địa bàn huyện.

Mặt khác, trong giai đoạn 2016-2020, Huyện đã phê duyệt 255 dự án hỗ trợ trực tiếp cho 9.700 hộ dân mua con giống, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất; hỗ trợ 1.532 nhà tiêu hợp vệ sinh; 450 chuồng trại chăn nuôi cho trên 2.500 hộ hưởng lợi; mở 24 lớp đào tạo nghề cho 840 lao động nông thôn; thực hiện trồng mới 204,3 ha rừng trồng phòng hộ, thay thế, khoanh nuôi tái sinh 990 ha; khai hoang phục hóa và tạo ruộng bậc thang 200 ha với tổng kinh phí thực hiện trên 83 tỷ đồng. Tập trung thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP và đến nay đã có 4 sản phẩm được công nhận đạt 3 sao, qua đó đã từng bước thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp, tăng thu nhập cho

người dân nông thôn trên địa bàn bình quân đến năm 2020 đạt trên 14,5 triệu đồng/người/năm. Tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện năm 2016 trên 70% giảm xuống còn 46,8% năm 2020, bình quân mỗi năm giảm 4-5%. Trong thời gian tới, để thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII đề ra, huyện Tủa Chùa sẽ tiếp tục tăng cường đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng chuyển đổi cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao như: Trồng cây Mắc ca tại các xã phía Nam, trồng cỏ nuôi gia súc, phục tráng, phát triển một số giống vật nuôi bản địa đặc sản như vịt Bầu, gà Hmông, lợn địa phương...

Bên cạnh đó, Huyện tiếp tục chỉ đạo các địa phương vận động nhân dân tăng cường áp dụng giống mới cho năng suất, chất lượng cao, khả năng thích ứng tốt với điều kiện ngoại cảnh bất lợi; tập trung sản xuất theo hướng hàng hóa hữu cơ, áp dụng cơ giới hóa vào các khâu sơ chế, chế biến sản phẩm. Đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể, khuyến khích thành lập các Hợp tác xã, phát triển sản phẩm OCOP, tăng cường quảng bá, kêu gọi thu hút đầu tư, nhất là các dự án liên kết và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tại địa phương. Mặt khác, Huyện sẽ tiếp tục tập trung triển khai hiệu quả các Chương trình, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất như: Chương trình xây dựng Nông thôn mới, các dự án về bảo vệ và phát triển rừng, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Phát huy những kết quả đã đạt được, đồng thời để kinh tế - xã hội huyện Tủa Chùa tiếp tục phát triển theo hướng tích cực và giảm nghèo bền vững, trong những năm tới, Huyện tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế, tập trung xóa đói, giảm nghèo, thu hút, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho phát triển, chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế trên cơ sở khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của Huyện, tranh thủ tối đa sự quan tâm đầu tư của Trung ương, của Tỉnh để vươn lên thoát nghèo./

P.V

CON SỐ & SỰ KIỆN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 2734-9136. Số kỳ II - 5/2021 (598) Ra hàng tháng. Năm thứ 60

Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG - Phó Tổng biên tập: BÙI BÍCH THỦY - NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN

Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội **ĐT:** (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971

Fax: 84-24-37344969 **Email:** consosukien@gso.gov.vn

Giấy phép xuất bản số 905/GP-BTTTT ngày 14-6-2011. Số lượng in: 1.200 bản

In tại **Công ty TNHH In Tân Thăng Long**

Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

TRONG SỐ NÀY

HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

1. Phát biểu của đồng chí Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái tại Lễ kỷ niệm 75 năm ngày thành lập ngành Thống kê

4. Diễn văn Kỷ niệm 75 năm ngày thành lập ngành Thống kê Việt Nam

7. Lễ Kỷ niệm 75 năm ngày thành lập ngành Thống kê Việt Nam

10. Tổng cục Thống kê khánh thành công trình phục dựng, tôn tạo di tích Nha Thống kê Việt Nam

KINH TẾ - XÃ HỘI

13. Phương pháp tính Chỉ số giá tiêu dùng của Tổng cục Thống kê phản ánh sát với biến động giá tiêu dùng trên thị trường

16. Công nghiệp hỗ trợ Việt tiếp cận gần hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu

TS. Trần Ánh Phương

19. Thị trường bán lẻ - Động lực để nền kinh tế phục hồi và phát triển

ThS. Nguyễn Việt Bình - ThS. Vũ Trọng Nghĩa

22. Tăng cường cấp phép giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) trong bối cảnh thực thi FTA

ThS. Nguyễn Thị Nga - ThS. Phạm Linh Giang

25. Cạnh tranh trên thị trường ngành thực phẩm và dịch vụ ăn uống

ThS. Trần Quang Việt

28. Lan tỏa tinh thần sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả - Từ chính sách đến thực tiễn

Thu Hòa

31. Kết quả 3 năm thực hiện Nghị quyết 120 - Tín hiệu vui để đồng bằng sông Cửu Long "thuận thiên" bền vững

Bích Ngọc

34. Mất cân bằng giới tính khi sinh tại Việt Nam - Thực trạng và giải pháp

Thu Hiền

37. Tin địa phương

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

38. Hoàn thiện Hệ thống Chỉ tiêu thống kê chia sẻ chi phí đào tạo đại học ở Việt Nam

NCS. Hoàng Thanh Huyền

QUỐC TẾ

41. Thị trường dầu mỏ đang trở lại thời hoàng kim?

Thu Hoàng

ĐIỆN BIÊN HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

44. Thành phố Điện Biên Phủ: Tầm nhìn và động lực phát triển

Long Trịnh

45. Mường Chà - Khai thác hiệu quả tiềm năng thế mạnh để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững

Thành Nam

46. Huyện Điện Biên Đông: Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, gắn với mục tiêu xóa đói giảm nghèo

Trọng Nghĩa

48. Chuyển biến tích cực trong công tác khám chữa bệnh và bảo vệ sức khỏe người dân ở Trung tâm Y tế huyện Điện Biên Đông

Minh Hùng

49. Tuần Giáo: Huy động mọi nguồn lực để phát triển bền vững

Long Đình

50. Huyện Tủa Chùa: Tranh thủ mọi nguồn lực đầu tư đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, nỗ lực vươn lên thoát nghèo

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TỬA CHÙA: NỖ LỰC VÌ MỤC TIÊU HƯỚNG TỚI SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI BỆNH

Những năm qua, được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, sự chỉ đạo trực tiếp, sát sao của Sở Y tế, đặc biệt với sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ y, bác sĩ, Trung tâm Y tế (TTYT) huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên luôn làm tốt công tác khám, chữa bệnh, y tế dự phòng, góp phần nâng cao sức khỏe cho nhân dân các dân tộc trên địa bàn.

Bác sĩ CKI Điều Chính Thanh, Giám đốc TTYT huyện Tủa Chùa cho biết: Năm 2020, mặc dù dịch bệnh Covid – 19 tiếp tục diễn biến hết sức phức tạp, tuy nhiên, nhiều chỉ tiêu về khám, chữa bệnh tại Trung tâm vẫn cơ bản hoàn thành hoặc giảm nhẹ so với kế hoạch đề ra. Cụ thể, Trung tâm đã khám bệnh cho trên 63,6 nghìn lượt bệnh nhân, bằng 92,1 % so với cùng kỳ; Điều trị nội trú cho gần 11,4 nghìn người, bằng 86,5 % so với cùng kỳ; Công suất sử dụng giường bệnh đạt 104%...

TTYT huyện Tủa Chùa không chỉ chú trọng nâng cao y đức và tăng cường cơ sở vật chất mà còn mạnh dạn học hỏi, triển khai

các kỹ thuật mới trong chẩn đoán và điều trị bệnh. Hiện nay, trong các lĩnh vực: Ngoại, Sản, Nhi, mổ cấp cứu,... Trung tâm đã triển khai và thực hiện thành công các ca phẫu thuật như: Mổ kết hợp xương, đặt Caletơ tĩnh mạch, mổ cấp cứu sản khoa, mổ ruột thừa, mổ tắc ruột, khâu lỗ thủng dạ dày; mổ đẻ lần 1,2,3, mổ chữa ngoài dạ con, mổ u nang buồng trứng, nội soi dạ dày...

Song song với công tác khám chữa bệnh, TTYT huyện Tủa Chùa cũng luôn chú trọng tới công tác truyền thông giáo dục sức khỏe; phòng chống dịch bệnh theo mùa, các bệnh không lây nhiễm, phòng chống HIV - AIDS và bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn.

Chương trình Tiêm chủng mở rộng cũng được TTYT huyện Tủa Chùa triển khai định kỳ trong nhiều năm liền ở tất cả các xã, thị trấn; Thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống dịch nguy hiểm có thể bùng phát. Năm 2020, Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm đầy đủ 8 loại vắc xin đạt 95,9%, tăng 0,2% so với cùng kỳ; Tỷ lệ tiêm phòng uốn ván cho phụ nữ có thai đạt 82,9%,



Bác sĩ CKI Điều Chính Thanh,
Giám đốc TTYT huyện Tủa Chùa
Ảnh: Trọng Nghĩa

giảm 6,8% so với cùng kỳ; Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ≥ 3 lần/3 kỳ đạt 99,8% KH; Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDDCN còn 17,3%, giảm 0,1% so với cùng kỳ; Tỷ lệ trẻ em từ 6-60 tháng tuổi được uống Vitamin A đạt 102,1% KH...

Mặt khác năm 2020, Trung tâm Y tế huyện đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, giáo dục sức khỏe cho nhân dân bằng nhiều hình thức như: Treo băng zôn, áp phích, phát tờ rơi, tổ chức tuyên truyền qua loa truyền thanh xã... tăng cường lượng tin bài, chuyên mục, chương trình về an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống dịch bệnh Covid-19 và một số dịch bệnh truyền nhiễm. Nhờ vậy, kiến thức của người dân về phòng chống các bệnh lây truyền cũng được cải thiện đáng kể. Ngoài ra, công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân tại các trạm y tế xã cũng đạt kết quả đáng ghi nhận. Năm 2020, có 01 xã Tả Phìn được công nhận đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã, nâng tổng số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế lên 10 xã, chiếm 83,3%.

Trọng Nghĩa



Ê kíp y, bác sĩ Trung tâm Y tế huyện Tủa Chùa thực hiện thành công ca phẫu thuật lấy đinh cố định xương ở cẳng chân phải cho bệnh nhân

HUYỆN TUẦN GIÁO: KHÔNG NGỪNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY VÀ HỌC

Những năm qua, với sự quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, sự nỗ lực cố gắng của đội ngũ những người làm công tác giáo dục, ngành giáo dục huyện Tuần Giáo đã có bước phát triển về cả quy mô trường lớp lẫn chất lượng dạy và học, đáp ứng nhu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Thực hiện chủ trương về việc rà soát, sắp xếp lại mạng lưới trường, lớp học, các năm học gần đây, huyện Tuần Giáo đã tiến hành rà soát đánh giá hiện trạng các trường để có phương án sáp nhập các trường phù hợp điều kiện của từng khu vực, đồng thời tăng cường đưa học sinh lớp 3,4,5 từ các điểm lẻ về trường trung tâm nhằm tăng tỉ lệ học sinh/lớp nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Đến năm học 2019 - 2020, trên địa bàn huyện chỉ còn 64 cơ sở giáo dục (trực thuộc) song quy mô trường, lớp, học sinh các cấp học được giữ vững. Đặc biệt, mạng lưới các trường dân tộc bản trú được duy trì tạo điều kiện cho học sinh các vùng đặc biệt khó khăn yên tâm học tập.

Trong điều kiện khó khăn của một huyện miền núi, để tăng cường cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu cho dạy và học, huyện Tuần Giáo cũng đã tranh thủ nguồn đầu tư từ ngân sách và các chương trình mục tiêu của UBND tỉnh, của Trung ương như: Chương xây dựng trường chuẩn Quốc gia giai đoạn 2016-2020; Đề án kiên cố hóa, trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên; Dự án giáo dục THCS khu vực khó khăn nhất...; đồng thời đẩy mạnh vận động, kêu gọi các tổ chức từ thiện, thiện nguyện, các mạnh thường quân ủng hộ, tài trợ để xây dựng trường, điểm trường... Nổi bật, trong giai đoạn 2018-2020, Quỹ Trò nghèo vùng cao đã hỗ trợ xây dựng trường PTDTBT THCS Pú Xi (xã đặc biệt khó khăn) với tổng mức trên 9 tỷ đồng. Nhờ các nguồn lực tổng hợp này, cơ sở vật chất trường, lớp học được đầu tư theo hướng đồng bộ, chuẩn hóa với trên 70% phòng học được kiên cố hóa; 100% các trường Tiểu học, THCS có phòng học chức năng; hệ thống nhà công vụ cho giáo viên, nhà nội trú cho học sinh cơ bản đáp ứng được nhu cầu của thầy và trò ở các xã khu vực đặc biệt khó khăn...

Cùng với cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ với các



Giáo dục Tuần Giáo tích cực đổi mới phương pháp dạy học.

Trong ảnh: Một hoạt động học trong tiết Tiếng Việt Trường tiểu học Mùn Chung

hình thức đa dạng, phù hợp. Các trường cũng đổi mới sinh hoạt chuyên môn, tăng cường tổ chức các chuyên đề ở các khối lớp, các bộ môn, rút kinh nghiệm thực tế ở từng cụm trường. Đến hết năm 2020, Tuần Giáo luôn có một đội ngũ cán bộ, giáo viên đảm bảo về lượng và chất, 100% cán bộ quản lý tại các trường có trình độ trung cấp lý luận, 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt trình độ chuẩn trở lên.

Nhờ các giải pháp được triển khai đồng bộ, hiệu quả, chất lượng giáo dục toàn diện được giữ vững, các chỉ tiêu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Nổi bật, trong 05 năm học vừa qua, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt trên 99%, học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99,9%. Chất lượng giáo dục ở các lĩnh vực phát triển đối với trẻ mầm non đều đạt trên 95% trở lên. Tuần Giáo luôn là một trong những huyện tốp đầu của ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Điện Biên trong các kỳ thi học sinh giỏi và khoa học kỹ thuật. Toàn bộ 19/19 xã thị trấn duy trì phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập GDTH mức độ 3, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; 17/19 xã, thị trấn, đạt chuẩn đạt chuẩn PCGDTHCS mức độ 3. Năm học 2019 - 2020, toàn huyện có 58 trường đạt chuẩn quốc gia tăng 14 trường so với năm 2016.

Việc đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học được đẩy mạnh ở tất cả các cấp học. Các trường đẩy mạnh dạy học theo hướng nâng cao năng lực và phẩm chất, lựa chọn các hình thức tổ chức dạy học phù hợp, tăng cường các hoạt động trải nghiệm sáng tạo và ứng dụng CNTT trong tổ chức dạy học, đẩy mạnh hoạt động NCKH, tăng cường mô hình học tập gắn với thực tiễn. Giáo viên là người tổ chức, hướng dẫn hoạt động, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề nhằm khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động học tập, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, vận dụng hiệu quả những kiến thức, kĩ năng đã tích lũy để phát triển toàn diện.

Phát huy những kết quả đạt được trong giai đoạn qua, thời gian tới huyện Tuần Giáo đẩy mạnh phong trào thi đua trong toàn ngành giáo dục, tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp. Với tâm huyết và sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, chất lượng giáo dục toàn diện ngày càng được nâng lên, góp phần tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho sự phát triển kinh tế, xã hội của huyện Tuần Giáo và tỉnh Điện Biên.

Trịnh Long